

ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC XÃ HỘI NHÂN VĂN

Sổ tay sinh viên

Hà Nội 2008

MỤC LỤC

	TRANG
- Lời nói đầu	4
- Quá trình hình thành và phát triển Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, ĐHQG Hà Nội	6
- Cơ cấu tổ chức Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn	8
- Các địa chỉ cần biết	9
- Lịch tiếp sinh viên và chương trình định hướng cho sinh viên mới nhập học	13
- Quy định về đào tạo đại học hệ chính quy theo tín chỉ ở Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn	14
- Những điểm chính cần lưu ý trong “Quy định về đào tạo đại học hệ chính quy theo tín chỉ ở Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn”	53
- Quy chế học sinh – sinh viên các trường đại học, cao đẳng và trung cấp chuyên nghiệp hệ chính quy	55
- Quy chế đánh giá kết quả rèn luyện của học sinh, sinh viên các cơ sở giáo dục đại học và trường trung cấp chuyên nghiệp hệ chính quy	74
- Quyết định của Thủ tướng chính phủ số 157/2007/QĐ-TTg, ngày 27/9/2008 về tín dụng đối với học sinh – sinh viên	80
- Quy định tạm thời về quản lý và sử dụng học bổng tại ĐHQG Hà Nội	85
- Kế hoạch cuộc đời	97
- Học theo tín chỉ: Ý nghĩa của chương trình đào tạo và thời khóa biểu đối với sinh viên	100
- Hướng dẫn sinh viên đăng ký môn học trực tuyến	101
- 20 câu hỏi sinh viên thường gặp trong đào tạo theo tín chỉ	109
- Giới thiệu về website của phòng Đào tạo	116
- Một số kỹ năng sinh viên mới nên có kế hoạch học hỏi và thực hành	119
- Các biểu mẫu dành cho sinh viên	120
- Dành cho sinh viên ghi chép	121

LỜI NÓI ĐẦU

Các bạn sinh viên thân mến!

Để hoàn thành tốt việc học tập tại Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, ngoài việc nhận được sự hướng dẫn từ giảng viên, cố vấn học tập, các phòng ban chức năng và các tổ chức đoàn thể, mỗi sinh viên phải tự trang bị cho mình những kiến thức hết sức cơ bản liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của sinh viên; biết khai thác thông tin liên quan đến việc tổ chức việc học tập, cuộc sống của sinh viên và các thông tin khác

Và bạn sẽ tự hỏi: Tôi sẽ lấy những thông tin đó ở đâu và bằng cách nào?

Cuốn sổ bạn đang cầm trên tay là một cách trả lời cho băn khoăn đó của bạn. Sổ tay có những thông tin và chỉ dẫn cơ bản nhất, gần gũi nhất với việc học tập và rèn luyện của sinh viên ở Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn

Cùng với sổ tay, sinh viên mới nhập học cần biết cách khai thác các kênh thông tin sau:

- Website của Trường: <http://www.ussh.edu.vn>
- Website của phòng Đào tạo: <http://dt.ussh.edu.vn>
- Diễn đàn sinh viên Nhân văn: <http://svnhanvan.org>
- Webmail sinh viên của Trường: <http://sv.ussh.edu.vn>
- Email của phòng Đào tạo: daotao@ussh.edu.vn
- Email của phòng Chính trị và CTSV: ctsv@ussh.edu.vn

Sử dụng sổ tay như thế nào?

Thứ nhất: Hãy coi cuốn sổ nhỏ này là người bạn đồng hành của bạn trong những năm học tập tại Trường; và khi đã coi nhau là tri kỷ thì hãy thường xuyên cùng đối thoại để hiểu nhau hơn.

Thứ hai: Hãy chỉ đọc nội dung sổ tay khi mà bạn có tâm trạng thoải mái nhất và bạn đã xác định được rõ ràng bạn cần gì từ tài liệu này.

Thứ ba: Hãy viết lại sổ tay theo cách của bạn. Ghi lại những suy nghĩ của bạn, những phát hiện hay những băn khoăn, và cả những chỗ bạn thấy khó hiểu, bực mình.

Thứ tư: Hãy chia sẻ những suy nghĩ của bạn khi đọc sổ tay này với bạn bè, cố vấn học tập. Hãy gửi những đề xuất của bạn tới email của cố vấn học tập, phòng Đào tạo, phòng Chính trị và Công tác sinh viên. Đó là một việc làm rất hữu ích.

Thứ năm: Hãy ghi lại những cơ hội bạn được thực hành những điều đã ghi trong sổ tay và kiểm chứng giữa nhận thức của bạn và kết quả thực tế.

Thứ sáu: Hãy luôn nhớ, đi cùng với những quy định có trong sổ tay là những hướng dẫn và mẫu biểu song chúng lại không thể đưa hết vào sổ tay được. Những tài liệu này có trên website của phòng Đào tạo và website của Trường Đại học Khoa học xã hội và nhân văn.

Thứ bảy: Hãy nhớ rằng, đào tạo theo tín chỉ là phương thức đào tạo tiên tiến, dựa trên nền tảng là sự chủ động tối đa của sinh viên. Vì thế, việc tìm đọc các tài liệu viết về đào tạo theo tín chỉ là một lựa chọn cần thiết để giúp bạn hiểu rõ hơn những gì có trong sổ tay này.

Hãy bắt đầu làm chủ việc học của bạn bằng việc sử dụng một cách chủ động và thông minh cuốn sổ tay này.

Chúc bạn thành công!

Rất mong nhận được ý kiến góp ý cho nội dung của sổ tay!

Xin gửi về địa chỉ: viethai@vnu.edu.vn, daotao@ussh.edu.vn

QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC XÃ HỘI VÀ NHÂN VĂN, ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI

Hơn sáu mươi năm sau khi nhà Lý định đô ở Thăng Long, vào năm 1076, Quốc Tử Giám, trường đại học đầu tiên của nước Đại Việt đã được thành lập, khởi đầu một kỷ nguyên phát triển rực rỡ của nền giáo dục và văn hóa dân tộc.

Sau Cách mạng tháng Tám, ngày 10/10/1945, Chủ tịch Hồ Chí Minh ký Sắc lệnh số 45/SL thành lập Đại học Văn khoa tại Hà Nội với mục đích đưa nền khoa học nước nhà “theo kịp bước các nước tiên tiến trên hoàn cầu”.

Ngày 15/11/1945, Trường Đại học Quốc gia Việt Nam đã tổ chức Lễ khai giảng năm học đầu tiên tại 19 Lê Thánh Tông, Hà Nội.

Trong chín năm kháng chiến trường kỳ, các trung tâm đại học đã được thành lập ở Việt Bắc, Liên khu IV, có cơ sở đặt ở Nam Ninh (Trung Quốc).

Kháng chiến chống Pháp thắng lợi, nền đại học Việt Nam tiếp tục phát triển và mở rộng. Ngày 4/6/1956, Thủ tướng Chính phủ ra Quyết định số 2183/PC thành lập Trường Đại học Tổng hợp. Năm 1957, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã đến thăm cán bộ và sinh viên nhà trường.

Từ năm 1956 đến năm 1995 là thời kỳ phát triển mạnh mẽ của nhà trường với tư cách là trung tâm nghiên cứu và đào tạo khoa học cơ bản hàng đầu của cả nước, phục vụ đắc lực sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Đội ngũ các giáo sư, các nhà khoa học hàng đầu của đất nước đã làm việc, cống hiến sức lực và trí tuệ ở nơi đây. Những nền tảng cơ bản nhất của nền khoa học Việt Nam đã được xây đắp và khẳng định giá trị. Cũng từ mái trường này, nhiều cán bộ và sinh viên đã anh dũng hi sinh vì sự nghiệp cách mạng vẻ vang của dân tộc.

Tháng 9/1995, trên nền tảng các ngành khoa học xã hội và nhân văn của Trường Đại học Tổng hợp Hà Nội, Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn chính thức được thành lập và trở thành một thành viên của Đại học Quốc gia Hà Nội.

Quá trình xây dựng và phát triển của nhà trường gắn liền với tên tuổi của những giáo sư nổi tiếng như: Đặng Thai Mai, Trần Văn Giàu, Đào Duy Anh, Trần Đức Thảo, Cao Xuân Huy, Hoàng Xuân Nhị, Đinh Xuân Lâm, Phan Huy Lê, Hà Văn Tấn, Trần Quốc Vượng, Nguyễn Tài Cẩn, Đinh Gia Khánh, Phan Cự Đệ, Hà Minh Đức, Hoàng Như Mai, Lê Đình Ky, Trần Đình Hượu.... Đến nay, Nhà trường đã có 8 giáo sư được tặng Giải thưởng Hồ Chí Minh; 11 giáo sư được tặng Giải thưởng Nhà nước; 12 nhà giáo được phong tặng danh hiệu Nhà giáo nhân dân; 32 nhà giáo được phong tặng danh hiệu Nhà giáo ưu tú.

Phát huy truyền thống của Đại học Văn khoa và Trường Đại học Tổng hợp Hà Nội, Nhà trường tiếp tục phát triển và trưởng thành trên tất cả các lĩnh vực để giữ vững vị trí hàng đầu của cả nước về đào tạo đại học và sau đại học các ngành khoa học xã hội và nhân văn, tiến tới ngang tầm các trường đại học tiên tiến trong khu vực và trên thế giới.

Đúng vào dịp kỷ niệm 60 năm ngày thành lập Trường Đại học Văn khoa - tiền thân của Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn hiện nay, Nhà trường vinh dự được Nhà nước phong tặng danh hiệu cao quý:

ĐƠN VỊ ANH HÙNG LAO ĐỘNG THỜI KỲ ĐỔI MỚI

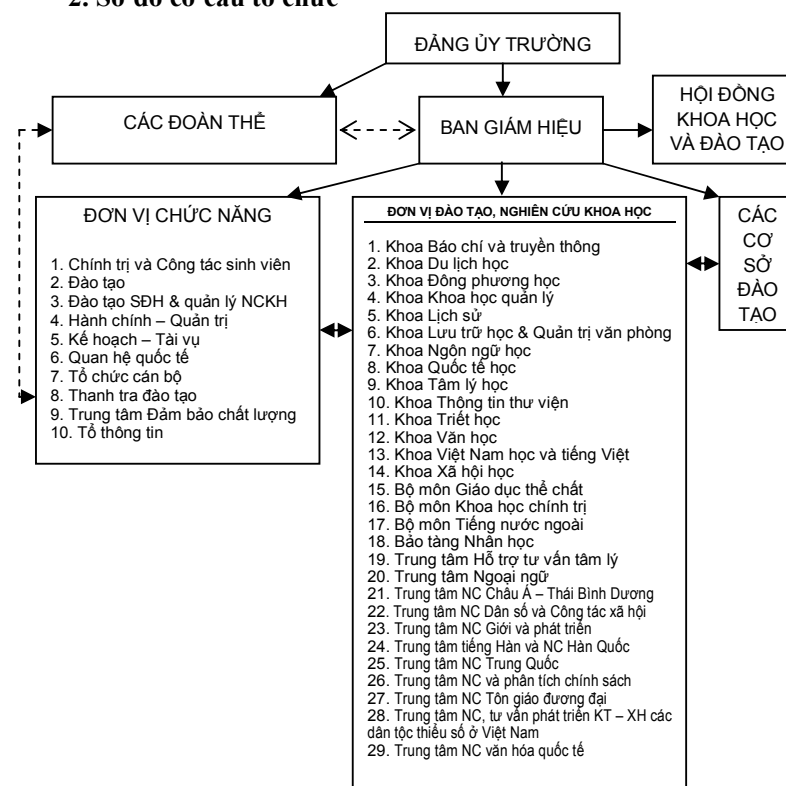
Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn hiện có 14 khoa, 3 bộ môn trực thuộc, 10 trung tâm nghiên cứu; đơn vị chức năng gồm: 7 phòng, 1 ban, 1 trung tâm và 1 tổ công tác. Hàng năm, nhà trường đào tạo hàng ngàn sinh viên ở các ngành học và bậc học về các khoa học xã hội và nhân văn.

CƠ CẤU TỔ CHỨC NHÀ TRƯỜNG

1. Ban Giám hiệu

Hiệu trưởng: GS.TS. Nguyễn Văn Khánh
 Phó Hiệu trưởng: PGS. TS. Phạm Gia Lâm
 Phó Hiệu trưởng: PGS.TS. Vũ Đức Nghiệu
 Phó Hiệu trưởng: PGS.TS. Lâm Bá Nam

2. Sơ đồ cơ cấu tổ chức



3. Khuôn viên của Trường:

- Trụ sở chính: Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn số 336, đường Nguyễn Trãi, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội
Điện thoại: 04.8583799 Email: contact@ussh.edu.vn

- Cơ sở khác: Khoa Việt Nam học và tiếng Việt
phố Trần Đại Nghĩa, quận Hai Bà Trưng, Hà Nội

* Từ năm 2007, Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn triển khai Dự án xây dựng cơ sở mới tại Hòa Lạc, Thạch Thất, Hà Nội với quy mô rộng 58 ha.

CÁC ĐỊA CHỈ SINH VIÊN CẦN BIẾT

TT	ĐƠN VỊ	ĐỊA CHỈ	ĐIỆN THOẠI
Phòng chức năng và bộ phận phục vụ			
1.	Trợ lý Hiệu trưởng	501 – nhà E	5588053
2.	Phòng Chính trị và Công tác sinh viên	408 - nhà E	8585242
3.	Phòng Đào tạo	604 - nhà E	5575892, 8585237
4.	Phòng Đào tạo SDH và Quản lý NCKH	605 - nhà E	8584278
5.	Phòng Hành chính - Quản trị	401 - nhà E	8583799
6.	Phòng Kế hoạch - Tài vụ	405 - nhà E	8585243
7.	Phòng Quan hệ quốc tế	404 - nhà E	8583798
8.	Phòng Tổ chức cán bộ	401 - nhà E	8585245
9.	Ban Thanh Tra	406 - nhà E	8585241
10.	Trung tâm Đảm bảo chất lượng đào tạo	706 - nhà E	5574515
11.	Tổ Thông tin	603 – nhà E	5576938

TT	ĐƠN VỊ	ĐỊA CHỈ	ĐIỆN THOẠI
12.	Tổ Bảo vệ (cổng chính) ♥	Cổng 336 Nguyễn Trãi	8588423
13.	Tổ y tế tại Thượng Đình ♥	Tầng 1, nhà D	5589445
14.	Tổ điện - nước	Tầng 1 – nhà BC	5588050
15.	Bảo tàng Nhân học	Tầng 3, nhà D	5589774
16.	Phòng Truyền thống	Tầng 2, nhà D	
17.	Phòng Internet ♥	Nhà I	5587127
18.	Tư vấn tâm lý sinh viên ♥	408 – nhà E	5576371
Các khoa và bộ môn trực thuộc			
19.	Khoa Báo chí - Truyền thông	từ 101 đến 107, nhà A	8581078
20.	Khoa Du lịch học	từ 108 đến 114, nhà A	8584605
21.	Khoa Đông phương học	từ 201 đến 207, nhà C	8584596
22.	Khoa Khoa học quản lý	từ 108 đến 114, nhà B	5586013
23.	Khoa Lịch sử	từ 301 đến 307, nhà B	8585284
24.	Khoa Lưu trữ học và Quản trị văn phòng	từ 408 đến 414, nhà B	5588315
25.	Khoa Ngôn ngữ học	từ 301 đến 307, nhà A	5588603
26.	Khoa Quốc tế học	từ 208 đến 214, nhà B	8584599
27.	Khoa Tâm lý học	Tầng 1, nhà D	8588003
28.	Khoa Thông tin - Thư viện	từ 408 đến 414, nhà A	8583903
29.	Khoa Triết học	từ 401 đến 407, nhà B	8581423
30.	Khoa Văn học	từ 308 đến 314, nhà B	8581165
31.	Khoa Xã hội học	từ 208 đến 214,	8582540

TT	ĐƠN VỊ	ĐỊA CHỈ	ĐIỆN THOẠI
		nhà A	
32.	Khoa Việt Nam học và tiếng Việt	phố Trần Đại Nghĩa, Hai Bà Trưng, Hà Nội	8694323
33.	Bộ môn Tiếng nước ngoài	từ 401 đến 407, nhà A	8587659
34.	Bộ môn Giáo dục Thể chất	từ 306 đến 307, nhà A	5588731
35.	Bộ môn Khoa học chính trị	từ 208 đến 214, nhà C	8588173
Văn phòng Đảng, đoàn thể			
36.	Văn phòng Đảng ủy	603 – nhà E	8585244
37.	Văn phòng Đoàn thanh niên – Hội sinh viên	113 – nhà C	5588052
38.	Văn phòng Công đoàn	601 – nhà E	8585245
Địa chỉ khác			
39.	Trung tâm Giáo dục quốc phòng	311 – nhà A	5581836
40.	Phòng đọc Thượng Đình	tầng 1 đến tầng 3, nhà E	8583483
41.	Trung tâm Nội trú sinh viên Mỹ Trì	182, đường Lương Thế Vinh, Thanh Xuân, Hà Nội	8544466
42.	Làng sinh viên Hacinco	đường Ngụy Như Kon Tum, Thanh Xuân, Hà Nội	5584035
43.	<i>Cấp cứu</i>		115
44.	<i>Bảo cháy</i>		114
45.	<i>Cảnh sát phản ứng nhanh</i>		113
Dành cho sinh viên			
46.			
47.			
48.			

TT	ĐƠN VỊ	ĐỊA CHỈ	ĐIỆN THOẠI
49.			
50.			
51.			
52.			
53.			
54.			
55.			
56.			
57.			
58.			
59.			
60.			
61.			
62.			
63.			
64.			
65.			
66.			
67.			
68.			
69.			
70.			
71.			
72.			
73.			
74.			
75.			
76.			
77.			
78.			
79.			
80.			

LỊCH TIẾP SINH VIÊN

1. Phòng Đào tạo

Buổi sáng: Thứ 3, thứ 5

Buổi chiều: Thứ 2, thứ 4

2. Phòng Chính trị và Công tác sinh viên

Buổi sáng: Thứ 3, thứ 5

Buổi chiều: Thứ 4, thứ 6

3. Lưu ý trước khi đến phòng chức năng theo lịch tiếp sinh viên

- Xác định rõ ràng vấn đề cần giải quyết
 - Đọc kỹ các quy định có liên quan
 - Xem các mục hỏi – đáp trên diễn đàn
 - Tham khảo ý kiến cố vấn học tập
 - Gửi thư điện tử đề hỏi (nếu không phải là việc cấp bách)
 - Đến theo đúng lịch tiếp sinh viên, ghi đầy đủ vào các mẫu biểu liên quan đến công việc sinh viên cần giải quyết
-

CHƯƠNG TRÌNH ĐỊNH HƯỚNG CHO SINH VIÊN MỚI NHẬP HỌC

- Sinh hoạt công dân đầu khóa học
(*phòng Chính trị và Công tác sinh viên tổ chức*)
- Gặp gỡ Ban chủ nhiệm khoa, cố vấn học tập tuần đầu khóa học
(*Cố vấn học tập tổ chức*)
- Giới thiệu về nhà trường, các nguồn thông tin và cách khai thác
(*Đoàn Thanh niên và Hội Sinh viên Trường tổ chức*)
- Các nội dung cơ bản về đào tạo đại học theo tín chỉ
(*phòng Đào tạo tổ chức*)

Thời gian thực hiện: Từ ngày nhập học đến hết tháng 10

Tiêu điểm học kỳ đầu tiên: + Chương trình định hướng

+ Đăng ký môn học học kỳ II

QUY ĐỊNH ĐÀO TẠO ĐẠI HỌC HỆ CHÍNH QUY THEO TÍN CHỈ Ở TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC XÃ HỘI VÀ NHÂN VĂN

(ban hành theo Quyết định số 2345/QĐ/XHNV-ĐT, ngày 24/9/2007 và được sửa đổi, bổ sung theo Quyết định số 1101/QĐ/XHNV-ĐT, ngày 01/9/2008 của Hiệu trưởng trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn)

CHƯƠNG 1 QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi áp dụng

Quy định này là sự cụ thể hóa *Quy chế đào tạo đại học và cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ* của Bộ Giáo dục và Đào tạo, *Quy chế đào tạo đại học ở Đại học Quốc gia Hà Nội* về việc tổ chức quá trình đào tạo, kiểm tra – đánh giá và công nhận tốt nghiệp cho sinh viên đại học chính quy ở Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn thuộc Đại học Quốc gia Hà Nội.

Điều 2. Mục tiêu đào tạo

Đào tạo cử nhân các ngành khoa học xã hội và nhân văn:

2.1. Có lập trường tư tưởng, chính trị vững vàng, phẩm chất đạo đức tốt, ý thức nghề nghiệp đúng đắn, trung thực trong khoa học; nhận thức đúng đắn về các giá trị xã hội và có thái độ ứng xử phù hợp với các giá trị đó; thể hiện rõ trách nhiệm nghề nghiệp và ý thức cộng đồng.

2.2. Có kiến thức chuyên môn đủ sâu và rộng để hoạt động tốt trong lĩnh vực chuyên môn của mình, có khả năng áp dụng kiến thức vào hoạt động thực tế.

2.3. Có khả năng tự học và học tập suốt đời nhằm tự nâng cao năng lực cá nhân và đạt được thành công trong hoạt động chuyên môn; có kỹ năng tự tìm kiếm thông tin và kiến thức liên quan đến hoạt động chuyên môn; có khả năng tự đánh giá và thẩm định kiến thức hiện có của mình; hiểu và chấp nhận các điểm yếu, điểm mạnh của bản thân, nắm được phương pháp và chiến lược học tập phù hợp với bản thân; chủ động và

linh hoạt trong việc thích ứng với những thay đổi của môi trường làm việc cũng như cuộc sống.

2.4. Có khả năng làm việc theo nhóm và làm việc độc lập; có kỹ năng giải quyết vấn đề một cách tích cực, sáng tạo và hiệu quả.

Đối với sinh viên tốt nghiệp hệ chất lượng cao, ngoài việc đảm bảo mục tiêu về kiến thức, kỹ năng và thái độ như trên, sinh viên còn phải đáp ứng các yêu cầu: có kiến thức chuyên môn giỏi; có năng lực sáng tạo; có khả năng sử dụng ngoại ngữ trong giao tiếp với các đồng nghiệp nước ngoài về chuyên môn và những vấn đề xã hội thông thường; có khả năng sử dụng tốt công cụ tin học, tài nguyên mạng để phục vụ công tác chuyên môn; có khả năng hòa nhập với các mô hình đào tạo bậc cao của các trường đại học tiên tiến trong khu vực và quốc tế.

Điều 3. Tuyển sinh

Trường tổ chức tuyển sinh theo Quy chế tuyển sinh đại học và cao đẳng hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo và các quy định về tuyển sinh của Đại học Quốc gia Hà Nội.

Căn cứ chỉ tiêu được giao, Trường tổ chức tuyển chọn sinh viên cho các chương trình đào tạo chất lượng cao theo quy định của Đại học Quốc gia Hà Nội.

Điều 4. Chương trình đào tạo

4.1. Chương trình giáo dục đại học (sau đây gọi tắt là chương trình đào tạo) thể hiện mục tiêu giáo dục đại học, quy định chuẩn kiến thức, kỹ năng, phạm vi và cấu trúc nội dung giáo dục đại học, phương pháp và hình thức đào tạo, cách thức đánh giá kết quả đào tạo đối với mỗi môn học, ngành học, trình độ đào tạo của giáo dục đại học.

4.2. Chương trình đào tạo cử nhân các ngành khoa học xã hội và nhân văn được xây dựng dựa trên các chương trình khung do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành và hướng dẫn của Đại học Quốc gia Hà Nội.

Các chương trình đào tạo được xây dựng, triển khai theo định hướng chương trình đào tạo của các trường đại học tiên tiến trên thế giới, nhằm đáp ứng được mục tiêu đào tạo, vừa kế thừa đảm bảo mức độ ổn định cần thiết của các chương trình đào tạo đã được áp dụng trong thời gian vừa qua, vừa có những điều chỉnh, bổ sung kịp thời để đáp ứng nhu cầu sử dụng nguồn nhân lực của xã hội.

4.3. Chương trình đào tạo gồm 6 khối kiến thức: kiến thức chung, kiến thức toán và khoa học tự nhiên, kiến thức cơ bản của ngành hoặc nhóm ngành, kiến thức cơ sở ngành, kiến thức chuyên ngành, kiến thức thực tập và tốt nghiệp.

4.4 Các chương trình đào tạo đại học hiện hành:

a. Chương trình đào tạo chuẩn có khối lượng từ 120 đến 140 tín chỉ

b. Chương trình đào tạo chất lượng cao có khối lượng từ 150 đến 155 tín chỉ.

Chương trình đào tạo chất lượng cao cơ bản dựa trên Chương trình đào tạo chuẩn hiện hành nhưng được bổ sung và nâng cao, nhằm đạt được hiệu quả tiếp thu kiến thức, rèn luyện kỹ năng cao hơn. Chương trình này nhằm đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao, đạt trình độ chuẩn khu vực, từng bước được mở rộng áp dụng chung cho hệ đào tạo chuẩn, tiến tới đạt mục tiêu chất lượng cao đối với sinh viên trong tất cả các ngành đào tạo của Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn.

Điều 5. Tín chỉ học tập

5.1. *Tín chỉ* là đại lượng xác định khối lượng kiến thức, kỹ năng (trung bình) mà sinh viên tích lũy được từ môn học trong 15 giờ tín chỉ (cùng loại hoặc khác loại) được thực hiện mỗi tuần 01 giờ tín chỉ và kéo dài trong một học kỳ gồm 15 tuần. *Tín chỉ* được sử dụng làm đơn vị để tích lũy khối lượng học tập của sinh viên.

5.2. *Giờ tín chỉ* là đại lượng được dùng làm đơn vị để đo thời lượng lao động học tập của sinh viên. Giờ tín chỉ được phân thành ba loại theo cơ cấu các hình thức dạy - học, định lượng thời gian và được xác định như sau:

a. *Giờ tín chỉ lên lớp*: gồm 1 tiết lên lớp và 2 tiết tự học.

b. *Giờ tín chỉ thực hành*: gồm 2 tiết thực hành và 1 tiết tự học.

c. *Giờ tín chỉ tự học*: gồm 3 tiết tự học.

Một tiết học được tính bằng 50 phút

5.3. Hình thức tổ chức giờ tín chỉ

Hình thức tổ chức giờ tín chỉ là cách tổ chức thực hiện các hoạt động của giảng viên và sinh viên theo quy định của đề cương môn học, trong đó coi trọng khâu tự học, năng lực nghiên cứu, thực tập, thực hành, thực tế nhằm tích lũy đủ khối lượng kiến thức theo yêu cầu của môn học.

Có các hình thức tổ chức giờ tín chỉ như sau:

a. Dạy - học trên lớp: dạy - học lý thuyết, làm và chữa bài tập, thảo luận và các hoạt động khác do giảng viên yêu cầu;

b. Dạy - học trong phòng thí nghiệm, studio, hiện trường: làm thí nghiệm, thực hành, thực tập, diễn dã và các hoạt động khác do giảng viên yêu cầu;

c. Ngoài lớp, ngoài phòng thí nghiệm: tự học, tự nghiên cứu, các hoạt động theo nhóm để hỗ trợ thảo luận, thực hành, thực tập...

Điều 6. Môn học, đề cương môn học

6.1. Môn học là khối lượng kiến thức tương đối trọn vẹn, thuận tiện cho sinh viên tích lũy trong quá trình học tập. Mỗi môn học có thời lượng tối thiểu là 02 tín chỉ và tối đa là 05 tín chỉ, được thực hiện trong một học kỳ. Kiến thức trong mỗi môn học phải gắn với một mức trình độ và được kết cấu riêng theo từng môn học hoặc được kết cấu dưới dạng tổ hợp từ nhiều môn học. Mỗi môn học được ký hiệu bằng một mã riêng theo quy định của Đại học Quốc gia Hà Nội.

6.2. Các loại môn học:

a. Theo tính chất của môn học, có 3 loại môn học:

- *Môn học lý thuyết*: Là môn học giảng viên và sinh viên làm việc trên lớp, bao gồm thuyết trình, chữa bài tập, thảo luận, làm việc theo nhóm dưới sự hướng dẫn của giảng viên.

- *Môn học thực hành*: Là môn học sinh viên làm thực hành, thí nghiệm, khảo sát thực địa, làm việc trong phòng thí nghiệm, studio, diễn dã...

- *Môn học kết hợp lý thuyết và thực hành*: Là môn học có một phần giảng lý thuyết của giảng viên; một phần sinh viên làm thực hành, thí nghiệm, khảo sát thực địa, làm việc trong phòng thí nghiệm, studio ...

b. Theo yêu cầu tích lũy kiến thức, có các loại môn học:

- *Môn học bắt buộc* là môn học chứa đựng những nội dung kiến thức chính yếu của mỗi chương trình đào tạo và bắt buộc mọi sinh viên phải tích lũy theo ngành đã lựa chọn.

- *Môn học tự chọn* là môn học chứa đựng những nội dung kiến thức thể hiện tính đa dạng của mỗi chương trình đào tạo do sinh viên tự chọn theo hướng dẫn của đơn vị đào tạo hoặc tự chọn theo nguyện vọng cá nhân. Có 2 loại môn học tự chọn:

+ Môn học tự chọn bắt buộc là môn học có trong chương trình đào tạo mà sinh viên theo học, chứa đựng những nội dung kiến thức bổ trợ cần thiết của mỗi chương trình đào tạo để tích lũy đủ số tín chỉ quy định cho mỗi chương trình đào tạo.

+ Môn học tự chọn tùy ý là môn học sinh viên đăng ký học theo nguyện vọng để tích lũy kiến thức, được ghi kết quả vào bảng điểm nhưng không được tính vào kết quả tích lũy của học kỳ và khóa học, không tính để xét học bổng, xét tốt nghiệp. Sinh viên có thể chọn môn học này ở trong chương trình đào tạo của ngành đã đăng ký học hoặc của ngành khác trong và ngoài trường.

- *Môn học tiên quyết* là môn học bắt buộc sinh viên phải tích lũy được trước khi đăng ký môn học khác có liên quan.

6.3. Đề cương môn học

Đề cương môn học phải cung cấp thông tin chủ yếu về nội dung và tổ chức dạy - học của môn học.

Đề cương môn học bao gồm:

- Thông tin về đơn vị đào tạo (tên trường, khoa, bộ môn,...).

- Thông tin về môn học (tên môn học, bắt buộc hay tự chọn, số lượng tín chỉ, loại giờ tín chỉ, các môn học tiên quyết,...).

- Thông tin về tổ chức dạy và học.

- Mục tiêu, nội dung cơ bản và phương pháp giảng dạy môn học.

- Giáo trình sử dụng và danh mục tài liệu tham khảo.

- Các yêu cầu và quy định về kiểm tra - đánh giá kết quả học tập.

- Một số thông tin liên quan khác theo quy định và hướng dẫn của ĐHQG Hà Nội.

Hàng năm, nội dung môn học, chuyên đề được điều chỉnh, bổ sung, cập nhật, hiện đại hóa phù hợp với trình độ phát triển khoa học, công nghệ và yêu cầu của thực tiễn. Việc điều chỉnh, bổ sung những nội dung cơ bản của môn học, chuyên đề phải được hội đồng khoa học và đào tạo của đơn vị đào tạo thông qua và lập thành hồ sơ lưu tại đơn vị đào tạo. Trên cơ sở đó, đề cương môn học cũng phải thay đổi cho phù hợp.

Điều 7. Học kỳ, năm học, khóa học, xác định năm đào tạo của sinh viên

7.1. Học kỳ

a. Học kỳ là thời gian để sinh viên hoàn thành một số môn học của chương trình đào tạo. Trong mỗi học kỳ có qui định khối lượng kiến thức tối thiểu sinh viên phải tích lũy.

b. Một học kỳ chính có 15 tuần thực học và kiểm tra định kỳ, 2 đến 3 tuần thi kết thúc môn học. Một học kỳ phụ có từ 5 đến 7 tuần thực học và kiểm tra định kỳ, 1 đến 2 tuần thi kết thúc môn học.

7.2. Năm học

Một năm học có hai học kỳ chính. Tùy theo điều kiện cụ thể, trường có thể tổ chức thêm học kỳ phụ dành cho những sinh viên thi không đạt ở các học kỳ chính được đăng ký học lại và những sinh viên khá, giỏi có điều kiện kết thúc sớm chương trình đào tạo.

7.3. Khóa học

a. Khóa học là thời gian chuẩn cần thiết để sinh viên hoàn thành chương trình đào tạo của một ngành nhất định.

b. Tùy theo khả năng học tập, sinh viên được rút ngắn hoặc kéo dài thời gian học tập, cụ thể như sau:

Hệ đào tạo	Thời gian thiết kế trong 4 năm	Số tín chỉ cần tích lũy	Thời gian học tập được rút ngắn tối đa	Thời gian học tập được kéo dài tối đa
Chính quy chuẩn	8 học kỳ chính	120 – 140	2 học kỳ chính	4 học kỳ chính
Chất lượng cao	8 học kỳ chính	150 – 155	2 học kỳ chính	0

7.4. Xác định năm đào tạo của sinh viên

Việc xác định năm đào tạo của sinh viên dựa trên nguyên tắc tính số tín chỉ sinh viên đã tích lũy được, cụ thể như sau:

Năm đào tạo của sinh viên	Số tín chỉ tích lũy	
	Cử nhân hệ chuẩn	Cử nhân hệ chất lượng cao
Sinh viên năm thứ nhất	Dưới 35 tín chỉ	Dưới 40 tín chỉ
Sinh viên năm thứ hai	35 – 69 tín chỉ	40 - 74 tín chỉ
Sinh viên năm thứ ba	70 – 104 tín chỉ	75-109 tín chỉ
Sinh viên năm thứ tư	105 – 140 tín chỉ	110 – 155 tín chỉ

Việc xác định năm đào tạo của sinh viên được sử dụng để:

- Xét khen thưởng hàng năm

- Xét cấp học bổng tài trợ
- Xét chuyển đổi giữa hệ chuẩn và hệ chất lượng cao
- Xét học cùng lúc nhiều ngành, nhiều trường
- Xét cộng điểm thường xuyên cứu khoa học
- Xử lý vấn đề buộc thôi học

Điều 8. Thời gian học tập

8.1. Thời gian học tập chính thức trong ngày từ 07h00 đến 20h15.

8.2. Mỗi ngày bố trí 13 tiết học, được sắp xếp thời gian như sau:

Tiết	Bắt đầu	Kết thúc	Tiết	Bắt đầu	Kết thúc
1	7h00	7h50	8	14h25	15h15
2	7h55	8h45	9	15h25	16h15
3	8h55	9h45	10	16h20	17h10
4	9h55	10h45	11	17h30	18h20
5	10h50	11h40	12	18h25	19h15
6	12h30	13h20	13	19h25	20h15
7	13h25	14h15			

Buổi sáng từ tiết 1 đến tiết 5; buổi chiều từ tiết 6 đến tiết 10 và buổi tối từ tiết 11 đến tiết 13. Sau các tiết 1, 4, 6, 9 và 11, nghỉ giải lao 5 phút; sau các tiết 2, 3, 7, 8 và 12, nghỉ giải lao 10 phút.

8.3 Hàng tuần, theo thời khóa biểu, các lớp có 2 tiết học để sinh hoạt lớp, Đoàn Thanh niên, Hội Sinh viên; làm việc với cố vấn học tập hoặc giảng viên môn học. Riêng học kỳ đầu tiên của khóa học, Hiệu trưởng có quy định cụ thể về thời gian thực hiện các hoạt động trên.

CHƯƠNG 2 TỔ CHỨC ĐÀO TẠO

Điều 9. Phân ngành đào tạo

Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn tuyển sinh đại học theo ngành học. Thí sinh đạt điểm xét tuyển quy định đối với ngành học mà mình đã đăng ký dự thi thì được xếp vào học theo đúng nguyện vọng.

Đối với những ngành học có phân chuyên ngành, sinh viên đăng ký học chuyên ngành theo quy định cụ thể của Hiệu trưởng đối với từng ngành đào tạo. Việc mở chuyên ngành trong các ngành đào tạo do Hiệu

trưởng quyết định trên cơ sở nhu cầu thực tế của xã hội đối với nguồn nhân lực được đào tạo theo chuyên ngành đó; số lượng và chất lượng của đội ngũ giảng viên; năng lực tài chính của nhà trường.

Điều 10. Tổ chức lớp

10.1. Lớp khóa học

Lớp khóa học được tổ chức cho sinh viên trúng tuyển vào học cùng một ngành trong cùng một khoá học và ổn định từ đầu đến cuối mỗi khoá học, nhằm duy trì các hoạt động đoàn thể, các hoạt động chính trị - xã hội, văn hoá, thể thao; đồng thời để quản lý sinh viên trong quá trình học tập. Lớp khóa học có giáo viên chủ nhiệm lớp, *đồng thời là cố vấn học tập*, do khoa đào tạo phân công.

Lớp khóa học được gọi tên theo ngành và năm nhập học của sinh viên, được mã hóa theo quy định của Đại học Quốc gia Hà Nội.

10.2. Lớp môn học

Lớp môn học được tổ chức cho các sinh viên đăng ký học cùng một môn học trong cùng một học kỳ. Lớp môn học có lớp trưởng do giảng viên phụ trách lớp môn học cử.

10.3. Số lượng sinh viên của lớp môn học:

a. Môn học thuộc khối kiến thức chung, khối kiến thức toán và khoa học tự nhiên, khối kiến thức cơ bản của nhóm ngành có tối thiểu là 70 sinh viên/lớp môn học.

b. Môn học thuộc khối kiến thức cơ sở ngành tối có thiểu là 60 sinh viên/lớp môn học.

c. Môn học thuộc khối kiến thức chuyên ngành và nghiệp vụ có số sinh viên tối thiểu là 10 và số sinh viên tối đa theo quy định tại đề cương môn học.

d. Môn học Giáo dục thể chất: giờ thực hành tối thiểu là 30 sinh viên/lớp môn học; giờ lý thuyết tối thiểu là 80 sinh viên/lớp môn học.

e. Môn học tin học và môn học ngoại ngữ có tối thiểu là 30 sinh viên/lớp môn học.

g. Môn học thực hành có tối thiểu là 25 sinh viên/lớp môn học.

h. Trường hợp đặc biệt, số lượng sinh viên lớp môn học do Hiệu trưởng quyết định trên cơ sở đặc thù chuyên môn và đề nghị của chủ nhiệm khoa hoặc bộ môn trực thuộc.

Điều 11. Thông báo kế hoạch đào tạo cho sinh viên

11.1. Đầu khoá học, nhà trường thông báo:

a. Chương trình đào tạo của từng ngành học.

b. Quy chế đào tạo và các quy định có liên quan tới học tập, rèn luyện và sinh hoạt của sinh viên.

11.2. Chậm nhất 1 tháng trước khi học kỳ mới bắt đầu, nhà trường thông báo:

a. Thời khoá biểu lớp môn học dự kiến giảng dạy trong học kỳ gồm các thông tin sau: Mã môn học, tên môn học, số tín chỉ, tên lớp môn học, tiết học, phòng học, số sinh viên tối đa của lớp môn học và các ghi chú khác đối với việc đăng ký môn học;

b. Thời gian tổ chức đăng ký môn học của học kỳ;

c. Trường hợp có những môn học phải tổ chức giảng dạy giãn cách năm do cán bộ giảng dạy môn học đó đi vắng hoặc vì các lý do khác, nhà trường thông báo cụ thể để sinh viên lưu ý cân nhắc trước khi đăng ký môn học. Việc đăng ký học các môn học này vẫn đảm bảo các quy định bình thường về điều kiện đăng ký môn học.

11.3. Riêng học kỳ đầu tiên của khóa học, sinh viên không đăng ký môn học mà học theo thời khóa biểu do nhà trường xếp cho từng lớp khóa học..

Điều 12. Xếp hạng học lực của sinh viên

12.1. Xếp hạng học lực của sinh viên theo điểm trung bình chung của học kỳ, là căn cứ để xác định khối lượng học tập sinh viên được đăng ký trong học kỳ kế tiếp theo quy định tại khoản 13.2. Trường hợp hạng học lực của sinh viên được xác định vào thời điểm sau khi sinh viên đã đăng ký môn học, sinh viên phải xin rút bớt môn học trong giới hạn khối lượng quy định.

12.2 Học lực của sinh viên được xếp thành 2 hạng sau:

a. Hạng bình thường: Điểm trung bình chung học kỳ đạt từ 2.00 trở lên

b. Hạng yếu: Điểm trung bình chung học kỳ dưới 2.00 nhưng chưa rơi vào trường hợp buộc thôi học hay tạm dừng học tập.

Điều 13. Đăng ký môn học

13.1. Đầu mỗi học kỳ, sinh viên phải tìm hiểu, nghiên cứu để nắm được chương trình đào tạo và đăng ký môn học sẽ học trong học kỳ đó.

Đối với những sinh viên có môn học phải học lại, tổng số tín chỉ của các môn học học lại và các môn học học mới không được vượt quá số tín chỉ tối đa quy định cho mỗi học kỳ.

13.2. Số tín chỉ tối thiểu mà mỗi sinh viên phải đăng ký học trong mỗi học kỳ chính (trừ học kỳ cuối cùng của khóa học) được quy định như sau:

- Đối với sinh viên hệ chuẩn thuộc diện học lực bình thường từ 14 tín chỉ trở lên.

- Đối với sinh viên hệ chuẩn thuộc diện học lực yếu từ 10 tín chỉ trở lên, nhưng không được phép đăng ký quá 18 tín chỉ.

- Đối với sinh viên hệ chất lượng cao từ 20 tín chỉ trở lên.

- Trong mỗi học kỳ phụ, sinh viên được phép đăng ký học không quá 8 tín chỉ.

- Trong trường hợp đặc biệt, sinh viên muốn đăng ký học ít hơn số tín chỉ tối thiểu thì phải được sự đồng ý của Hiệu trưởng.

13.3. Đăng ký học lại:

- Đối với các môn học bắt buộc, nếu điểm môn học là điểm F sau khi đã thi lại, sinh viên phải đăng ký học lại môn học đó.

- Đối với môn học tự chọn, nếu điểm môn học là điểm F sau khi đã thi lại, sinh viên đăng ký học lại môn học đó hoặc học đổi sang môn học tự chọn tương đương khác. Nếu sinh viên đăng ký môn học tự chọn khác để thay thế thì phải thực hiện việc hủy môn học tự chọn đã thi nhưng không đạt.

- Ngoài các trường hợp nêu trên của Điều này, sinh viên được quyền đăng ký học lại hoặc học đổi sang môn học khác đối với các môn học bị điểm D để cải thiện điểm trung bình chung tích lũy.

13.4. Trong thời hạn quy định của trường, sinh viên đăng ký môn học bằng *Phiếu đăng ký môn học* hoặc đăng ký trực tuyến trên máy tính thông qua mạng nội bộ của trường hoặc internet. Hiệu trưởng quy định điều kiện, thủ tục, cách thức tổ chức và thời gian tổ chức đăng ký môn học của mỗi học kỳ.

13.5. Kết quả đăng ký môn học của sinh viên được thông báo ở "*Phiếu kết quả đăng ký môn học*". Trên phiếu kết quả đăng ký môn học của mỗi sinh viên ghi rõ mã số môn học, tên môn học, số tín chỉ, tên lớp

môn học, tiết học, phòng học của mỗi môn học, số tiền học phí phải nộp và xác nhận những môn học được bảo lưu, tương đương (*nếu có*).

13.6. Mỗi học kỳ, nhà trường tổ chức cho sinh viên đăng ký nhận đề tài khóa luận tốt nghiệp. Việc đăng ký này được tiến hành theo quy trình như với những môn học khác. Những sinh viên không đủ điều kiện làm khóa luận tốt nghiệp theo quy định của nhà trường sẽ đăng ký tích lũy lượng kiến thức tương đương với 5 tín chỉ. Sinh viên không được rút bớt các môn học này sau khi đã đăng ký.

Điều 14. Bổ sung hoặc rút bớt các môn học sau khi đăng ký

14.1. Việc đăng ký thêm môn học chỉ được chấp thuận trong vòng 02 tuần đầu của học kỳ chính hoặc trong tuần đầu tiên của học kỳ phụ.

14.2. Việc rút bớt môn học so với khối lượng học tập đã đăng ký chỉ được chấp thuận từ đầu tuần thứ 7 đến hết tuần thứ 8 của học kỳ chính; hoặc từ đầu tuần thứ 3 đến hết tuần thứ 4 của học kỳ phụ. Môn học đã rút thì không được tính điểm chính thức, nhưng vẫn phải tính học phí và được ghi chú (điểm W) trong hồ sơ học tập của sinh viên. Ngoài thời hạn trên, môn học vẫn được giữ trong phiếu đăng ký môn học và nếu sinh viên không đi học thì bị coi như tự ý bỏ học và sinh viên phải nhận điểm không (0) đối với môn học đó.

14.3. Việc xin bổ sung hoặc rút bớt các môn học đã đăng ký ở đầu mỗi học kỳ phải tuân thủ theo các điều kiện sau:

- + Sinh viên viết đơn đề nghị theo mẫu do nhà trường quy định và gửi về Phòng Đào tạo;

- + Phải được cố vấn học tập chấp thuận;

- + Không vi phạm khoản 7.3.b của Quy định này.

Chỉ sau khi có giấy báo của Phòng Đào tạo cho giảng viên phụ trách môn học, sinh viên mới được phép đến dự hoặc bỏ lớp.

Điều 15. Về các môn học Giáo dục quốc phòng, Giáo dục thể chất

15.1. Chương trình đào tạo hệ chính quy bao gồm cả các môn học Giáo dục quốc phòng và Giáo dục thể chất.

15.2. Đối tượng được miễn, tạm hoãn học các môn học về Giáo dục quốc phòng:

- a. Đối tượng được miễn học toàn bộ các môn học Giáo dục quốc phòng:

- Sinh viên nguyên là sĩ quan quân đội;

- Sinh viên là người nước ngoài;
- Sinh viên là người hưởng lương thuộc biên chế nhà nước được cơ quan cử đi học;
- Sinh viên đã có chứng chỉ Giáo dục quốc phòng phù hợp với trình độ đào tạo.

b. Đối tượng được miễn các môn học thực hành về Giáo dục quốc phòng:

- Sinh viên đã hoàn thành nghĩa vụ quân sự phục vụ tại ngũ (có quyết định xuất ngũ);
- Sinh viên là tu sĩ thuộc các tôn giáo;
- Sinh viên có thương tật, dị tật bẩm sinh làm hạn chế chức năng vận động (có giấy chứng nhận của bệnh viện cấp huyện và tương đương trở lên);

c. Đối tượng được tạm hoãn học các môn học về Giáo dục quốc phòng:

- Sinh viên đang học nhưng sức khỏe không đảm bảo;
- Sinh viên đang mang thai, nuôi con nhỏ dưới 24 tháng;
- Sinh viên có lý do đặc biệt về hoàn cảnh gia đình.

Các đối tượng trên nếu được Hiệu trưởng chấp thuận cho tạm hoãn học các môn học về Giáo dục quốc phòng thì khi hết thời hạn tạm hoãn sinh viên phải tiếp tục học những nội dung còn thiếu trong chương trình quy định.

15.3. Đối tượng được miễn, tạm hoãn học các môn học về Giáo dục thể chất:

a. Đối tượng được miễn học toàn bộ các môn học về Giáo dục thể chất:

Sinh viên đã hoàn thành các môn học về Giáo dục thể chất phù hợp với trình độ đào tạo.

b. Đối tượng được miễn các môn học thực hành về Giáo dục thể chất:

Sinh viên có thương tật, dị tật bẩm sinh làm hạn chế chức năng vận động (có giấy chứng nhận của bệnh viện cấp huyện và tương đương trở lên).

c. Đối tượng được tạm hoãn học các môn học về Giáo dục thể chất:

- Sinh viên đang học nhưng sức khỏe không đảm bảo;

- Sinh viên đang mang thai, nuôi con nhỏ dưới 24 tháng tuổi.

Các đối tượng trên nếu được Hiệu trưởng chấp thuận cho tạm hoãn học các môn học về Giáo dục thể chất thì sau khi hết thời hạn tạm hoãn phải tiếp tục học những nội dung còn thiếu trong chương trình quy định.

Điều 16. Trách nhiệm và quyền lợi của sinh viên

16.1. Trách nhiệm của sinh viên

a. Thực hiện đầy đủ, nghiêm túc quy chế đào tạo và các quy định của nhà trường liên quan đến học tập, rèn luyện và sinh hoạt của sinh viên.

b. Đăng ký môn học theo mỗi học kỳ. Theo dõi phản hồi về kết quả đăng ký môn học tại Phòng Đào tạo hoặc văn phòng đơn vị đào tạo. Nếu có thắc mắc về nội dung của phiếu kết quả đăng ký môn học, sinh viên phải làm việc ngay với Phòng Đào tạo trong thời gian quy định để giải quyết kịp thời.

c. Thực hiện đầy đủ các yêu cầu học tập môn học được quy định trong đề cương môn học của môn học đó.

d. Nâng cao ý thức tự giác trong học tập, năng lực tự học, tự nghiên cứu và thường xuyên liên hệ với giảng viên, cố vấn học tập để được tư vấn, hỗ trợ về vấn đề tự học, tự nghiên cứu.

e. Kịp thời phản ánh với cố vấn học tập, giảng viên môn học, khoa và các phòng, ban chức năng về những vấn đề liên quan đến quá trình giảng dạy và phục vụ giảng dạy của giảng viên và cán bộ nhà trường, quá trình học tập của sinh viên.

f. Tham gia các hoạt động đoàn thể, hoạt động xã hội theo quy định của nhà trường.

g. Đóng đầy đủ các khoản lệ phí, học phí theo quy định của nhà trường; những trường hợp không đóng học phí của học kỳ nào thì coi như tự ý bỏ học trong học kỳ đó.

16.2. Quyền lợi của sinh viên:

a. Được nhận vào học đúng ngành nghề đã đăng ký và trúng tuyển.

b. Nếu trường có chỉ tiêu tuyển sinh đi học nước ngoài theo các hiệp định của nhà nước, sinh viên có nguyện vọng và có đủ điều kiện quy định, được quyền đăng ký vào diện dự tuyển đi học nước ngoài theo quy chế tuyển sinh đi học nước ngoài của Đại học Quốc gia Hà Nội và của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

c. Được sử dụng thư viện, trang thiết bị và các phương tiện phục vụ học tập, thí nghiệm, nghiên cứu khoa học để nâng cao trình độ theo quy định của trường.

d. Sinh viên được khuyến khích học theo chương trình cá nhân, học vượt, học cùng một lúc ở nhiều ngành, nhiều trường theo quy chế về tổ chức đào tạo, kiểm tra, thi công nhận tốt nghiệp của các bậc học quy định và được tham gia nghiên cứu khoa học, các cuộc thi Olympic sinh viên.

e. Trong thời gian học tập, sinh viên được hưởng quyền lợi vật chất và tinh thần theo chế độ chính sách hiện hành của nhà nước và được nhận các loại học bổng khuyến khích do các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước tài trợ.

f. Sinh viên được nhà trường phổ biến nội quy, quy chế về học tập, thực tập, về chế độ, chính sách của nhà nước có liên quan đến sinh viên; được đóng góp ý kiến với Hiệu trưởng về mục tiêu, chương trình, nội dung và phương pháp đào tạo; được đề đạt nguyện vọng và khiếu nại lên Hiệu trưởng để giải quyết các vấn đề có liên quan đến cá nhân và tập thể sinh viên như học tập, môi trường đào tạo, sinh hoạt và các mặt hoạt động của đời sống tinh thần.

g. Sinh viên được chăm lo, bảo vệ sức khoẻ theo chế độ hiện hành của nhà nước.

h. Sinh viên được quyền cử đại diện vào hội đồng khen thưởng và kỷ luật, hội đồng xét học bổng và các hội đồng khác của trường có liên quan đến sinh viên. Sinh viên được khuyến khích và tạo điều kiện hoạt động trong các tổ chức Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh, Hội sinh viên Việt Nam; tham gia các tổ chức tự quản của sinh viên, các hoạt động xã hội có liên quan ở trong và ngoài trường, các hoạt động văn hoá văn nghệ, thể dục, thể thao lành mạnh, phù hợp với mục tiêu đào tạo của trường.

i. Khi tốt nghiệp đạt loại giỏi, nếu có nguyện vọng, sinh viên được nhà trường xem xét học chuyển tiếp ở các cấp, bậc học cao hơn theo quy chế tuyển sinh hiện hành của các cấp, bậc học tương ứng.

j. Hàng năm, sinh viên được nghỉ hè, nghỉ tết, nghỉ lễ theo quy định.

k. Sinh viên được quyền xin thôi học hoặc nghỉ học có thời hạn vì lý do cá nhân (hoàn cảnh gia đình khó khăn, sức khoẻ, đi học tự túc ở nước

ngoài, ...). Trong các trường hợp này sinh viên phải làm đơn trình Hiệu trưởng xem xét, quyết định.

l. Kết thúc khoá học, sinh viên đủ điều kiện công nhận tốt nghiệp được nhà trường cấp bằng tốt nghiệp theo quy định của Đại học Quốc gia Hà Nội.

m. Được nhà trường cung cấp đầy đủ các giấy tờ cần thiết (bằng tốt nghiệp, bằng điểm toàn khoá học, hồ sơ sinh viên, giấy giới thiệu tìm việc làm và giới thiệu về nơi cư trú chính thức...) và các hỗ trợ cần thiết trong quá trình tìm kiếm việc làm sau khi tốt nghiệp.

Điều 17. Trách nhiệm và quyền lợi của cố vấn học tập

17.1. Giảng viên, giáo viên chủ nhiệm lớp, chuyên viên các phòng ban có nghĩa vụ thực hiện trách nhiệm của cố vấn học tập theo quy định của nhà trường.

17.2. Trách nhiệm của cố vấn học tập kiêm giáo viên chủ nhiệm lớp bao gồm:

a. Tổ chức cho sinh viên tìm hiểu những vấn đề căn bản của chương trình đào tạo (mục tiêu, cấu trúc của chương trình đào tạo và hướng dẫn thực hiện chương trình đào tạo) để sinh viên xây dựng được chiến lược học tập của bản thân trong toàn khoá học.

b. Hướng dẫn sinh viên nắm rõ Quy chế đào tạo của Đại học Quốc gia Hà Nội, quy định đào tạo của nhà trường, quy trình đăng ký môn học và các quy định khác.

c. Tư vấn cho sinh viên đăng ký môn học, lập kế hoạch học tập.

d. Hướng dẫn sinh viên về các nguồn học liệu và phương pháp tiếp cận học liệu.

e. Hướng dẫn cho sinh viên tìm hiểu về cơ cấu tổ chức của nhà trường, các địa chỉ giải quyết công việc liên quan đến quyền lợi của sinh viên.

f. Hàng tháng tổ chức gặp mặt sinh viên theo quy định của nhà trường và nộp báo cáo tình hình sinh viên được giao nhiệm vụ quản lý cho Phòng Đào tạo.

g. Cuối mỗi học kỳ, báo cáo về tình hình sinh viên được giao quản lý theo hướng dẫn của nhà trường; đề xuất giải pháp giải quyết những vấn đề liên quan đến công tác tư vấn, hỗ trợ sinh viên, công tác quản lý đào tạo và quản lý sinh viên.

h. Chịu trách nhiệm bảo mật thông tin về kết quả học tập của sinh viên theo quy định của trường.

i. Căn cứ nhu cầu của sinh viên được giao quản lý, cố vấn học tập xử lý ngay nếu có thể, hoặc hẹn gặp sinh viên để giải quyết trong thời gian không quá 7 ngày, kể từ lúc nhận được yêu cầu. Nội dung giải quyết được ghi vào “Sổ tay Cố vấn học tập”.

17.3 Quyền lợi của cố vấn học tập kiêm giáo viên chủ nhiệm lớp

a. Giảng viên là cố vấn học tập phụ trách lớp học được giảm số giờ dạy định mức theo Quy chế chi tiêu nội bộ của Trường.

b. Cố vấn học tập được bố trí thời gian để tham gia các khóa tập huấn nghiệp vụ cố vấn học tập do nhà trường tổ chức.

17.4. Hiệu trưởng quy định cụ thể về trách nhiệm và quyền lợi của các nhóm cố vấn học tập khác.

Điều 18. Trách nhiệm và quyền lợi của giảng viên

18.1. Trách nhiệm của giảng viên:

a. Giảng viên là viên chức chuyên môn đảm nhiệm việc giảng dạy và đào tạo của nhà trường hoặc là cán bộ kiêm nhiệm, cộng tác viên có đủ các điều kiện để tham gia giảng dạy theo hợp đồng giảng dạy với nhà trường.

Ngoài việc thực hiện các quy định hiện hành tại *Quy định về công tác đào tạo, bồi dưỡng và quản lý cán bộ, viên chức trong Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn*, giảng viên còn có các nhiệm vụ sau:

- Nắm vững quy chế đào tạo, các quy định và hướng dẫn của nhà trường về công tác đào tạo theo tín chỉ.

- Chuẩn bị bài giảng nghiêm túc, giảng dạy theo đúng đề cương môn học đã được phê duyệt. Quản lý sinh viên của lớp môn học trong các giờ học và các hoạt động giảng dạy khác. Quyết định về điều kiện thi kết thúc môn học của sinh viên đối với từng trường hợp cụ thể.

- Sử dụng các phương pháp giảng dạy tiên tiến và phù hợp với phương thức đào tạo theo tín chỉ để đảm bảo truyền thụ cho sinh viên nội dung môn học, phát triển năng lực nhận thức và kỹ năng ở bậc cao, rèn luyện cho sinh viên khả năng tư duy sáng tạo.

- Cung cấp danh mục các tài liệu tham khảo, hướng dẫn sinh viên về mục tiêu và phương pháp đọc tài liệu tham khảo, tổ chức thảo luận, thực hành và các hoạt động chuyên môn khác.

- Hướng dẫn cho sinh viên tự học, tự nghiên cứu ở nhà và phải có hình thức kiểm tra, kiểm soát và đánh giá kết quả tự học, tự nghiên cứu của sinh viên.

- Có trách nhiệm tham gia hướng dẫn sinh viên nghiên cứu khoa học theo phân công của khoa trong kế hoạch giảng dạy hàng năm.

- Ra đề thi, chấm thi và trả bài thi theo đúng thời gian quy định.

- Thực hiện quy định của nhà trường về xây dựng và quản lý hồ sơ môn học

- Tham gia công tác giáo viên chủ nhiệm lớp, cố vấn học tập và các công việc khác theo sự phân công của chủ nhiệm khoa.

b. Trợ giảng là cán bộ mới được nhà trường tuyển dụng ngạch giảng viên nhưng đang trong giai đoạn tập sự hoặc là học viên cao học, nghiên cứu sinh của trường được bộ môn chuyên môn phân công tham gia giảng dạy. Trợ giảng có các nhiệm vụ sau:

- Dự giờ giảng của giảng viên trong bộ môn hoặc trong khoa.

- Soạn bài giảng theo sự phân công của chủ nhiệm bộ môn và người hướng dẫn.

- Tham gia tổ chức và quản lý lớp môn học theo hướng dẫn của giảng viên.

- Tham gia giảng dạy một số nội dung của môn học do giảng viên yêu cầu.

- Tham gia hướng dẫn sinh viên nghiên cứu khoa học, thực tập, thực tế.

- Tham gia công tác coi thi.

- Tham gia công việc khác do khoa, bộ môn phân công.

- Thực hiện các quy định của nhà trường về lộ trình học tập và rèn luyện nâng cao trình độ chuyên môn.

18.2. Quyền lợi của giảng viên và trợ giảng

Quyền lợi của giảng viên và trợ giảng được quy định theo các điều khoản hiện hành của bản *Quy định về công tác đào tạo, bồi dưỡng và quản lý cán bộ, viên chức trong Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn* và *Quy chế đào tạo đại học* hiện hành của Đại học Quốc gia Hà Nội.

Điều 19. Sinh viên bị buộc thôi học

19.1. Sinh viên bị buộc thôi học nếu thuộc vào một trong những trường hợp sau:

a. Có điểm trung bình chung học kỳ đạt dưới 0,80 đối với học kỳ đầu của khóa học; đạt dưới 1,00 đối với các học kỳ tiếp theo hoặc đạt dưới 1,10 đối với 2 học kỳ liên tiếp;

b. Có điểm trung bình chung tích lũy đạt dưới 1,20 đối với sinh viên năm thứ nhất; dưới 1,40 đối với sinh viên năm thứ hai; dưới 1,60 đối với sinh viên năm thứ ba hoặc dưới 1,80 đối với sinh viên các năm tiếp theo và cuối khóa;

c. Bị kỷ luật lần thứ hai vì lý do đi thi hộ hoặc nhờ người thi hộ, hoặc bị kỷ luật ở mức xoá tên khỏi danh sách sinh viên của trường;

d. Không đăng ký môn học của cả học kỳ mà không báo cáo;

e. Tự ý nghỉ học từ một học kỳ chính trở lên không xin phép;

f. Không đóng học phí theo đúng thời gian quy định của trường

g. Đã hết thời hạn tối đa của khóa học quy định tại khoản 7.3, điều 7 của Quy định này.

19.2 Sinh viên thuộc diện buộc thôi học được nhà trường thông báo về địa phương nơi sinh viên có hộ khẩu thường trú và gia đình sinh viên biết chậm nhất một tháng sau khi có quyết định buộc thôi học.

Điều 20. Nghỉ học tạm thời

20.1. Điều kiện nghỉ học tạm thời

Sinh viên được quyền viết đơn xin nghỉ học tạm thời và bảo lưu kết quả đã học trong các trường hợp sau đây:

a. Được động viên vào lực lượng vũ trang.

b. Bị ốm hoặc tai nạn buộc phải điều trị thời gian dài, có giấy xác nhận của cơ quan y tế có thẩm quyền;

c. Vì nhu cầu cá nhân. Trường hợp này, sinh viên phải học ít nhất một học kỳ ở đơn vị đào tạo và phải đạt điểm trung bình chung các môn học tính từ đầu khóa học không dưới 2,00. Thời gian nghỉ học tạm thời vì nhu cầu cá nhân không quá 36 tháng và không được tính vào thời gian tối đa được phép học quy định tại Điều 8 của Quy định này.

20.2. Sinh viên nghỉ học tạm thời khi muốn trở lại học tiếp phải có đơn gửi đơn vị đào tạo ít nhất một tuần trước khi bắt đầu học kỳ mới hay năm học mới.

Điều 21. Về việc học cùng lúc nhiều ngành, nhiều trường

Từ năm học thứ hai trở đi, sinh viên xếp hạng học lực từ khá trở lên (điểm trung bình chung tích lũy đạt từ 3,00 trở lên) có thể đăng ký học thêm ngành học thứ hai với các quy định sau:

21.1 Thời hạn tối đa để hoàn thành ngành học thứ hai là khi thời hạn tối đa dành cho ngành học thứ nhất (tại Điều 7 của Quy định này) kết thúc. Khi học ngành học thứ hai, sinh viên được bảo lưu điểm của những môn học có nội dung và khối lượng kiến thức tương đương đã tích lũy trong chương trình đào tạo của ngành học thứ nhất.

21.2 Sinh viên phải dừng học ngành học thứ hai ở năm học tiếp theo nếu điểm trung bình chung trong năm học đó thuộc một trong hai ngành học bị xếp loại yếu.

21.3 Sinh viên chỉ được xét tốt nghiệp ngành học thứ hai sau khi đã tốt nghiệp ngành học thứ nhất.

21.4 Thủ trưởng đơn vị đào tạo khi quyết định đồng ý hay không đồng ý cho sinh viên học thêm ngành học thứ hai phải căn cứ vào chỉ tiêu đào tạo được giao và đảm bảo số sinh viên thuộc diện này không vượt quá 10% tổng số sinh viên hiện đang theo học ngành đó.

Điều 22. Tích lũy điểm môn học tự học hoặc đã học ở cơ sở đào tạo đại học khác

22.1. Nếu được Hiệu trưởng cho phép, sinh viên có thể tự học hoặc học tại một cơ sở đào tạo đại học khác trong hoặc ngoài Đại học Quốc gia Hà Nội một số môn học trong chương trình đào tạo, nhưng việc tích lũy điểm môn học phải tuân thủ các quy định sau:

- Đối với môn học thuộc khối kiến thức chung phải thi kết thúc môn học tại một đơn vị đào tạo thuộc Đại học Quốc gia Hà Nội có tổ chức giảng dạy môn học đó;

- Đối với môn học thuộc các khối kiến thức còn lại phải thi kết thúc môn học tại Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn.

- Hiệu trưởng quy định danh mục môn học sinh viên có thể tự học hoặc học tại cơ sở đào tạo khác ngoài Đại học Quốc gia Hà Nội.

22.2. Sinh viên được Đại học Quốc gia Hà Nội cử đi học tập ở trường đại học đối tác nước ngoài có thể được miễn học những môn học đã tích lũy ở nước ngoài. Hiệu trưởng quyết định việc miễn học và chuyển đổi kết quả học tập ở nước ngoài thay thế cho các môn học

thuộc chương trình đào tạo của đơn vị. Sinh viên phải học bổ sung những môn học không được miễn.

Hiệu trưởng quy định cụ thể về việc công nhận môn học tích lũy ở trường đại học đối tác nước ngoài.

Điều 23. Điều kiện để được chuyển trường

23.1. Sinh viên đang học tại Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn nếu có nguyện vọng thì được chuyển đi học tại cơ sở đào tạo đại học khác khi được sự đồng ý của Hiệu trưởng hai trường.

23.2. Sinh viên đang học tại một cơ sở đào tạo khác được chuyển về học tại Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn nếu có đủ các điều kiện sau:

a. Trường xin chuyển đi có cùng ngành đào tạo ở Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn.

b. Kết quả thi đại học phải đạt điểm chuẩn của ngành chuyển đến trong cùng năm tuyển sinh.

c. Có từ 80% trở lên số môn học đã tích lũy ở trường xin chuyển đi có cùng nội dung và có số tín chỉ hoặc thời lượng tương đương không nhỏ hơn so với các môn học tương ứng của ngành đào tạo thuộc Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn.

d. Có điểm trung bình chung học tập của các môn học trước đó đạt từ 2,50 trở lên, không có môn học nào có kết quả dưới điểm D. Đối với những môn học còn thiếu điểm tích lũy, sinh viên phải học bổ sung.

e. Tham dự kiểm tra kiến thức và đạt điểm theo quy định của trường. Hiệu trưởng quy định và thông báo công khai các môn học kiểm tra, nội dung, hình thức kiểm tra và khả năng tiếp nhận.

g. Được sự đồng ý của Hiệu trưởng hai trường.

23.3. Sinh viên được đặc cách xét chuyển về học tại Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn nếu thuộc một trong các trường hợp sau:

a. Đã từng là thành viên của đội tuyển quốc gia tham dự kỳ thi Olympic quốc tế hoặc đạt giải chính thức trong kỳ thi chọn học sinh giỏi quốc gia lớp 12 về môn học phù hợp với ngành học và thỏa mãn các điểm c, d và g, khoản 22.2 của điều này.

b. Có điểm trung bình chung học tập của các môn học trước đó đạt từ 3,20 trở lên và thỏa mãn các mục b, c, d và g, khoản 22.2 của điều này

23.4. Sinh viên không được phép chuyển đến Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn nếu thuộc một trong các trường hợp sau:

a. Không đáp ứng điều kiện dự tuyển vào Đại học Quốc gia Hà Nội theo Quy chế đào tạo đại học hiện hành của Đại học Quốc gia Hà Nội

b. Bản thân đã dự thi tuyển sinh vào ngành đào tạo tương ứng của Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn nhưng không trúng tuyển, hoặc trúng tuyển vào ngành tương ứng của trường chuyển đi với số điểm thấp hơn điểm trúng tuyển vào ngành tương ứng của Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn trong cùng năm tuyển sinh.

c. Đang học năm thứ nhất hoặc năm cuối khoá của trường đang đào tạo theo niên chế, hoặc chưa tích lũy đủ 1/4 hoặc đã tích lũy đủ 3/4 tổng số tín chỉ sinh viên phải tích lũy của chương trình đào tạo tại trường đang đào tạo theo học chế tín chỉ.

d. Đang chịu mức kỷ luật từ cảnh cáo trở lên.

23.5. Sinh viên xin chuyển trường phải có hồ sơ xin chuyển trường theo mẫu quy định thống nhất của Bộ Giáo dục và Đào tạo tại Quy chế hiện hành về công tác học sinh, sinh viên trong các trường đại học, cao đẳng và trung học chuyên nghiệp hệ chính quy.

Điều 24. Sinh viên học dự thính

24.1. Sinh viên học dự thính là những đối tượng có nguyện vọng được theo học một số môn học ở Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, có các văn bằng, chứng chỉ phù hợp và được Hiệu trưởng ra quyết định tiếp nhận sinh viên học dự thính.

24.2. Sinh viên học dự thính được cấp giấy chứng nhận về các môn đã học nếu thực hiện đủ các quy định về đào tạo của trường nhưng không được công nhận là sinh viên chính thức của trường. Sinh viên học dự thính không được làm khóa luận tốt nghiệp hoặc tích lũy khối lượng kiến thức tương đương

24.3. Sinh viên học dự thính phải thực hiện đầy đủ các quy định về đăng ký môn học như sinh viên hệ chính quy.

24.4. Sinh viên học dự thính phải đóng đầy đủ các khoản học phí, lệ phí theo quy định của trường.

CHƯƠNG 3

ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HỌC TẬP VÀ THI KẾT THÚC MÔN HỌC

Điều 25. Đánh giá kết quả học tập của môn học

25.1. Việc kiểm tra - đánh giá kết quả học tập của sinh viên gồm 2 hình thức:

a. Kiểm tra - đánh giá thường xuyên là hoạt động của giảng viên sử dụng các phương pháp đánh giá khác nhau theo các hình thức tổ chức thực hiện giờ tín chỉ (lí thuyết, thảo luận, thực hành, thí nghiệm, hoạt động theo nhóm, tự học, tự nghiên cứu, ...) nhằm kiểm tra việc làm chủ kiến thức và rèn luyện kĩ năng của sinh viên đã được xác định trong mục tiêu của môn học.

b. Kiểm tra - đánh giá định kì là hoạt động của giảng viên vào những thời điểm đã được qui định trong đề cương môn học, nhằm đánh giá mức độ đạt mục tiêu môn học ở giai đoạn tương ứng của sinh viên.

25.2. Việc lựa chọn hình thức kiểm tra - đánh giá thường xuyên, định kỳ và trọng số của các điểm đánh giá thường xuyên, định kỳ do giảng viên đề xuất, được chủ nhiệm khoa (hoặc bộ môn trực thuộc) phê duyệt và phải được quy định trong đề cương môn học.

25.3. Bài thi kết thúc môn học được thực hiện bằng các hình thức thi viết (trắc nghiệm khách quan trên giấy hoặc trên máy vi tính, tự luận với thời gian từ 60 phút đến 180 phút), vấn đáp, làm thực tập hoặc kết hợp các hình thức trên.

25.4. Điểm đánh giá một môn học (gọi là điểm môn học) bao gồm:

- Điểm kiểm tra – đánh giá thường xuyên có trọng số không ít hơn 25% tổng điểm môn học;

- Điểm kiểm tra – đánh giá định kỳ có trọng số không lớn hơn 25% tổng điểm môn học;

- Điểm thi kết thúc môn học có trọng số không ít hơn 50% tổng điểm của môn học.

25.5. Môn học có điểm từ D trở lên được coi là môn học tích lũy, số tín chỉ của môn học này được tính là số tín chỉ tích lũy.

25.6. Hiệu trưởng quy định cụ thể về việc giảng viên nộp kết quả điểm thành phần trước khi thi kết thúc môn học

Điều 26. Điểm chưa đủ dữ liệu để đánh giá (I)

26.1. Vì những lý do chính đáng, sinh viên không thể dự kiểm tra định kỳ hoặc thi kết thúc môn học được xem xét giải quyết cho nhận điểm I (*điểm chưa đủ dữ liệu để đánh giá*).

26.2. Trước khi tổ chức các kỳ thi, kiểm tra ít nhất 5 ngày, sinh viên phải nộp đơn trình bày rõ lý do không thể dự thi (trừ những trường hợp đột xuất, bất khả kháng) cùng các giấy tờ xác nhận cần thiết cho Phòng Đào tạo để được xem xét.

26.3. Cán bộ giảng dạy phụ trách môn học, khoa và Phòng Đào tạo sẽ xem xét và quyết định sinh viên có được điểm I hay không. Nếu không được chấp thuận, sinh viên sẽ bị điểm không (0) cho môn học đó.

26.4. Nếu nhận điểm I, trong vòng 2 học kỳ tiếp theo, sinh viên phải đăng ký thi lại các nội dung thi, kiểm tra còn thiếu của môn học đó. Sau khi thi, điểm I sẽ được đổi thành điểm mà sinh viên đạt được. Ngược lại, qua hai kỳ, nếu sinh viên không đăng ký thi lại thì điểm I sẽ bị đổi thành điểm không (0).

Điều 27. Điểm bảo lưu (R), điểm tương đương (M)

27.1. Sinh viên đã thi đạt yêu cầu một môn học ở một trường đại học nào đó trong thời gian không quá 5 năm, nếu muốn xin miễn học môn học đó, cần phải làm đơn kèm theo xác nhận (*số tiết học/số tín chỉ và điểm*) gửi về Phòng Đào tạo của trường cùng thời điểm đăng ký môn học đó. Nếu được chấp thuận thì môn học đó sẽ được điểm mà sinh viên đã đạt và kèm theo chữ “bảo lưu” (R). Phòng Đào tạo có trách nhiệm thông báo kết quả xét bảo lưu trong “Phiếu kết quả đăng ký môn học” gửi sinh viên vào đầu học kỳ.

27.2. Trong trường hợp sinh viên đã đạt được kết quả cho một môn học nào đó ở cơ sở đào tạo khác mà điểm cụ thể không tương thích với hệ điểm của Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, sinh viên phải làm đơn kèm xác nhận của cơ sở đào tạo đó gửi về Phòng Đào tạo để xem xét. Phòng Đào tạo sẽ quy định điểm tương đương bằng số và kèm ký hiệu (M) để phân biệt với loại điểm mà sinh viên tích lũy được bằng cách thi. Nếu muốn nhận điểm cao hơn điểm tương đương (điểm M) nói trên, sinh viên phải đăng ký thi môn học đó.

27.3. Điểm R và điểm M không được tính vào điểm trung bình chung học kỳ nhưng được tính vào điểm trung bình tích lũy của học kỳ đó.

27.4. Số tín chỉ của các điểm R và điểm M không được tính vào số tín chỉ đạt được của học kỳ và không được tính để xét học bổng, nhưng được tính vào số tín chỉ tích lũy đến thời điểm đó.

Điều 28. Đánh giá kết quả học tập sau mỗi học kỳ

28.1. Điểm trung bình chung học kỳ là điểm trung bình có trọng số của các môn học mà sinh viên đăng ký học trong học kỳ đó, với trọng số là số tín chỉ tương ứng của từng môn học (*không tính điểm M, điểm R*).

28.2. Điểm trung bình chung tích lũy của mỗi học kỳ hay của năm học, khóa học là điểm tính theo kết quả thi của các môn học đạt từ điểm D trở lên mà sinh viên đã đăng ký học tại trường (*kể cả các điểm M, điểm R*).

28.3. Kết quả học tập của học kỳ phụ (*nếu có*) được tính chung vào học kỳ kế liền trước đó.

28.4. Không tính kết quả thi các môn học Giáo dục quốc phòng và Giáo dục thể chất vào điểm trung bình chung học kỳ hoặc điểm trung bình chung tích lũy. Việc đánh giá kết quả và điều kiện cấp chứng chỉ đối với các môn học này theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

28.5 Điểm trung bình chung học tập sau từng học kỳ, từng năm học (*không tính điểm M, điểm R*) dùng để xét học bổng, khen thưởng, được tính trên kết quả thi kết thúc môn học ở lần thi thứ nhất.

28.6. Điểm trung bình trung tích lũy là điểm trung bình của các môn học đã được tích lũy từ đầu khóa học cho đến thời điểm được xem xét. Điểm trung bình trung tích lũy dùng để xét phân loại kết quả học tập của khóa học, xét tốt nghiệp, xét buộc thôi học, xét học cùng một lúc ở nhiều ngành, nhiều trường.

Điều 29. Cách tính điểm bộ phận, điểm thi kết thúc môn học, điểm trung bình chung học kỳ

29.1. Điểm đánh giá bộ phận và điểm thi kết thúc môn học được chấm theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), làm tròn đến một chữ số thập phân.

29.2. Điểm môn học là tổng điểm của tất cả các điểm đánh giá bộ phận của môn học nhân với trọng số tương ứng. Điểm môn học làm tròn đến một chữ số thập phân, sau đó được chuyển thành điểm chữ như sau:

- a) Loại đạt: A + (9,0 – 10,0) Giỏi
A (8,5 – 8,9)

B + (8,0 – 8,4)	Khá
B (7,0 – 7,9)	
C + (6,5 – 6,9)	Trung bình
C (5,5 – 6,4)	
D (4,0 – 5,4)	Trung bình yếu
F (dưới 4,0)	Kém

b) Loại không đạt:

c) Đối với những môn học chưa đủ cơ sở để đưa vào tính điểm trung bình chung học kỳ, khi xếp mức đánh giá được sử dụng các kí hiệu sau:

I	Chưa đủ dữ liệu đánh giá.
X	Chưa nhận được kết quả thi

d) Đối với những môn học được đơn vị đào tạo cho phép chuyển điểm, khi xếp mức đánh giá được sử dụng kí hiệu R viết kèm với kết quả.

29.3 Việc xếp loại các mức điểm A+, A, B+, B, C+, C, D, F áp dụng cho các trường hợp sau:

a) Những môn học mà sinh viên đã có đủ điểm đánh giá bộ phận, kể cả trường hợp bỏ học, bỏ kiểm tra hoặc bỏ thi không có lý do phải nhận điểm 0;

b) Chuyển đổi từ mức điểm I qua, sau khi đã có các kết quả đánh giá bộ phận mà trước đó sinh viên được giảng viên cho phép nợ;

c) Chuyển đổi từ các trường hợp X qua.

29.4. Để tính điểm trung bình chung học kỳ và điểm trung bình chung tích lũy, mức điểm chữ của mỗi học phần được quy đổi qua điểm số, làm tròn đến 1 số thập phân như sau:

A+	tương ứng với 4,0
A	tương ứng với 3,7
B+	tương ứng với 3,5
B	tương ứng với 3,0
C+	tương ứng với 2,5
C	tương ứng với 2,0
D	tương ứng với 1,0
F	tương ứng với 0,0

29.5. Điểm trung bình chung học kỳ và điểm trung bình tích lũy của mỗi học kỳ hay của năm học, khóa học được làm tròn đến 2 số thập phân. Công thức tính như sau:

$$A = \frac{\sum_{i=1}^N a_i \cdot n_i}{\sum_{i=1}^N n_i}$$

Trong đó:

- A là điểm trung bình chung
- a_i là điểm môn học của môn học thứ i
- n_i là số tín chỉ của môn học thứ i
- N là tổng số môn học

29.6. Xếp loại kết quả học tập

a. Loại đạt xếp loại

- Loại xuất sắc: Điểm trung bình chung tích lũy từ 3,60 đến 4,00;
- Loại giỏi: Điểm trung bình chung tích lũy từ 3,20 đến 3,59;
- Loại khá: Điểm trung bình chung tích lũy từ 2,50 đến 3,19;
- Loại trung bình: Điểm trung bình chung tích lũy từ 2,00 đến 2,49.

b. Loại không đạt xếp loại: Dưới 2,00

Điều 30. Tổ chức các kỳ thi kết thúc môn học

30.1. Mỗi học kỳ chỉ tổ chức hai kỳ thi kết thúc môn học: lần I và lần II, cách nhau từ 3 đến 5 tuần.

30.2. Trong mỗi kỳ thi, từng môn học được tổ chức thi riêng biệt, không bố trí thi ghép một số môn học trong cùng một buổi thi của một sinh viên.

30.3. Thời gian dành cho ôn thi mỗi môn học tỷ lệ thuận với số tín chỉ của môn học đó, ít nhất là nửa ngày cho mỗi tín chỉ. Hiệu trưởng quy định thời gian học ôn và thi. Không tổ chức thi ngoài các kỳ thi đã thông báo.

30.4. Sinh viên không được dự thi kết thúc môn học do chưa đóng đủ học phí hoặc bỏ thi không có lý do chính đáng thì phải nhận điểm không (0).

30.5. Với mỗi môn học, sau lần thi thứ nhất, nếu điểm môn học bị điểm F, sinh viên được quyền dự thi kết thúc môn học thêm lần thứ 2. Sau lần thi thứ 2, điểm môn học được tính bao gồm cả điểm thành phần và điểm kết thi kết thúc môn học của kỳ thi lần thứ 2.

30.6. Đề thi kết thúc các môn học thuộc khối kiến thức chung, kiến thức toán và khoa học tự nhiên, kiến thức cơ bản của nhóm ngành được lấy từ ngân hàng đề thi do Phòng Đào tạo quản lý; đề thi kết thúc các môn học thuộc các khối kiến thức cơ sở ngành, chuyên ngành và nghiệp vụ do cán bộ giảng dạy các môn học đó xây dựng và do các khoa, bộ môn trực thuộc quản lý. Đề thi kết thúc môn học được xây dựng có nội dung phù hợp với đề cương môn học đã công bố và được chủ nhiệm khoa hoặc chủ nhiệm bộ môn duyệt. Hiệu trưởng quy định cụ thể về quy trình và cách thức xây dựng đề thi từ ngân hàng đề thi.

30.7. Việc tổ chức thi, xử lý vi phạm kỷ luật thi, chấm thi kết thúc môn học được thực hiện theo “*Quy chế đào tạo đại học ở Đại học Quốc gia Hà Nội*”.

30.8. Các bảng điểm thi kết thúc môn học phải được thực hiện theo mẫu chung của trường, phải có chữ ký của các cán bộ chấm thi và phải được gửi về Phòng Đào tạo, chậm nhất là 7 ngày sau khi thi.

30.9. Đối với các môn học tổ chức thi theo hình thức vấn đáp, kết quả thi kết thúc môn học phải được giảng viên thông báo ngay cho sinh viên sau khi kết thúc buổi thi. Đối với các môn học còn lại, kết quả thi kết thúc môn học được thông báo công khai đến từng sinh viên chậm nhất là 15 ngày sau mỗi kỳ thi. Sinh viên nhận kết quả thi kết thúc môn học qua việc truy cập tài khoản cá nhân do nhà trường cấp.

30.10. Hiệu trưởng quy định cụ thể về việc tổ chức đánh giá khóa luận tốt nghiệp hoặc tương đương của sinh viên.

Điều 31. Điều kiện dự thi kết thúc môn học

31.1. Sinh viên được dự thi kết thúc môn học nếu hội đủ các điều kiện sau đây:

- a. Có mặt trên lớp hoặc tại nơi thực hành, thực tập không dưới 80% thời gian quy định cho môn học đó.
- b. Hoàn thành các điểm kiểm tra – đánh giá thường xuyên, định kỳ và các yêu cầu khác của môn học được quy định cụ thể trong đề cương môn học do giảng viên công bố khi bắt đầu môn học. Trường hợp sinh viên tự ý bỏ giờ kiểm tra định kỳ hoặc điểm kiểm tra – đánh giá thường xuyên bị điểm 0 (không), sinh viên không được dự thi hết môn học.
- c. Đóng đầy đủ, đúng hạn học phí theo quy định của trường.

31.2. Trường hợp sinh viên chưa dự kiểm tra – đánh giá định kỳ vì lý do chính đáng và có đủ minh chứng đúng quy định, được giảng viên tổ chức kỳ kiểm tra bổ sung để sinh viên có đủ điều kiện thi kết thúc môn học. Thời gian và hình thức tổ chức kỳ kiểm tra bổ sung do giảng viên quyết định và ghi rõ các trường hợp này trong bảng điểm thành phần khi nộp cho Phòng Đào tạo.

Điều 32. Chấm phúc tra

32.1. Sinh viên có quyền đề nghị chấm phúc tra kết quả thi kết thúc môn học. Đơn đề nghị phúc tra kết quả thi phải được gửi đến Phòng Đào tạo trong vòng 3 ngày kể từ ngày công bố kết quả. Tất cả các đề nghị chấm phúc tra đều phải đóng lệ phí do trường quy định. Thời gian chấm phúc tra không quá 7 ngày làm việc kể từ ngày nhận đơn của sinh viên.

32.2. Sau khi chấm phúc tra, nếu điểm cao hơn hoặc thấp hơn trước từ 1 điểm trở lên thì chủ nhiệm khoa hoặc trưởng Phòng Đào tạo phải đề nghị một cán bộ thứ 2 có cùng chuyên môn chấm lại. Kết quả cuối cùng phải do chủ nhiệm khoa (hoặc bộ môn trực thuộc) ký xác nhận mới được công bố. Điểm sau phúc tra là kết quả cuối cùng của môn học.

Điều 33. Cấp và chứng thực bằng điểm

- Trong quá trình học tập, nếu sinh viên có nhu cầu được cấp bằng điểm phải nộp lệ phí. Việc chứng thực bằng điểm cho sinh viên có nhu cầu được thực hiện tại Phòng Đào tạo. Sinh viên phải nộp lệ phí chứng thực bằng điểm theo quy định của nhà trường.

- Cuối khoá học, sinh viên được cấp bằng điểm toàn khoá và không phải nộp lệ phí.

CHƯƠNG 4

NGHIÊN CỨU KHOA HỌC CỦA SINH VIÊN

Điều 34. Các hình thức nghiên cứu khoa học của sinh viên

Nghiên cứu khoa học của sinh viên là hoạt động quan trọng, cần thiết trong quá trình đào tạo, góp phần nâng cao chất lượng đào tạo đại học, bao gồm các hình thức sau đây:

- Tham gia câu lạc bộ khoa học sinh viên, xêmina chuyên đề khoa học, báo cáo khoa học tại hội nghị, hội thảo khoa học; công bố các bài báo khoa học trên các tạp chí chuyên ngành.

- Tham gia khảo sát thực địa, thực nghiệm khoa học, thực hiện khoá luận tốt nghiệp, đề tài nghiên cứu, triển khai ứng dụng các tiến bộ khoa học vào thực tiễn.

Điều 35. Quản lý hoạt động nghiên cứu khoa học của sinh viên

Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn tổ chức và quản lý công tác nghiên cứu khoa học của sinh viên: triển khai nghiên cứu, tổ chức hội nghị khoa học sinh viên, đánh giá và khen thưởng hàng năm công tác nghiên cứu khoa học sinh viên của Trường.

Cán bộ giảng dạy có trách nhiệm tham gia hướng dẫn sinh viên nghiên cứu khoa học theo phân công của khoa trong kế hoạch giảng dạy hàng năm. Cán bộ giảng dạy hướng dẫn sinh viên nghiên cứu khoa học được tính giờ chuẩn theo quy định hiện hành.

Điều 36. Điểm thưởng nghiên cứu khoa học của sinh viên

Công trình nghiên cứu khoa học sinh viên đạt giải được thưởng điểm. Điểm thưởng được cộng vào điểm trung bình chung học tập mở rộng của học kỳ để làm căn cứ xét học bổng, xét tốt nghiệp, xét chuyên tiếp vào bậc sau đại học và các quyền lợi khác. Mức thưởng điểm được quy định như sau:

36.1. Giải cấp Đại học Quốc gia Hà Nội hoặc cấp Bộ Giáo dục và Đào tạo:

- | | |
|-----------------------|-----------|
| a. Giải nhất: | 0,40 điểm |
| b. Giải nhì: | 0,30 điểm |
| c. Giải ba: | 0,20 điểm |
| d. Giải khuyến khích: | 0,10 điểm |

36.2. Giải cấp trường

- | | |
|---------------|-----------|
| a. Giải nhất: | 0,20 điểm |
| b. Giải nhì: | 0,15 điểm |
| c. Giải ba: | 0,10 điểm |

36.3. Trong học kỳ hoặc năm học, nếu sinh viên đạt nhiều giải thưởng nghiên cứu khoa học ở các cấp (Trường, Đại học Quốc gia Hà Nội hoặc Bộ Giáo dục và Đào tạo) thì chỉ được cộng điểm thưởng một lần ở mức giải cao nhất. Trong suốt khoá học, nếu sinh viên đạt nhiều giải thưởng nghiên cứu khoa học thì chỉ được cộng điểm thưởng một lần ở mức giải cao nhất vào điểm trung bình chung học tập mở rộng của toàn khoá học.

Nếu công trình do nhiều người cùng làm thì điểm thường được chia đều cho số người cùng tham gia.

Điều 37. Chuyển đổi kết quả nghiên cứu khoa học thành kết quả học tập

37.1. Công trình nghiên cứu khoa học của sinh viên được thực hiện trong thời gian sinh viên hoàn thành niên luận hoặc tiểu luận thì kết quả nghiên cứu khoa học có thể được coi như kết quả của niên luận hoặc tiểu luận.

37.2. Công trình nghiên cứu khoa học của sinh viên có thể thay cho một môn học tự chọn thuộc khối kiến thức chuyên ngành, nghiệp vụ và được tích lũy vào kết quả học tập chung của học kỳ, của năm học cũng như của toàn khóa.

37.3. Việc chuyển đổi các kết quả được thực hiện nếu thỏa mãn các điều kiện sau:

a. Được hội đồng cấp khoa đánh giá cho điểm (quy về thang điểm 10) và quy định thay cho niên luận, tiểu luận, hoặc một môn học tự chọn cụ thể trong chương trình đào tạo của ngành học;

b. Sinh viên có nguyện vọng.

CHƯƠNG 5 HỌC PHÍ VÀ HỌC BỔNG

Điều 38. Cách tính học phí

38.1. Học phí thu theo số tín chỉ của các môn học mà sinh viên đăng ký học trong mỗi học kỳ.

38.2. Số học phí sinh viên cần nộp được tính theo công thức:

$$M = a * \sum_{i=1}^k \alpha_i * n_i$$

a : Mức học phí /1 tín chỉ

α_i : Hệ số học phí của môn học thứ i

n_i : Số tín chỉ của môn học thứ i

k : Tổng số môn học

38.3. Hàng năm, Hiệu trưởng quy định hệ số học phí của môn học cho tất cả các ngành đào tạo và mức học phí /1 tín chỉ.

38.4. Mức miễn, giảm học phí/1 tín chỉ được quy đổi tương đương từ mức miễn, giảm học phí trên cơ sở các quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ Tài chính, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, Đại học Quốc gia Hà Nội, trước thời điểm bắt đầu học kỳ mới 1 tháng. Việc miễn, giảm học phí được tính ngay khi sinh viên đăng ký môn học.

38.5. Cách tính học phí như trên được áp dụng cả đối với các môn học lại, các môn học của sinh viên học dự thính. Sinh viên không được miễn, giảm học phí khi đăng ký học các lớp môn học này.

Điều 39. Đóng học phí

39.1. Việc thu học phí được thực hiện theo thông báo của Phòng Kế hoạch - Tài vụ của trường, bắt đầu từ tuần thứ 4 của mỗi học kỳ. Sinh viên có thể nộp học phí một lần cho cả học kỳ hoặc nộp theo từng tháng nhưng phải hoàn thành trước tuần thứ 15 của học kỳ.

39.2. Sinh viên chưa hoàn thành việc nộp học phí trước thời hạn quy định sẽ bị đưa ra khỏi danh sách sinh viên của lớp môn học trong học kỳ đó và không được tham dự kỳ thi kết thúc môn học.

39.3. Sinh viên thuộc diện miễn, giảm học phí phải hoàn thành thủ tục theo quy định của nhà trường và nộp về Phòng Đào tạo chậm nhất là trong tuần thứ 3 của học kỳ.

39.4. Sinh viên có nguyện vọng được nợ học phí cần làm đơn, có xác nhận của chủ nhiệm khoa (hoặc bộ môn trực thuộc) và nộp về Phòng Kế hoạch – Tài vụ chậm nhất là 3 tuần trước khi hết hạn nộp học phí để được xem xét. Chậm nhất là 7 ngày sau khi nhận đơn của sinh viên, Phòng Kế hoạch – Tài vụ phải thông báo cho sinh viên biết quyết định của Hiệu trưởng về việc cho phép nợ học phí, trong đó có ghi rõ hạn cuối sinh viên phải nộp học phí nhưng không quá thời gian kết thúc học kỳ đó.

Sau 01 ngày làm việc kể từ khi hết hạn nộp học phí, Phòng Kế hoạch – Tài vụ phải lập danh sách sinh viên không được dự thi kết thúc môn học do chưa nộp học phí và thông báo cho Phòng Đào tạo.

Điều 40. Xử lý nợ học phí

Tới thời hạn cuối cùng phải đóng học phí của mỗi học kỳ, sinh viên còn nợ học phí được đưa vào danh sách sinh viên tạm nghỉ học từ học kỳ

tiếp theo. Sinh viên có tên trong danh sách này sẽ bị Phòng Đào tạo xóa kết quả đăng ký môn học của học kỳ tiếp theo và khoa tài khoản đăng ký môn học. Ngay sau khi sinh viên nộp đủ học phí còn nợ, Phòng Kế hoạch – Tài vụ phải thông báo cho Phòng Đào tạo để mở lại tài khoản đăng ký môn học cho sinh viên.

Điều 41. Học bổng

41.1. Học bổng được xét cấp cho sinh viên của tất cả các khóa theo từng ngành trong 8 học kỳ, bắt đầu từ học kỳ thứ 2.

41.2. Điều kiện để xét, cấp học bổng cho sinh viên:

a. Học ít nhất trong 01 học kỳ 17 tín chỉ (đối với hệ chuẩn) và 20 tín chỉ (đối với hệ chất lượng cao). Không áp dụng điều kiện này với học kỳ cuối cùng của khóa học.

b. Có điểm trung bình chung học kỳ trước đó từ 2,50 trở lên, không có điểm môn học là điểm D tính theo kết quả thi kết thúc môn học lần thứ nhất.

c. Không bị xử lý kỷ luật từ khiển trách trở lên.

d. Đạt điểm rèn luyện từ loại khá trở lên. Không áp dụng điều kiện này với học kỳ cuối cùng của khóa học.

41.3. Thời gian tạm dừng học tập, thời gian kéo dài khóa học và thời gian học lấy bằng thứ hai không được xét cấp học bổng;

41.4. Quỹ học bổng, chỉ tiêu học bổng, mức học bổng được xác định theo các quy định hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ Tài chính, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội.

CHƯƠNG 6

TỔ CHỨC ĐÀO TẠO HỆ CỬ NHÂN CHẤT LƯỢNG CAO

Điều 42. Tuyển chọn

Sinh viên đã trúng tuyển vào Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn được phép đăng ký dự tuyển vào học tại chương trình đào tạo cử nhân chất lượng cao của các ngành có cùng khối thi, không phân biệt ngành đăng ký dự thi ban đầu. Trường hợp sinh viên trúng tuyển vào ngành có cùng khối thi thuộc đơn vị đào tạo khác trong Đại học Quốc gia

Hà Nội muốn đăng ký dự tuyển vào học chương trình đào tạo cử nhân chất lượng cao của Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn phải được sự đồng ý của thủ trưởng đơn vị đào tạo đó.

42.1. Những sinh viên thuộc diện được dự tuyển:

- Là thành viên đội tuyển quốc gia tham dự kỳ thi Olympic quốc tế về môn học phù hợp với ngành học;

- Là học sinh đạt giải nhất, nhì, ba trong kỳ thi học sinh giỏi quốc gia về môn học phù hợp với ngành học và tốt nghiệp trung học phổ thông từ loại khá trở lên;

- Tốt nghiệp hệ trung học phổ thông chuyên của các trường đại học hoặc các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;

- Có kết quả học tập 3 năm liền ở bậc trung học phổ thông đạt loại giỏi trở lên;

- Đạt kết quả cao trong thi tuyển sinh đại học;

- Đạt yêu cầu của kỳ kiểm tra trình độ ngoại ngữ đối với sinh viên dự tuyển hệ chất lượng cao.

42.2. Hiệu trưởng quyết định phương thức tuyển chọn theo một trong các hình thức sau:

- Xét tuyển :

Việc xét tuyển được thực hiện với những sinh viên đạt yêu cầu về trình độ ngoại ngữ theo những tiêu chí với thứ tự ưu tiên như sau: Đạt giải trong kỳ thi Olympic quốc tế; tham dự kỳ thi Olympic quốc tế; đạt giải trong kỳ thi học sinh giỏi quốc gia; tốt nghiệp trung học phổ thông loại giỏi; có kết quả học tập cao ở bậc trung học phổ thông; tốt nghiệp hệ trung học phổ thông chuyên; đạt kết quả cao trong thi tuyển sinh đại học.

- Thi tuyển:

Nội dung thi là những kiến thức chuyên môn và ngoại ngữ phù hợp được nhà trường thông báo khi thí sinh trúng tuyển nhập học.

- Kết hợp cả hai hình thức trên.

Điều 43. Chuyển đổi sinh viên hệ chất lượng cao

43.1. Sinh viên vi phạm một trong các điểm sau đây không được tiếp tục học chương trình đào tạo cử nhân chất lượng cao và phải chuyển sang học tại ngành đào tạo tương ứng theo chương trình đào tạo hệ chuẩn:

- Có điểm thi kết thúc môn học lần đầu của 1 môn học nâng cao hoặc bổ sung, đạt dưới điểm C;

- Có điểm trung bình chung tích lũy của năm học dưới 2,50 (tính điểm thi kết thúc môn học lần đầu);

- Đã bị kỷ luật trong thời gian học từ mức khiển trách trở lên.

43.2. Căn cứ tổng chỉ tiêu đào tạo cử nhân chất lượng cao được giao đầu khoá học, vào đầu năm học thứ hai của khoá học, nhà trường xét chuyển đổi bổ sung vào chương trình đào tạo cử nhân chất lượng cao từ số sinh viên của chương trình đào tạo hệ chuẩn dựa theo các tiêu chuẩn sau:

- Tích lũy ít nhất 17 tín chỉ trong mỗi học kỳ;

- Điểm thi của các môn học tương ứng với các môn học nâng cao của chương trình đào tạo cử nhân chất lượng cao phải đạt từ điểm B+ trở lên;

- Có điểm trung bình chung tích lũy của năm học trước đó từ 3,00 trở lên (tính điểm thi kết thúc môn học lần đầu);

- Có tư cách đạo đức, ý thức tổ chức kỷ luật tốt;

- Những sinh viên có thành tích nghiên cứu khoa học đạt từ giải 3 cấp trường trở lên được ưu tiên khi xét tuyển.

Điều 44. Tổ chức lớp khóa học và lớp môn học

- Sinh viên hệ chất lượng cao được tổ chức và quản lý theo lớp khóa học độc lập với lớp khóa học của sinh viên hệ chuẩn.

- Đối với các môn học nâng cao và bổ sung, sinh viên hệ chất lượng cao được tổ chức lớp môn học và thi kết thúc môn học riêng, độc lập so với sinh viên hệ chuẩn. Đối với các môn học còn lại, sinh viên được phép đăng ký học và thi cùng sinh viên hệ chuẩn.

- Đối với các môn học thuộc khối kiến thức cơ bản chung trùng với môn học mà sinh viên đã đạt giải quốc gia, quốc tế, sinh viên có thể đăng ký tự học. Sau khi được Hiệu trưởng đồng ý, sinh viên có thể không lên lớp thường xuyên, nhưng phải dự thi tích lũy môn học.

Điều 45. Sử dụng điểm các môn học nâng cao, bổ sung.

Điểm các học phần, môn học nâng cao, bổ sung được quy đổi để ghi vào bảng điểm và xếp loại học tập đối với những sinh viên chuyển sang học hệ chuẩn hoặc để làm căn cứ xét học bổng, xét chuyển tiếp sinh sau đại học và các quyền lợi khác theo công thức sau:

- Các điểm (trước khi quy đổi sang hệ điểm chữ) từ 3 đến 9 được tăng lên 1 điểm;

- Các điểm 0, 1, 2 và 10 giữ nguyên.

Sau khi quy đổi, điểm của môn học đó được chuyển đổi sang hệ điểm chữ.

Điều 46. Phương pháp giảng dạy và học tập

Việc tổ chức giảng dạy và học tập cho sinh viên hệ chất lượng cao phải ưu tiên đáp ứng các yêu cầu sau:

- Sử dụng linh hoạt các phương pháp giảng dạy tích cực nhằm phát huy tính chủ động khám phá tri thức ở các bậc nhận thức cao.

- Tăng cường hình thức tự học, học theo nhóm.

- Rèn luyện phương pháp học đại học và phương pháp học môn học, phương pháp trình bày, diễn đạt các ý tưởng khoa học.

- Tổ chức xemina chuyên môn ở các năm cuối; tăng cường phương pháp học tập theo kiểu nghiên cứu nhằm phát triển khả năng tư duy độc lập, sáng tạo.

- Chú trọng các giờ học thực hành, thực tập, thực tiễn; kết hợp học tập với nghiên cứu khoa học để nâng cao hiệu quả tiếp thu môn học. Chậm nhất từ học kỳ thứ tư, mỗi sinh viên được một giảng viên có trình độ khoa học cao hướng dẫn nghiên cứu khoa học.

- Tạo điều kiện cho sinh viên nghe giảng bằng ngoại ngữ đối với một số môn học, nhất là các môn chuyên đề; sử dụng trực tiếp các giáo trình, tài liệu bằng tiếng nước ngoài song song với các giáo trình, tài liệu tiếng Việt.

- Tạo điều kiện cho sinh viên sử dụng các thiết bị công nghệ thông tin và các trang thiết bị hiện đại khác.

Điều 47. Điều kiện nhận đề tài khoá luận tốt nghiệp

Sinh viên được nhận đề tài khoá luận tốt nghiệp nếu đáp ứng được các điều kiện dưới đây:

47.1. Hoàn thành từ 90% trở lên các môn học của chương trình đào tạo (không tính thời lượng tốt nghiệp)

47.2. Đạt từ điểm B trở lên đối với tất cả các môn học nâng cao.

47.3. Có đề cương đề tài khoá luận tốt nghiệp được thủ trưởng đơn vị quản lý ngành đào tạo đồng ý giao thực hiện đề tài

Điều 48. Yêu cầu về khoá luận tốt nghiệp

48.1. Đề tài khoá luận phải đặt mục đích giải quyết một vấn đề có ý nghĩa lý luận hoặc thực tiễn trong lĩnh vực khoa học liên quan.

48.2. Khoá luận cần tổng hợp, phân tích và đánh giá được nhiều tài liệu khoa học mới (tiếng Việt và tiếng nước ngoài) liên quan đến vấn đề mà đề tài khoá luận đặt ra để giải quyết.

48.3. Kết quả khoá luận phải do sinh viên tự thực hiện với sự hướng dẫn của thầy, phải chứa đựng yếu tố mới và sáng tạo, đảm bảo độ chính xác và tin cậy cao, trình bày mạch lạc, rõ ràng, đáp ứng được tiêu chuẩn đối với bài được công bố trên tạp chí khoa học hoặc báo cáo ở hội nghị khoa học.

48.4. Có bản tóm tắt nội dung bằng ngoại ngữ gồm ít nhất là 2 trang khổ A4. Khuyến khích sinh viên viết khoá luận tốt nghiệp bằng ngoại ngữ.

48.5. Hội đồng chấm khoá luận tốt nghiệp do Hiệu trưởng hoặc thủ trưởng đơn vị đào tạo được Hiệu trưởng ủy quyền ra quyết định thành lập. Mỗi khoá luận có 2 người nhận xét phản biện.

Điều 49. Giảng viên dạy các lớp môn học nâng cao

49.1. Giảng viên dạy các lớp môn học nâng cao là những nhà giáo có uy tín khoa học, có kinh nghiệm giảng dạy, có học vị từ tiến sĩ trở lên. Trong trường hợp đặc biệt, Hiệu trưởng sẽ quyết định cụ thể về giảng viên dạy lớp môn học nâng cao.

49.2. Ngoài nhiệm vụ và quyền lợi đã được quy định trong Quy định này, giảng viên dạy các lớp nâng cao còn được hưởng các quyền lợi và tuân thủ nghĩa vụ đã ghi trong “Quy định về đào tạo cử nhân tài năng, chất lượng cao ở Đại học Quốc gia Hà Nội”.

Điều 50. Quyền lợi và nghĩa vụ của sinh viên hệ chất lượng cao

Ngoài những quyền lợi và nghĩa vụ chung đối với sinh viên hệ đại học chính quy đã được quy định trong Quy định này, sinh viên hệ đào tạo cử nhân chất lượng cao còn được hưởng các quyền lợi và tuân thủ nghĩa vụ đã ghi trong “Quy định về đào tạo cử nhân tài năng chất lượng cao ở Đại học Quốc gia Hà Nội”.

CHƯƠNG 7

TÍCH LŨY KHỐI KIẾN THỨC TỐT NGHIỆP VÀ CÔNG NHẬN TỐT NGHIỆP

Điều 51. Tích lũy khối kiến thức tốt nghiệp

51.1. Sinh viên được phép đăng ký thực hiện tích lũy khối kiến thức tốt nghiệp theo một trong các hướng sau:

- Làm khóa luận tốt nghiệp.

- Học và thi một số môn học chuyên môn: Sinh viên không được giao làm khóa luận tốt nghiệp phải đăng ký học thêm một số môn học chuyên môn thay thế nếu chưa tích lũy đủ số tín chỉ quy định cho chương trình.

51.2. Hiệu trưởng quy định cụ thể về quy trình giao đề tài và chấm khóa luận tốt nghiệp cho sinh viên; về tổ chức học và thi các môn học chuyên môn thay thế.

51.3. Nếu có bất kỳ thay đổi nào về việc quy định thời lượng và phương thức thực hiện khối kiến thức tốt nghiệp, Phòng Đào tạo có trách nhiệm thông báo đến sinh viên trước khi học kỳ mới bắt đầu 01 tháng.

51.4. Sinh viên chỉ được đăng ký hoàn thành khối kiến thức tốt nghiệp khi đã tích lũy được 90% tổng số tín chỉ của chương trình đào tạo theo ngành học của mình (*trừ số tín chỉ của khối kiến thức tốt nghiệp*).

51.5. Kết quả khối kiến thức tốt nghiệp được công bố chậm nhất là 10 ngày sau khi sinh viên nộp khóa luận hoặc bản báo cáo kết quả nghiên cứu.

51.6. Sinh viên bảo vệ khóa luận bị điểm F thì phải thực hiện tích lũy lại khối kiến thức tốt nghiệp ở các học kỳ kế tiếp theo những yêu cầu và quy định về khối kiến thức tốt nghiệp của học kỳ tương ứng. Việc tổ chức chấm thi và công bố kết quả khối kiến thức tốt nghiệp cho những sinh viên này được thực hiện như ở học kỳ chính thức.

Điều 52. Điều kiện xét tốt nghiệp và công nhận tốt nghiệp

52.1. Điều kiện xét tốt nghiệp.

Sinh viên có đủ các điều kiện sau đây được xét tốt nghiệp:

a. Không bị truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc không bị kỷ luật từ mức đình chỉ học tập trở lên tính đến thời điểm xét tốt nghiệp.

b. Đã tích lũy đủ số tín chỉ quy định cho mỗi ngành đào tạo. Điểm trung bình chung tích lũy từ 2.00 trở lên.

c. Có chứng chỉ hai môn học Giáo dục quốc phòng và Giáo dục thể chất.

52.2. Công nhận tốt nghiệp:

a. Căn cứ biên bản và đề nghị của hội đồng xét tốt nghiệp, Hiệu trưởng ký quyết định công nhận tốt nghiệp cho sinh viên đủ điều kiện quy định.

b. Hội đồng xét tốt nghiệp do Hiệu trưởng hoặc Phó Hiệu trưởng được Hiệu trưởng uỷ quyền làm chủ tịch, trưởng Phòng Đào tạo làm thư ký và uỷ viên hội đồng là thủ trưởng các đơn vị đào tạo và Trưởng Phòng Chính trị và Công tác sinh viên.

Điều 53. Cấp bằng tốt nghiệp

53.1. Bằng tốt nghiệp đại học được cấp theo ngành đào tạo. Bằng chỉ được cấp cho sinh viên khi đã ghi đầy đủ, chính xác các nội dung trên bằng và phải có ảnh của người được cấp. Xếp hạng tốt nghiệp được xác định theo điểm trung bình chung tích lũy của toàn khoá học quy định tại “Điều 29” của Quy định này.

53.2. Sinh viên có kết quả học tập toàn khoá đạt loại xuất sắc hoặc giỏi, hạng tốt nghiệp sẽ bị giảm một bậc nếu rơi vào 1 trong các trường hợp sau:

a. Phải thi lại quá 5% tổng số tín chỉ quy định cho toàn khoá học.

b. Đã bị kỷ luật trong thời gian học từ mức cảnh cáo trở lên.

53.3 Kết quả học tập của sinh viên (kể cả lần thi lại) phải được ghi vào bảng điểm theo từng môn học. Trong bảng điểm ghi rõ ngành và chuyên ngành, ngành học chính và ngành học thứ 2 (nếu có).

53.4. Sinh viên còn nợ chứng chỉ giáo dục quốc phòng và giáo dục thể chất nhưng đã hết thời gian tối đa được phép học, trong thời hạn 5 năm tính từ ngày phải ngừng học, được trở về trường trả nợ để có đủ điều kiện xét tốt nghiệp.

53.5 Sinh viên không đủ điều kiện nhận bằng tốt nghiệp được cấp giấy chứng nhận về các môn học đã học trong chương trình đào tạo.

CHƯƠNG 8

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 54. Hiệu lực thi hành

Quy định này có hiệu lực kể từ ngày ký, được áp dụng cho tất cả các khóa đào tạo hệ chính quy theo chương trình đã chuyển đổi sang tín chỉ. Trong trường hợp cần thiết, Hiệu trưởng Trường Đại học Khoa học

Xã hội và Nhân văn có thể điều chỉnh một số quy định cho phù hợp với tình hình thực tế.

HIỆU TRƯỞNG

(đã ký)

GS.TS Nguyễn Văn Khánh

CÁC QUY CHẾ KHÁC VỀ ĐÀO TẠO

1. Quy chế đào tạo đại học và cao đẳng hệ chính quy theo học chế tín chỉ ban hành theo Quyết định số 43/2007/QĐ-BGD&ĐT, ngày 15/8/2007 của Bộ Giáo dục và Đào tạo

2. Quy chế đào tạo đại học ở Đại học Quốc gia Hà Nội ban hành theo Quyết định số 3413/ĐT, ngày 10/9/2007 của ĐHQG Hà Nội

Chi tiết xem ở website của phòng Đào tạo!

1. Tín chỉ học tập
2. Các loại môn học
3. Học kỳ, năm học, khóa học, xác định năm đào tạo của sinh viên
4. Tổ chức lớp
5. Xếp hạng học lực của sinh viên
6. Các loại điểm
 - Điểm chưa đủ dữ liệu để đánh giá (I)
 - Điểm bảo lưu (R)
 - Điểm tương đương (M)
 - Điểm chưa nhận được kết quả kiểm tra (X)
 - Điểm rút bớt môn học (W)
 - Điểm môn học
 - Điểm trung bình chung học kỳ
 - Điểm trung bình chung tích lũy
7. Xếp loại kết quả học tập
 - Loại đạt xếp loại
 - Loại không đạt xếp loại

1. Đăng ký môn học
2. Đăng ký học lại
3. Bỏ sung hoặc rút bớt các môn học sau khi đăng ký

1. Sinh viên bị buộc thôi học
2. Nghỉ học tạm thời
3. Về việc học cùng lúc nhiều ngành, nhiều trường
4. Điều kiện để được chuyển trường
5. Chuyển đổi sinh viên hệ chất lượng cao
6. Cấp bằng tốt nghiệp

“Quy định về đào tạo đại học hệ chính quy theo tín chỉ ở Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn”

[illegible]

**QUY CHẾ
HỌC SINH, SINH VIÊN CÁC TRƯỜNG ĐẠI HỌC,
CAO ĐẲNG VÀ TRUNG CẤP CHUYÊN NGHIỆP
HỆ CHÍNH QUY**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 42/2007/QĐ-BGDĐT
ngày 13 tháng 8 năm 2007 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo)*

**Chương I
NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG**

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Quy chế này quy định quyền và nghĩa vụ của học sinh, sinh viên; nội dung công tác học sinh, sinh viên; hệ thống tổ chức, quản lý; thi đua, khen thưởng và kỷ luật.

2. Quy chế này áp dụng đối với học sinh, sinh viên (sau đây viết tắt là HSSV) các đại học, học viện, trường đại học, cao đẳng và trung cấp chuyên nghiệp hệ chính quy (sau đây gọi chung là các trường).

Điều 2. Mục đích

Công tác HSSV là một trong những công tác trọng tâm của Hiệu trưởng nhà trường, nhằm bảo đảm thực hiện mục tiêu giáo dục là đào tạo con người Việt Nam phát triển toàn diện, có đạo đức, tri thức, sức khỏe, thẩm mỹ và nghề nghiệp, trung thành với lý tưởng độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội; hình thành và bồi dưỡng nhân cách, phẩm chất và năng lực của công dân, đáp ứng yêu cầu của sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

Điều 3. Yêu cầu của công tác học sinh, sinh viên

1. Học sinh, sinh viên là nhân vật trung tâm trong nhà trường, được nhà trường bảo đảm điều kiện thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ trong quá trình học tập và rèn luyện tại trường.

2. Công tác HSSV phải thực hiện đúng đường lối, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước và các quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

3. Công tác HSSV phải bảo đảm khách quan, công bằng, công khai, minh bạch, dân chủ trong các khâu có liên quan đến HSSV.

**Chương II
QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CỦA HỌC SINH, SINH VIÊN**

Điều 4. Quyền của HSSV

1. Được nhận vào học đúng ngành nghề đã đăng ký dự tuyển nếu đủ các điều kiện trúng tuyển theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo và nhà trường.

2. Được nhà trường tôn trọng và đối xử bình đẳng; được cung cấp đầy đủ thông tin cá nhân về việc học tập, rèn luyện theo quy định của nhà trường; được nhà trường phổ biến nội quy, quy chế về học tập, thực tập, thi tốt nghiệp, rèn luyện, về chế độ chính sách của Nhà nước có liên quan đến HSSV.

3. Được tạo điều kiện trong học tập và rèn luyện, bao gồm:

a) Được sử dụng thư viện, các trang thiết bị và phương tiện phục vụ các hoạt động học tập, thí nghiệm, nghiên cứu khoa học, văn hoá, văn nghệ, thể dục, thể thao;

b) Được tham gia nghiên cứu khoa học, thi HSSV giỏi, thi Olympic các môn học, thi sáng tạo tài năng trẻ;

c) Được chăm lo, bảo vệ sức khoẻ theo chế độ hiện hành của Nhà nước;

d) Được đăng ký dự tuyển đi học ở nước ngoài, học chuyển tiếp ở các trình độ đào tạo cao hơn theo quy định hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo;

đ) Được tạo điều kiện hoạt động trong tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam, Đoàn TNCS Hồ Chí Minh, Hội Sinh viên Việt Nam, Hội Liên hiệp Thanh niên Việt Nam; tham gia các tổ chức tự quản của HSSV, các hoạt động xã hội có liên quan ở trong và ngoài nhà trường theo quy định của pháp luật; các hoạt động văn hoá, văn nghệ, thể thao lành mạnh, phù hợp với mục tiêu đào tạo của nhà trường;

e) Được nghỉ học tạm thời, tạm ngừng học, học theo tiến độ chậm, tiến độ nhanh, học cùng lúc hai chương trình, chuyển trường theo quy

định của quy chế về đào tạo của Bộ Giáo dục và Đào tạo; được nghỉ hè, nghỉ tết, nghỉ lễ theo quy định.

4. Được hưởng các chế độ, chính sách ưu tiên theo quy định của Nhà nước; được xét nhận học bổng do các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước tài trợ; được miễn giảm phí khi sử dụng các dịch vụ công cộng về giao thông, giải trí, tham quan viện bảo tàng, di tích lịch sử, công trình văn hoá theo quy định của Nhà nước.

5. Được trực tiếp hoặc thông qua đại diện hợp pháp của mình kiến nghị với nhà trường các giải pháp góp phần xây dựng nhà trường; được đề đạt nguyện vọng và khiếu nại lên Hiệu trưởng giải quyết các vấn đề có liên quan đến quyền, lợi ích chính đáng của HSSV.

6. Được xét tiếp nhận vào ký túc xá theo quy định của trường. Việc ưu tiên khi sắp xếp vào ở ký túc xá theo quy định tại Quy chế công tác HSSV nội trú của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

7. HSSV đủ điều kiện công nhận tốt nghiệp được nhà trường cấp bằng tốt nghiệp, bằng điểm học tập và rèn luyện, hồ sơ HSSV, các giấy tờ có liên quan khác và giải quyết các thủ tục hành chính.

8. Được hưởng chính sách ưu tiên của Nhà nước trong tuyển dụng vào các cơ quan Nhà nước nếu tốt nghiệp loại giỏi, rèn luyện tốt và được hưởng các chính sách ưu tiên khác theo quy định về tuyển dụng cán bộ, công chức, viên chức.

Điều 5. Nghĩa vụ của HSSV

1. Chấp hành chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước và các quy chế, nội quy, điều lệ nhà trường.

2. Tôn trọng nhà giáo, cán bộ và nhân viên của nhà trường; đoàn kết, giúp đỡ lẫn nhau trong quá trình học tập và rèn luyện; thực hiện tốt nếp sống văn minh.

3. Giữ gìn và bảo vệ tài sản của nhà trường; góp phần xây dựng, bảo vệ và phát huy truyền thống của nhà trường.

4. Thực hiện nhiệm vụ học tập, rèn luyện theo chương trình, kế hoạch giáo dục, đào tạo của nhà trường; chủ động tích cực tự học, nghiên cứu, sáng tạo và tự rèn luyện đạo đức, lối sống.

5. Thực hiện đầy đủ quy định về việc khám sức khoẻ khi mới nhập học và khám sức khoẻ định kỳ trong thời gian học tập theo quy định của nhà trường.

6. Đóng học phí đúng thời hạn theo quy định.

7. Tham gia lao động và hoạt động xã hội, hoạt động bảo vệ môi trường phù hợp với năng lực và sức khoẻ theo yêu cầu của nhà trường.

8. Chấp hành nghĩa vụ làm việc có thời hạn theo sự điều động của Nhà nước khi được hưởng học bổng, chi phí đào tạo do Nhà nước cấp hoặc do nước ngoài tài trợ theo Hiệp định ký kết với Nhà nước, nếu không chấp hành phải bồi hoàn học bổng, chi phí đào tạo theo quy định.

9. Tham gia phòng, chống tiêu cực, gian lận trong học tập, thi cử và các hoạt động khác của HSSV, cán bộ, giáo viên; kịp thời báo cáo với khoa, phòng chức năng, Hiệu trưởng nhà trường hoặc các cơ quan có thẩm quyền khi phát hiện những hành vi tiêu cực, gian lận trong học tập, thi cử hoặc những hành vi vi phạm pháp luật, vi phạm nội quy, quy chế khác của HSSV, cán bộ, giáo viên trong trường.

10. Tham gia phòng chống tội phạm, tệ nạn ma tuý, mại dâm và các tệ nạn xã hội khác.

Điều 6. Các hành vi HSSV không được làm

1. Xúc phạm nhân phẩm, danh dự, xâm phạm thân thể nhà giáo, cán bộ, nhân viên nhà trường và HSSV khác.

2. Gian lận trong học tập như: quay cốp, mang tài liệu vào phòng thi, xin điểm; học, thi, thực tập, trực hộ người khác hoặc nhờ người khác học, thi, thực tập, trực hộ; sao chép, nhờ hoặc làm hộ tiểu luận, đồ án, khoá luận tốt nghiệp; tổ chức hoặc tham gia tổ chức thi hộ hoặc các hành vi gian lận khác.

3. Hút thuốc, uống rượu, bia trong giờ học; say rượu, bia khi đến lớp.

4. Gây rối an ninh, trật tự trong trường hoặc nơi công cộng.

5. Tham gia đua xe hoặc cổ vũ đua xe trái phép.

6. Đánh bạc dưới mọi hình thức.

7. Sản xuất, buôn bán, vận chuyển, phát tán, tàng trữ, sử dụng hoặc lôi kéo người khác sử dụng vũ khí, chất nổ, các chất ma tuý, các loại hoá chất cấm sử dụng, các tài liệu, ấn phẩm, thông tin phản động, đồi trụy và các tài liệu cấm khác theo quy định của Nhà nước; tổ chức, tham gia, truyền bá các hoạt động mê tín dị đoan, các hoạt động tôn giáo trong nhà trường và các hành vi vi phạm đạo đức khác.

8. Thành lập, tham gia các hoạt động mang tính chất chính trị trái pháp luật; tổ chức, tham gia các hoạt động tập thể mang danh nghĩa nhà trường khi chưa được Hiệu trưởng cho phép.

Chương III

NỘI DUNG CÔNG TÁC HỌC SINH, SINH VIÊN

Điều 7. Công tác tổ chức hành chính

1. Tổ chức tiếp nhận thí sinh trúng tuyển vào học theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo và nhà trường, sắp xếp bố trí vào các lớp HSSV; chỉ định Ban cán sự lớp HSSV lâm thời (lớp trưởng, lớp phó) trong thời gian đầu khoá học; làm thẻ cho HSSV.

2. Tổ chức tiếp nhận HSSV vào ở nội trú.

3. Thống kê, tổng hợp dữ liệu, quản lý hồ sơ của HSSV.

4. Tổ chức phát bằng tốt nghiệp cho HSSV.

5. Giải quyết các công việc hành chính có liên quan cho HSSV.

Điều 8. Công tác tổ chức, quản lý hoạt động học tập và rèn luyện của HSSV

1. Theo dõi, đánh giá ý thức học tập, rèn luyện của HSSV; phân loại, xếp loại HSSV cuối mỗi học kỳ hoặc năm học, khoá học; tổ chức thi đua, khen thưởng cho tập thể và cá nhân HSSV đạt thành tích cao trong học tập và rèn luyện; xử lý kỷ luật đối với HSSV vi phạm quy chế, nội quy.

2. Tổ chức “Tuần sinh hoạt công dân – HSSV” vào đầu khoá, đầu năm và cuối khoá học.

3. Tổ chức cho HSSV tham gia các hoạt động nghiên cứu khoa học, thi HSSV giỏi, Olympic các môn học, thi sáng tạo tài năng trẻ và các hoạt động khuyến khích học tập khác.

4. Tổ chức triển khai công tác giáo dục tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống cho HSSV; tổ chức cho HSSV tham gia các hoạt động văn hoá, văn nghệ và các hoạt động ngoài giờ lên lớp khác; tổ chức đối thoại định kỳ giữa Hiệu trưởng nhà trường với HSSV.

5. Theo dõi công tác phát triển Đảng trong HSSV; tạo điều kiện thuận lợi cho HSSV tham gia tổ chức Đảng, các đoàn thể trong trường; phối hợp với Đoàn TNCS Hồ Chí Minh, Hội Sinh viên và các tổ chức

chính trị – xã hội khác có liên quan trong các hoạt động phong trào của HSSV, tạo điều kiện cho HSSV có môi trường rèn luyện, phấn đấu.

6. Tổ chức tư vấn học tập, nghề nghiệp, việc làm cho HSSV.

Điều 9. Công tác y tế, thể thao

1. Tổ chức thực hiện công tác y tế trường học; tổ chức khám sức khoẻ cho HSSV khi vào nhập học; chăm sóc, phòng chống dịch, bệnh và khám sức khoẻ định kỳ cho HSSV trong thời gian học tập theo quy định; xử lý những trường hợp không đủ tiêu chuẩn sức khoẻ để học tập.

2. Tạo điều kiện cơ sở vật chất cho HSSV luyện tập thể dục, thể thao; tổ chức cho HSSV tham gia các hoạt động thể dục, thể thao.

3. Tổ chức nhà ăn tập thể cho HSSV bảo đảm vệ sinh an toàn thực phẩm.

Điều 10. Thực hiện các chế độ, chính sách đối với HSSV

1. Tổ chức thực hiện các chế độ chính sách của Nhà nước quy định đối với HSSV về học bổng, học phí, trợ cấp xã hội, bảo hiểm, tín dụng đào tạo và các chế độ khác có liên quan đến HSSV.

2. Tạo điều kiện giúp đỡ HSSV tàn tật, khuyết tật, HSSV diện chính sách, HSSV có hoàn cảnh khó khăn.

Điều 11. Thực hiện công tác an ninh chính trị, trật tự, an toàn, phòng chống tội phạm và các tệ nạn xã hội

1. Phối hợp với các ngành, các cấp chính quyền địa phương trên địa bàn nơi trường đóng, khu vực có HSSV ngoại trú xây dựng kế hoạch đảm bảo an ninh chính trị, trật tự và an toàn cho HSSV; giải quyết kịp thời các vụ việc liên quan đến HSSV.

2. Tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật về an toàn giao thông, phòng chống tội phạm, ma túy, mại dâm, HIV/AIDS và các hoạt động khác có liên quan đến HSSV; hướng dẫn HSSV chấp hành pháp luật và nội quy, quy chế.

3. Tư vấn pháp lý, tâm lý, xã hội cho HSSV.

Điều 12. Thực hiện công tác quản lý HSSV nội trú, ngoại trú

Tổ chức triển khai thực hiện công tác quản lý HSSV nội trú, ngoại trú theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

Chương IV

HỆ THỐNG TỔ CHỨC, QUẢN LÝ

Điều 13. Hệ thống tổ chức, quản lý công tác HSSV

Hệ thống tổ chức, quản lý công tác HSSV của trường gồm có Hiệu trưởng, đơn vị phụ trách công tác HSSV, giáo viên chủ nhiệm và lớp HSSV.

Căn cứ Điều lệ nhà trường của từng trình độ đào tạo, Hiệu trưởng quy định hệ thống tổ chức, quản lý công tác HSSV phù hợp, bảo đảm thực hiện các nội dung công tác học sinh, sinh viên.

Điều 14. Trách nhiệm của Hiệu trưởng

1. Chịu trách nhiệm chỉ đạo, tổ chức quản lý các hoạt động của công tác HSSV.

2. Tổ chức chỉ đạo việc thực hiện các chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước, các quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo, ngành, địa phương trong công tác HSSV, bảo đảm công bằng, công khai, minh bạch và dân chủ trong công tác HSSV. Tiến hành các biện pháp thích hợp đưa công tác HSSV vào nề nếp, bảo đảm cho HSSV thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình.

3. Quản lý HSSV về các mặt học tập và rèn luyện, tình hình tư tưởng và đời sống. Hằng năm, tổ chức đối thoại với HSSV để giải thích đường lối, chủ trương của Đảng, Nhà nước, cung cấp thông tin cần thiết của trường cho HSSV; hiểu rõ tâm tư nguyện vọng và giải quyết kịp thời những thắc mắc của HSSV.

4. Bảo đảm các điều kiện để phát huy vai trò của tổ chức Đoàn TNCS Hồ Chí Minh, Hội Liên hiệp Thanh niên Việt Nam và Hội Sinh viên Việt Nam trong công tác HSSV; chú trọng công tác giáo dục tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống cho HSSV.

5. Quyết định sự tham gia của HSSV mang tính chất đại diện cho trường khi có sự huy động của địa phương, các cấp, các ngành hoặc các tổ chức khác.

Điều 15. Đơn vị phụ trách công tác HSSV

Căn cứ Điều lệ nhà trường của từng trình độ đào tạo, Hiệu trưởng quy định chức năng, nhiệm vụ của đơn vị phụ trách công tác HSSV, làm

đầu mối giúp Hiệu trưởng thực hiện nội dung công tác HSSV theo quy định tại Chương III của Quy chế này.

Điều 16. Giáo viên chủ nhiệm

Căn cứ điều kiện cụ thể của trường, Hiệu trưởng hoặc trưởng khoa, đơn vị phụ trách công tác HSSV theo sự phân cấp của Hiệu trưởng phân công giáo viên chủ nhiệm lớp HSSV hoặc trợ lý khoa, đơn vị phụ trách công tác HSSV (sau đây gọi chung là giáo viên chủ nhiệm) để hướng dẫn các hoạt động của lớp.

Điều 17. Lớp học sinh, sinh viên

1. Lớp HSSV được tổ chức bao gồm những HSSV cùng ngành, nghề, khoá học và được duy trì ổn định trong cả khoá học. Đối với HSSV học theo học chế tín chỉ, ngoài việc sắp xếp vào lớp HSSV để tổ chức, quản lý về thực hiện các nhiệm vụ học tập, rèn luyện, các hoạt động đoàn thể, các hoạt động xã hội, thi đua, khen thưởng, kỷ luật, những HSSV đăng ký cùng học một học phần được sắp xếp vào lớp học tín chỉ theo từng học kỳ.

2. Ban cán sự lớp HSSV gồm:

a) Lớp trưởng và các lớp phó do tập thể HSSV trong lớp bầu, Hiệu trưởng (hoặc trưởng khoa, đơn vị phụ trách công tác HSSV theo phân cấp của Hiệu trưởng) công nhận. Nhiệm kỳ ban cán sự lớp HSSV theo năm học;

b) Nhiệm vụ của ban cán sự lớp HSSV:

- Tổ chức thực hiện các nhiệm vụ học tập, rèn luyện, các hoạt động sinh hoạt, đời sống và các hoạt động xã hội theo kế hoạch của trường, khoa, phòng, ban;

- Đôn đốc HSSV trong lớp chấp hành nghiêm chỉnh nội quy, quy chế về học tập, rèn luyện. Xây dựng nề nếp tự quản trong lớp;

- Tổ chức, động viên giúp đỡ những HSSV gặp khó khăn trong học tập, rèn luyện. Thay mặt cho HSSV của lớp liên hệ với giáo viên chủ nhiệm và các giáo viên bộ môn; đề nghị các khoa, đơn vị phụ trách công tác HSSV và ban giám hiệu nhà trường giải quyết những vấn đề có liên quan đến quyền và nghĩa vụ của HSSV trong lớp;

- Phối hợp chặt chẽ và thường xuyên với tổ chức Đoàn TNCS Hồ Chí Minh, Hội Liên hiệp Thanh niên Việt Nam và Hội sinh viên Việt Nam trong hoạt động của lớp;

- Báo cáo đầy đủ, chính xác tình hình học tập, rèn luyện theo học kỳ, năm học và những việc đột xuất của lớp với khoa hoặc đơn vị phụ trách công tác HSSV;

c) Quyền của ban cán sự lớp HSSV:

Được ưu tiên cộng điểm rèn luyện và các chế độ khác theo quy định của trường.

3. Ban cán sự lớp học tin chỉ gồm lớp trưởng và các lớp phó do nhà trường chỉ định. Ban cán sự lớp học tin chỉ có trách nhiệm báo cáo việc chấp hành nội quy, quy chế của HSSV trong lớp với đơn vị phụ trách công tác HSSV. Ban cán sự lớp học tin chỉ được ưu tiên cộng điểm rèn luyện và các chế độ khác theo quy định của trường.

Chương V

THI ĐUA, KHEN THƯỞNG VÀ KỶ LUẬT

Điều 18. Nội dung, hình thức thi đua, khen thưởng

1. Thi đua, khen thưởng thường xuyên đối với cá nhân và tập thể lớp HSSV có thành tích cần biểu dương, khuyến khích kịp thời. Cụ thể:

a) Đạt giải trong các cuộc thi HSSV giỏi, Olympic các môn học, có công trình nghiên cứu khoa học có giá trị;

b) Đóng góp có hiệu quả trong công tác Đảng, Đoàn thanh niên, Hội sinh viên, trong hoạt động thanh niên xung kích, HSSV tình nguyện, giữ gìn an ninh trật tự, các hoạt động trong lớp, khoa, trong ký túc xá, trong hoạt động xã hội, văn hoá, văn nghệ, thể thao;

c) Có thành tích trong việc cứu người bị nạn, dũng cảm bắt kẻ gian, chống tiêu cực, tham nhũng;

d) Các thành tích đặc biệt khác.

Nội dung, mức khen thưởng thường xuyên do Hiệu trưởng quy định.

2. Thi đua, khen thưởng toàn diện định kỳ đối với cá nhân và tập thể lớp HSSV được tiến hành vào cuối mỗi một học kỳ hoặc năm học. Cụ thể:

a) Đối với cá nhân HSSV:

- Danh hiệu cá nhân gồm 3 loại: Khá, Giỏi, Xuất sắc.
- Tiêu chuẩn xếp loại danh hiệu cá nhân như sau:

+ Đạt danh hiệu HSSV Khá, nếu xếp loại học tập và rèn luyện từ Khá trở lên;

+ Đạt danh hiệu HSSV Giỏi nếu xếp loại học tập từ Giỏi trở lên và xếp loại rèn luyện từ Tốt trở lên;

+ Đạt danh hiệu HSSV Xuất sắc nếu xếp loại học tập và rèn luyện Xuất sắc.

Xếp loại học tập xác định theo quy định của Quy chế đào tạo của từng trình độ đào tạo, xếp loại rèn luyện xác định theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo về đánh giá kết quả rèn luyện.

- Danh hiệu cá nhân của HSSV được ghi vào hồ sơ HSSV.

- Không xét khen thưởng đối với HSSV bị kỷ luật hoặc có điểm thi kết thúc học phần ở lần thi thứ nhất trong học kỳ hoặc năm học đó dưới mức trung bình.

b) Đối với tập thể lớp HSSV:

- Danh hiệu tập thể lớp HSSV gồm 2 loại: Lớp HSSV Tiên tiến và Lớp HSSV Xuất sắc.

- Đạt danh hiệu Lớp HSSV Tiên tiến nếu đạt các tiêu chuẩn sau:

+ Có từ 25% HSSV đạt danh hiệu HSSV Khá trở lên;

+ Có cá nhân đạt danh hiệu HSSV Giỏi trở lên;

+ Không có cá nhân xếp loại học tập kém hoặc rèn luyện kém, bị kỷ luật từ mức cảnh cáo trở lên;

+ Tập thể đoàn kết, giúp đỡ lẫn nhau trong học tập, rèn luyện, tổ chức nhiều hoạt động thi đua và tích cực hưởng ứng phong trào thi đua trong nhà trường.

- Đạt danh hiệu Lớp HSSV Xuất sắc nếu đạt các tiêu chuẩn của danh hiệu lớp HSSV Tiên tiến và có từ 10% HSSV đạt danh hiệu HSSV Giỏi trở lên, có cá nhân đạt danh hiệu HSSV Xuất sắc.

Điều 19. Trình tự, thủ tục xét khen thưởng

1. Vào đầu năm học, nhà trường tổ chức cho HSSV, các lớp HSSV đăng ký danh hiệu thi đua cá nhân và tập thể lớp HSSV.

2. Thủ tục xét khen thưởng:

a) Căn cứ vào thành tích đạt được trong học tập và rèn luyện của HSSV, các lớp HSSV tiến hành lập danh sách kèm theo bản thành tích cá nhân và tập thể lớp, có xác nhận của giáo viên chủ nhiệm, đề nghị lên khoa hoặc đơn vị phụ trách công tác HSSV xem xét;

b) Khoa hoặc đơn vị phụ trách công tác HSSV tổ chức họp, xét và đề nghị lên Hội đồng thi đua, khen thưởng và kỷ luật của trường xét duyệt;

c) Căn cứ vào đề nghị của khoa hoặc đơn vị phụ trách công tác HSSV, Hội đồng thi đua, khen thưởng và kỷ luật của trường tổ chức xét và đề nghị Hiệu trưởng công nhận danh hiệu đối với cá nhân và tập thể lớp HSSV.

Điều 20. Hình thức kỷ luật và nội dung vi phạm

1. Những HSSV có hành vi vi phạm thì tùy tính chất, mức độ, hậu quả của hành vi vi phạm, phải chịu một trong các hình thức kỷ luật sau:

a) Khiển trách: áp dụng đối với HSSV có hành vi vi phạm lần đầu nhưng ở mức độ nhẹ;

b) Cảnh cáo: áp dụng đối với HSSV đã bị khiển trách mà tái phạm hoặc vi phạm ở mức độ nhẹ nhưng hành vi vi phạm có tính chất thường xuyên hoặc mới vi phạm lần đầu nhưng mức độ tương đối nghiêm trọng;

c) Đình chỉ học tập 1 năm học: áp dụng đối với những HSSV đang trong thời gian bị cảnh cáo mà vẫn vi phạm kỷ luật hoặc vi phạm nghiêm trọng các hành vi HSSV không được làm;

d) Buộc thôi học: áp dụng đối với HSSV đang trong thời gian bị đình chỉ học tập mà vẫn tiếp tục vi phạm kỷ luật hoặc vi phạm lần đầu nhưng có tính chất và mức độ vi phạm nghiêm trọng, gây ảnh hưởng xấu đến nhà trường và xã hội; vi phạm pháp luật bị xử phạt tù (kể cả trường hợp bị xử phạt tù được hưởng án treo).

2. Hình thức kỷ luật của HSSV phải được ghi vào hồ sơ HSSV. Trường hợp HSSV bị kỷ luật mức đình chỉ học tập 1 năm học và buộc thôi học, nhà trường cần gửi thông báo cho địa phương và gia đình HSSV biết để quản lý, giáo dục.

3. Nội dung vi phạm và khung xử lý kỷ luật thực hiện theo quy định Phụ lục kèm theo Quy chế này.

Điều 21. Trình tự, thủ tục và hồ sơ xét kỷ luật

1. Thủ tục xét kỷ luật:

a) HSSV có hành vi vi phạm phải làm bản tự kiểm điểm và tự nhận hình thức kỷ luật;

b) Giáo viên chủ nhiệm chủ trì họp với tập thể lớp HSSV, phân tích và đề nghị hình thức kỷ luật gửi lên khoa hoặc đơn vị phụ trách công tác HSSV;

c) Khoa hoặc đơn vị phụ trách công tác HSSV xem xét, đề nghị lên Hội đồng thi đua, khen thưởng và kỷ luật của nhà trường;

d) Hội đồng thi đua, khen thưởng và kỷ luật nhà trường tổ chức họp để xét kỷ luật, thành phần bao gồm: các thành viên của Hội đồng, đại diện tập thể lớp HSSV có HSSV vi phạm và HSSV có hành vi vi phạm. HSSV vi phạm kỷ luật đã được mời mà không đến dự (nếu không có lý do chính đáng) thì Hội đồng vẫn tiến hành họp và xét thêm khuyết điểm thiếu ý thức tổ chức kỷ luật.

Hội đồng kiến nghị áp dụng hình thức kỷ luật, đề nghị Hiệu trưởng ra quyết định kỷ luật bằng văn bản.

2. Hồ sơ xử lý kỷ luật của HSSV:

a) Bản tự kiểm điểm (trong trường hợp HSSV có khuyết điểm không chấp hành việc làm bản tự kiểm điểm thì Hội đồng vẫn họp để xử lý trên cơ sở các chứng cứ thu thập được);

b) Biên bản của tập thể lớp họp kiểm điểm HSSV có hành vi vi phạm;

c) Ý kiến của khoa hoặc đơn vị phụ trách công tác HSSV;

d) Các tài liệu có liên quan.

Trong trường hợp có đủ chứng cứ HSSV vi phạm pháp luật, nội quy, quy chế, đơn vị phụ trách công tác HSSV sau khi trao đổi với Trường khoa, đại diện tổ chức Đoàn TNCS Hồ Chí Minh, Hội Liên hiệp Thanh niên Việt Nam và Hội sinh viên Việt Nam (nếu có) lập hồ sơ trình Hiệu trưởng quyết định hình thức xử lý.

Điều 22. Chấm dứt hiệu lực của quyết định kỷ luật

1. Đối với trường hợp bị khiển trách: sau 3 tháng kể từ ngày có quyết định kỷ luật, nếu HSSV không tái phạm hoặc không có những vi phạm đến mức phải xử lý kỷ luật thì đương nhiên được chấm dứt hiệu lực của quyết định kỷ luật và được hưởng quyền lợi của HSSV kể từ ngày chấm dứt hiệu lực của quyết định kỷ luật.

2. Đối với trường hợp bị cảnh cáo: sau 6 tháng kể từ ngày có quyết định kỷ luật, nếu HSSV không tái phạm hoặc không có những vi phạm đến mức phải xử lý kỷ luật thì đương nhiên được chấm dứt hiệu lực của quyết định kỷ luật và được hưởng quyền lợi của HSSV kể từ ngày chấm dứt hiệu lực của quyết định kỷ luật.

3. Đối với trường hợp đình chỉ học tập cho về địa phương: khi hết thời hạn đình chỉ, HSSV phải xuất trình chứng nhận của địa phương xã, phường, thị trấn nơi cư trú về việc chấp hành tốt nghĩa vụ công dân tại địa phương để nhà trường xem xét, tiếp nhận vào học tiếp.

4. Cấp có thẩm quyền quyết định kỷ luật phải có điều khoản ghi rõ thời gian HSSV bị thi hành kỷ luật, tính từ khi ban hành quyết định kỷ luật đến thời điểm hết thời hạn bị kỷ luật theo quy định.

Điều 23. Cơ cấu tổ chức và nhiệm vụ của Hội đồng thi đua, khen thưởng và kỷ luật HSSV

1. Cơ cấu tổ chức Hội đồng thi đua, khen thưởng và kỷ luật HSSV: Hiệu trưởng ra quyết định thành lập Hội đồng thi đua, khen thưởng và kỷ luật HSSV để theo dõi công tác thi đua, khen thưởng và kỷ luật đối với HSSV trong trường.

a) Chủ tịch Hội đồng: là Hiệu trưởng hoặc phó Hiệu trưởng nhà trường do Hiệu trưởng uỷ quyền;

b) Thường trực Hội đồng: là trưởng đơn vị phụ trách công tác HSSV;

c) Các uỷ viên: là đại diện các khoa, phòng, ban có liên quan; Đoàn TNCS Hồ Chí Minh, Hội Liên hiệp thanh niên Việt Nam, Hội sinh viên Việt Nam cấp trường (nếu có).

Hội đồng có thể mời đại diện lớp HSSV (lớp trưởng hoặc bí thư chi đoàn) và giáo viên chủ nhiệm lớp của những lớp có HSSV được khen thưởng hoặc kỷ luật. Các thành phần này được tham gia phát biểu ý kiến, đề xuất mức khen thưởng hoặc kỷ luật nhưng không được quyền biểu quyết.

2. Nhiệm vụ của Hội đồng thi đua, khen thưởng và kỷ luật:

a) Hội đồng thi đua, khen thưởng và kỷ luật là cơ quan tư vấn giúp Hiệu trưởng triển khai công tác thi đua, khen thưởng, kỷ luật đối với HSSV và chịu sự chỉ đạo trực tiếp của Hiệu trưởng;

b) Căn cứ các quy định hiện hành, trên cơ sở đề nghị của khoa, đơn vị phụ trách công tác HSSV, Hội đồng thi đua, khen thưởng và kỷ luật tiến hành xét danh sách cá nhân và đơn vị HSSV có thành tích, đề nghị Hiệu trưởng khen thưởng hoặc đề nghị lên cấp trên khen thưởng; xét và đề nghị Hiệu trưởng ra quyết định đối với những trường hợp vi phạm kỷ luật;

c) Hội đồng thi đua, khen thưởng và kỷ luật HSSV mỗi học kỳ họp một lần. Khi cần thiết, Hội đồng thi đua, khen thưởng và kỷ luật có thể họp các phiên bất thường.

Điều 24. Quyền khiếu nại về thi đua, khen thưởng

Cá nhân và tập thể HSSV nếu xét thấy các hình thức khen thưởng và kỷ luật không thoả đáng có quyền khiếu nại lên các phòng, ban chức năng hoặc Hiệu trưởng; nếu cấp trường đã xem xét lại mà chưa thoả đáng có thể khiếu nại lên cấp có thẩm quyền theo quy định của pháp luật về khiếu nại, tố cáo.

Chương VI TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 25. Công tác phối hợp

Các trường chủ động phối hợp chặt chẽ với các tổ chức đoàn thể, gia đình HSSV, các cơ quan có liên quan trên địa bàn để tổ chức thực hiện tốt công tác HSSV.

Điều 26. Chế độ báo cáo

1. Kết thúc năm học, các trường tổ chức tổng kết, đánh giá công tác HSSV, báo cáo Bộ Giáo dục và Đào tạo.

2. Các trường kịp thời báo cáo Bộ Giáo dục và Đào tạo và các cơ quan quản lý trực tiếp có liên quan những vụ việc xảy ra có liên quan đến HSSV.

Điều 27. Công tác thanh tra, kiểm tra, khen thưởng, kỷ luật

1. Bộ Giáo dục và Đào tạo, các sở giáo dục và đào tạo và các trường theo thẩm quyền tổ chức thanh tra, kiểm tra việc thực hiện công tác HSSV.

2. Các trường, đơn vị, cá nhân có thành tích trong công tác HSSV được xét khen thưởng theo quy định.

3. Các cá nhân vi phạm quy định về công tác HSSV tùy theo mức độ sẽ bị xử lý theo quy định.

BỘ TRƯỞNG
(đã ký)
Nguyễn Thiện Nhân

PHỤ LỤC
MỘT SỐ NỘI DUNG VI PHẠM VÀ
KHUNG XỬ LÝ KỶ LUẬT

(Kèm theo Quyết định số 42/2007/QĐ-BGDĐT ngày 13/8/2007
của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo)

TT	Tên vụ việc vi phạm	Số lần vi phạm và hình thức xử lý (Số lần tính trong cả khoá học)				Ghi chú
		Khiển trách	Cảnh cáo	Đình chỉ học tập 1 năm học	Buộc thôi học	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
1.	Đến muộn giờ học, giờ thực tập; nghỉ học không phép hoặc quá phép					Nhà trường quy định cụ thể
2.	Mất trật tự, làm việc riêng trong giờ học, giờ thực tập và tự học					Nhà trường quy định cụ thể
3.	Vô lễ với thầy, cô giáo và CBCC nhà trường					Tuỳ theo mức độ, xử lý từ khiển trách đến buộc thôi học
4.	Học hộ hoặc nhờ người khác học hộ					Tuỳ theo mức độ, xử lý từ khiển trách đến buộc thôi học

(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
5.	Thi, kiểm tra hộ, hoặc nhờ thi, kiểm tra hộ; làm hộ, nhờ làm hoặc sao chép tiểu luận, đồ án, khoá luận tốt nghiệp			Lần 1	Lần 2	
6.	Tổ chức học, thi, kiểm tra hộ; tổ chức làm hộ tiểu luận, đồ án, khoá luận tốt nghiệp				Lần 1	Tuỳ theo mức độ có thể giao cho cơ quan chức năng xử lý theo quy định của pháp luật
7.	Mang tài liệu vào phòng thi, đưa đề thi ra ngoài nhờ làm hộ, ném tài liệu vào phòng thi, vẽ bậy vào bài thi; bỏ thi không có lý do chính đáng					Xử lý theo quy chế đào tạo
8.	Không đóng học phí đúng quy định và quá thời hạn được trường cho phép hoãn					Tuỳ theo mức độ, xử lý từ khiển trách đến buộc thôi học
9.	Làm hư hỏng tài sản trong KTX và các tài sản khác của trường					Tuỳ theo mức độ xử lý từ khiển trách đến buộc thôi học và phải bồi thường thiệt hại

(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
10.	Uống rượu, bia trong giờ học; say rượu, bia khi đến lớp.	Lần 1	Lần 2	Lần 3	Lần 4	
11.	Hút thuốc lá trong giờ học, phòng họp, phòng thí nghiệm và nơi cấm hút thuốc theo quy định					Từ lần 3 trở lên, xử lý từ khiển trách đến cảnh cáo
12.	Chơi cờ bạc dưới mọi hình thức	Lần 1	Lần 2	Lần 3	Lần 4	Tuỳ theo mức độ có thể giao cho cơ quan chức năng xử lý theo quy định của pháp luật
13.	Tàng trữ, lưu hành, truy cập, sử dụng sản phẩm văn hoá đồi trụy hoặc tham gia các hoạt động mê tín dị đoan, hoạt động tôn giáo trái phép	Lần 1	Lần 2	Lần 3	Lần 4	Nếu nghiêm trọng giao cho cơ quan chức năng xử lý theo quy định của pháp luật
14.	Buôn bán, vận chuyển, tàng trữ, lôi kéo người khác sử dụng ma tuý				Lần 1	Giao cho cơ quan chức năng xử lý theo quy định của pháp luật
15.	Sử dụng ma tuý					Xử lý theo quy định về xử lý HSSV sử dụng ma tuý

(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
16.	Chứa chấp, môi giới hoạt động mại dâm				Lần 1	Giao cho cơ quan chức năng xử lý theo quy định của pháp luật
17.	Hoạt động mại dâm			Lần 1	Lần 2	
18.	Lấy cắp tài sản, chứa chấp, tiêu thụ tài sản do lấy cắp mà có					Tuỳ theo mức độ xử lý từ cảnh cáo đến buộc thôi học. Nếu nghiêm trọng, giao cho cơ quan chức năng xử lý theo quy định của pháp luật
19.	Chứa chấp buôn bán vũ khí, chất nổ, chất dễ cháy và các hàng cấm theo quy định của Nhà nước.				Lần 1	Giao cho cơ quan chức năng xử lý theo quy định của pháp luật
20.	Đưa phần tử xấu vào trong trường, KTX gây ảnh hưởng xấu đến an ninh, trật tự trong nhà trường.					Tuỳ theo mức độ xử lý từ cảnh cáo đến buộc thôi học
21.	Đánh nhau gây thương tích, tổ chức hoặc tham gia tổ chức đánh nhau			Lần 1	Lần 2	Nếu nghiêm trọng, giao cho cơ quan chức năng xử lý theo quy định của pháp luật

(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
22.	Kích động, lôi kéo người khác biểu tình, viết truyền đơn, áp phích trái pháp luật			Lần 1	Lần 2	Nếu nghiêm trọng, giao cho cơ quan chức năng xử lý theo quy định của pháp luật
23.	Vi phạm các quy định về an toàn giao thông					Tuỳ theo mức độ, xử lý từ khiển trách đến buộc thôi học

Chương trình tín dụng học sinh – sinh viên được ban hành theo Quyết định số 157/2007/QĐ-TTg NGÀY 27/9/2007 của Thủ tướng Chính phủ là một chủ trương lớn của Đảng và Nhà nước nhằm mục tiêu không để sinh viên trúng tuyển không thể theo học vì hoàn cảnh khó khăn.

Sau một năm thực hiện, kể từ khi Quyết định được ban hành đã có 754.000 sinh viên được vay với tổng số tiền cho vay đạt 5.292 tỉ đồng. Dự kiến, năm tới, mức cho vay được nâng lên 1 – 1,2 triệu đồng/tháng.

(báo Người lao động online, 16/8/2008)

QUY CHẾ ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ RÈN LUYỆN CỦA HỌC SINH, SINH VIÊN CÁC CƠ SỞ GIÁO DỤC ĐẠI HỌC VÀ TRƯỜNG TRUNG CẤP CHUYÊN NGHIỆP HỆ CHÍNH QUY

(Ban hành kèm theo Quyết định số 60/2007/QĐ-BGDĐT
ngày 16/10/2007 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo)

Chương I QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Văn bản này quy định việc đánh giá kết quả rèn luyện của học sinh, sinh viên các cơ sở giáo dục đại học và trường trung cấp chuyên nghiệp hệ chính quy (sau đây gọi chung là Quy chế rèn luyện) bao gồm: Đánh giá kết quả rèn luyện và khung điểm; phân loại kết quả và quy trình đánh giá kết quả rèn luyện; tổ chức đánh giá và sử dụng kết quả đánh giá.

2. Quy chế này áp dụng đối với học sinh, sinh viên các cơ sở giáo dục đại học và trường trung cấp chuyên nghiệp hệ chính quy bao gồm: các đại học, học viện, các trường đại học, cao đẳng và các trường trung cấp chuyên nghiệp hệ chính quy (sau đây gọi chung là các trường).

Điều 2. Mục đích

Việc đánh giá kết quả rèn luyện của học sinh, sinh viên các trường nhằm:

1. Góp phần thực hiện mục tiêu giáo dục là đào tạo con người Việt Nam phát triển toàn diện, có đạo đức, tri thức, sức khỏe, thẩm mỹ và nghề nghiệp, trung thành với lý tưởng độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội.

2. Đưa ra được những định hướng, nội dung rèn luyện cụ thể, phù hợp với từng trường, tạo điều kiện cho học sinh, sinh viên có môi trường rèn luyện.

Điều 3. Yêu cầu

1. Việc đánh giá kết quả rèn luyện của học sinh, sinh viên là việc làm thường xuyên ở các trường.

2. Quá trình đánh giá phải đảm bảo chính xác, công bằng, công khai và dân chủ.

Điều 4. Nội dung đánh giá và thang điểm

1. Xem xét, đánh giá kết quả rèn luyện của học sinh, sinh viên là đánh giá phẩm chất chính trị, đạo đức, lối sống của từng học sinh, sinh viên theo các mức điểm đạt được trên các mặt:

- a) Ý thức học tập;
- b) Ý thức và kết quả chấp hành nội quy, quy chế trong nhà trường;
- c) Ý thức và kết quả tham gia các hoạt động chính trị – xã hội, văn hoá, văn nghệ, thể thao, phòng chống các tệ nạn xã hội;
- d) Phẩm chất công dân và quan hệ với cộng đồng;
- e) Ý thức, kết quả tham gia phụ trách lớp, các đoàn thể, tổ chức khác trong nhà trường hoặc các thành tích đặc biệt trong học tập, rèn luyện của học sinh, sinh viên.

2. Điểm rèn luyện được đánh giá bằng thang điểm 100. Hiệu trưởng các trường căn cứ vào đặc điểm, điều kiện cụ thể của từng trường quy định các tiêu chí và mức điểm chi tiết phù hợp với các nội dung đánh giá và không vượt quá khung điểm quy định của Quy chế này.

Chương II

ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ RÈN LUYỆN VÀ KHUNG ĐIỂM

Điều 5. Đánh giá về ý thức học tập

1. Căn cứ để xác định điểm là tinh thần vượt khó, phấn đấu vươn lên trong học tập, tích cực tham gia nghiên cứu khoa học, tham gia dự thi học sinh, sinh viên giỏi ở các cấp.

2. Khung điểm đánh giá từ 0 đến 30 điểm.

Điều 6. Đánh giá về ý thức và kết quả chấp hành nội quy, quy chế trong nhà trường

1. Căn cứ để xác định điểm là ý thức và kết quả việc chấp hành các nội quy, quy chế và các quy định khác được áp dụng trong trường.

2. Khung điểm đánh giá từ 0 đến 25 điểm.

Điều 7. Đánh giá về ý thức và kết quả tham gia các hoạt động chính trị – xã hội, văn hoá, văn nghệ, thể thao, phòng chống các tệ nạn xã hội

1. Căn cứ để xác định điểm là kết quả tham gia các hoạt động rèn luyện về chính trị – xã hội, văn hoá, văn nghệ, thể thao và phòng chống các tệ nạn xã hội.

2. Khung điểm đánh giá từ 0 đến 20 điểm.

Điều 8. Đánh giá về phẩm chất công dân và quan hệ với cộng đồng

1. Căn cứ để xác định điểm là kết quả chấp hành các chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, thành tích trong công tác xã hội và giữ gìn an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội; mối quan hệ cộng đồng, tinh thần giúp đỡ bạn bè, cứu trợ người gặp khó khăn.

2. Khung điểm đánh giá từ 0 đến 15 điểm.

Điều 9. Đánh giá về ý thức và kết quả tham gia công tác phụ trách lớp, các đoàn thể, tổ chức trong nhà trường hoặc đạt được thành tích đặc biệt trong học tập, rèn luyện của học sinh, sinh viên

1. Căn cứ để xác định điểm là ý thức, mức độ hoàn thành nhiệm vụ đối với học sinh, sinh viên được phân công quản lý lớp, các tổ chức Đảng, Đoàn thanh niên, Hội sinh viên và các tổ chức khác trong nhà trường; và những học sinh, sinh viên khác có thành tích đặc biệt trong học tập, rèn luyện.

2. Khung điểm đánh giá từ 0 đến 10 điểm.

Chương III

PHÂN LOẠI KẾT QUẢ VÀ QUY TRÌNH ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ RÈN LUYỆN

Điều 10. Phân loại kết quả rèn luyện

1. Kết quả rèn luyện được phân thành các loại: xuất sắc, tốt, khá, trung bình khá, trung bình, yếu và kém.

- a) Từ 90 đến 100 điểm: loại xuất sắc;
- b) Từ 80 đến dưới 90 điểm: loại tốt;
- c) Từ 70 đến dưới 80 điểm: loại khá;
- d) Từ 60 đến dưới 70 điểm: loại trung bình khá;
- đ) Từ 50 đến dưới 60 điểm: loại trung bình;
- e) Từ 30 đến dưới 50 điểm: loại yếu;
- g) Dưới 30 điểm: loại kém.

2. Những học sinh, sinh viên bị kỷ luật từ mức cảnh cáo trở lên khi phân loại kết quả rèn luyện không được vượt quá loại trung bình.

Điều 11. Quy trình đánh giá kết quả rèn luyện

1. Từng học sinh, sinh viên căn cứ vào kết quả rèn luyện, tự đánh giá theo mức điểm chi tiết do trường quy định.

2. Tổ chức họp lớp có giáo viên chủ nhiệm tham gia, tiến hành xem xét và thông qua mức điểm của từng học sinh, sinh viên trên cơ sở phải được quá nửa ý kiến đồng ý của tập thể đơn vị lớp và phải có biên bản kèm theo.

3. Kết quả điểm rèn luyện của từng học sinh, sinh viên được Trường khoa xem xét, xác nhận, trình Hiệu trưởng.

Đối với trường có số lượng học sinh, sinh viên lớn thì thành lập Hội đồng đánh giá kết quả rèn luyện của học sinh, sinh viên cấp khoa để giúp Trường khoa xem xét trước khi trình Hiệu trưởng.

4. Hiệu trưởng xem xét và công nhận sau khi đã thông qua Hội đồng đánh giá kết quả rèn luyện của học sinh, sinh viên cấp trường.

5. Kết quả đánh giá, phân loại rèn luyện của học sinh, sinh viên phải được công bố công khai và thông báo cho học sinh, sinh viên biết.

Chương IV TỔ CHỨC ĐÁNH GIÁ VÀ SỬ DỤNG KẾT QUẢ ĐÁNH GIÁ

Điều 12. Hội đồng đánh giá kết quả rèn luyện

1. Hội đồng đánh giá kết quả rèn luyện của học sinh, sinh viên cấp trường là cơ quan tư vấn giúp Hiệu trưởng xem xét, công nhận kết quả rèn luyện của từng học sinh, sinh viên và chịu sự chỉ đạo trực tiếp của Hiệu trưởng.

a) Thành phần Hội đồng cấp trường gồm:

- Chủ tịch Hội đồng: Hiệu trưởng hoặc Phó Hiệu trưởng được Hiệu trưởng uỷ quyền.

- Thường trực Hội đồng: Trường phòng Công tác chính trị – học sinh, sinh viên hoặc bộ phận làm công tác chính trị - học sinh, sinh viên do Hiệu trưởng quyết định.

- Các uỷ viên: Đại diện Lãnh đạo các khoa, phòng (ban) có liên quan, đại diện Đoàn thanh niên và Hội sinh viên cấp trường (nếu có).

b) Nhiệm vụ của Hội đồng đánh giá kết quả rèn luyện của học sinh, sinh viên cấp trường: căn cứ vào các quy định hiện hành, trên cơ sở đề nghị của các Trường khoa, tiến hành xem xét, đánh giá kết quả rèn luyện của từng học sinh, sinh viên, đề nghị hiệu trưởng công nhận.

2. Hội đồng đánh giá kết quả rèn luyện của học sinh, sinh viên cấp khoa (nếu có) có nhiệm vụ giúp Trường khoa xem xét, đánh giá kết quả rèn luyện của từng học sinh, sinh viên.

a) Thành phần Hội đồng cấp khoa gồm:

- Chủ tịch Hội đồng: Trường khoa hoặc Phó trưởng khoa được Trường khoa uỷ quyền.

- Các uỷ viên: Trợ lý theo dõi công tác học sinh, sinh viên, giáo viên chủ nhiệm, đại diện Liên chi đoàn thanh niên, Chi hội hoặc Liên chi Hội sinh viên (nếu có).

b) Nhiệm vụ của Hội đồng đánh giá kết quả rèn luyện của học sinh, sinh viên cấp khoa:

Căn cứ đề nghị của tập thể đơn vị lớp học sinh, sinh viên giúp Trường khoa đánh giá chính xác, công bằng, công khai và dân chủ kết quả rèn luyện của từng học sinh, sinh viên trong khoa.

Điều 13. Thời gian đánh giá kết quả rèn luyện

1. Việc đánh giá kết quả rèn luyện của từng học sinh, sinh viên được tiến hành theo từng học kỳ, năm học và toàn khoá học.

2. Điểm rèn luyện của học kỳ là tổng điểm đạt được của 5 nội dung đánh giá chi tiết của trường.

3. Điểm rèn luyện của năm học là trung bình cộng của điểm rèn luyện các học kỳ của năm học đó.

Học sinh, sinh viên nghỉ học tạm thời, khi nhà trường xem xét cho học tiếp thì thời gian nghỉ học không tính điểm rèn luyện.

4. Điểm rèn luyện toàn khoá là trung bình chung của điểm rèn luyện các năm học của khoá học đã được nhân hệ số và được tính theo công thức sau:

$$R = \frac{\sum_{i=1}^N r_i \cdot n_i}{\sum_{i=1}^N n_i}$$

Trong đó :

- a) R là điểm rèn luyện toàn khoá ;
- b) r_i là điểm rèn luyện của năm học thứ I;
- c) n_i là hệ số của năm học thứ I, do Hiệu trưởng quy định theo hướng năm học sau dùng hệ số cao hơn hoặc bằng năm học liền kề trước đó;
- d) N là tổng số năm học của khoá học. Nếu năm học cuối chưa đủ một năm học được tính tròn thành một năm học.

Điều 14. Sử dụng kết quả rèn luyện

1. Kết quả phân loại rèn luyện toàn khoá học của từng học sinh, sinh viên được lưu trong hồ sơ quản lý học sinh, sinh viên của trường và ghi vào bảng điểm kết quả học tập và rèn luyện của từng học sinh, sinh viên khi ra trường.

2. Học sinh, sinh viên có kết quả rèn luyện xuất sắc được nhà trường xem xét biểu dương, khen thưởng.

3. Học sinh, sinh viên bị xếp loại rèn luyện kém trong cả năm học thì phải tạm ngừng học một năm học ở năm học tiếp theo và nếu bị xếp loại rèn luyện kém cả năm lần thứ hai thì sẽ bị buộc thôi học.

Điều 15. Quyền khiếu nại

Học sinh, sinh viên có quyền khiếu nại lên các phòng, ban chức năng hoặc Hiệu trưởng nếu thấy việc đánh giá kết quả rèn luyện chưa chính xác. Khi nhận được đơn khiếu nại, nhà trường có trách nhiệm giải quyết, trả lời theo quy định hiện hành.

KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG
 (đã ký)
Phạm Vũ Luận

QUYẾT ĐỊNH CỦA THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ **SỐ 157/2007/QĐ-TTg NGÀY 27/9/2007** **VỀ TÍN DỤNG ĐỐI VỚI HỌC SINH, SINH VIÊN**

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 25 tháng 12 năm 2001;

Căn cứ Nghị định số 78/2002/NĐ-CP ngày 04 tháng 10 năm 2002 của Chính phủ về tín dụng đối với người nghèo và các đối tượng chính sách khác;

Xét đề nghị của Bộ trưởng Bộ Tài chính,

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1. Phạm vi áp dụng:

Chính sách tín dụng đối với học sinh, sinh viên được áp dụng để hỗ trợ cho học sinh, sinh viên có hoàn cảnh khó khăn góp phần trang trải chi phí cho việc học tập, sinh hoạt của học sinh, sinh viên trong thời gian theo học tại trường bao gồm: tiền học phí; chi phí mua sắm sách vở, phương tiện học tập, chi phí ăn, ở, đi lại.

Điều 2. Đối tượng được vay vốn:

Học sinh, sinh viên có hoàn cảnh khó khăn theo học tại các trường đại học (hoặc tương đương đại học), cao đẳng, trung cấp chuyên nghiệp và tại các cơ sở đào tạo nghề được thành lập và hoạt động theo quy định của pháp luật Việt Nam, gồm:

1. Học sinh, sinh viên mồ côi cả cha lẫn mẹ hoặc chỉ mồ côi cha hoặc mẹ nhưng người còn lại không có khả năng lao động.
2. Học sinh, sinh viên là thành viên của hộ gia đình thuộc một trong các đối tượng:
 - Hộ nghèo theo tiêu chuẩn quy định của pháp luật.
 - Hộ gia đình có mức thu nhập bình quân đầu người tối đa bằng 150% mức thu nhập bình quân đầu người của hộ gia đình nghèo theo quy định của pháp luật.

3. Học sinh, sinh viên mà gia đình gặp khó khăn về tài chính do tai nạn, bệnh tật, thiên tai, hoả hoạn, dịch bệnh trong thời gian theo học có xác nhận của Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn nơi cư trú.

Điều 3. Phương thức cho vay:

1. Việc cho vay đối với học sinh, sinh viên được thực hiện theo phương thức cho vay thông qua hộ gia đình. Đại diện hộ gia đình là người trực tiếp vay vốn và có trách nhiệm trả nợ Ngân hàng Chính sách xã hội. Trường hợp học sinh, sinh viên mồ côi cả cha lẫn mẹ hoặc chỉ mồ côi cha hoặc mẹ nhưng người còn lại không có khả năng lao động, được trực tiếp vay vốn tại Ngân hàng Chính sách xã hội nơi nhà trường đóng trụ sở.

2. Giao Ngân hàng Chính sách xã hội thực hiện cho vay đối với học sinh, sinh viên.

Điều 4. Điều kiện vay vốn:

1. Học sinh, sinh viên đang sinh sống trong hộ gia đình cư trú hợp pháp tại địa phương nơi cho vay có đủ các tiêu chuẩn quy định tại Điều 2 Quyết định này.

2. Đối với học sinh, sinh viên năm thứ nhất phải có giấy báo trúng tuyển hoặc giấy xác nhận được vào học của nhà trường.

3. Đối với học sinh, sinh viên từ năm thứ hai trở đi phải có xác nhận của nhà trường về việc đang theo học tại trường và không bị xử phạt hành chính trở lên về các hành vi: cờ bạc, nghiện hút, trộm cắp, buôn lậu.

Điều 5. Mức vốn cho vay:

1. Mức vốn cho vay tối đa là 800.000 đồng/tháng/học sinh, sinh viên.

2. Ngân hàng Chính sách xã hội quy định mức cho vay cụ thể đối với học sinh, sinh viên căn cứ vào mức thu học phí của từng trường và sinh hoạt phí theo vùng nhưng không vượt quá mức cho vay quy định tại khoản 1 Điều này.

3. Khi chính sách học phí của Nhà nước có thay đổi và giá cả sinh hoạt có biến động, Ngân hàng Chính sách xã hội thống nhất với Bộ trưởng Bộ Tài chính trình Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định điều chỉnh mức vốn cho vay.

Điều 6. Thời hạn cho vay:

1. Thời hạn cho vay là khoảng thời gian được tính từ ngày đối tượng được vay vốn bắt đầu nhận vốn vay cho đến ngày trả hết nợ (gốc và lãi)

được ghi trong hợp đồng tín dụng. Thời hạn cho vay bao gồm thời hạn phát tiền vay và thời hạn trả nợ.

2. Thời hạn phát tiền vay là khoảng thời gian tính từ ngày đối tượng được vay vốn nhận món vay đầu tiên cho đến ngày học sinh, sinh viên kết thúc khoá học, kể cả thời gian học sinh, sinh viên được các trường cho phép nghỉ học có thời hạn và được bảo lưu kết quả học tập (nếu có). Thời hạn phát tiền vay được chia thành các kỳ hạn phát tiền vay do Ngân hàng Chính sách xã hội quy định hoặc thoả thuận với đối tượng được vay vốn.

3. Thời hạn trả nợ là khoảng thời gian tính từ ngày đối tượng được vay vốn trả món nợ đầu tiên đến ngày trả hết nợ (gốc và lãi). Đối với các chương trình đào tạo có thời gian đào tạo không quá một năm, thời hạn trả nợ tối đa bằng 2 lần thời hạn phát tiền vay, đối với các chương trình đào tạo khác, thời hạn trả nợ tối đa bằng thời hạn phát tiền vay. Thời hạn trả nợ được chia thành các kỳ hạn trả nợ do Ngân hàng Chính sách xã hội quy định.

Điều 7. Lãi suất cho vay:

1. Lãi suất cho vay ưu đãi đối với học sinh, sinh viên là 0,5%/tháng.

2. Lãi suất nợ quá hạn được tính bằng 130% lãi suất khi cho vay.

Điều 8. Hồ sơ vay vốn, trình tự và thủ tục cho vay, trả nợ:

Ngân hàng Chính sách xã hội quy định hồ sơ vay vốn, trình tự và thủ tục cho vay, trả nợ bảo đảm đơn giản, rõ ràng, dễ thực hiện.

Điều 9. Trả nợ gốc và lãi tiền vay:

1. Trong thời hạn phát tiền vay đối tượng được vay vốn chưa phải trả nợ gốc và lãi; lãi tiền vay được tính kể từ ngày đối tượng được vay vốn nhận món vay đầu tiên đến ngày trả hết nợ gốc.

2. Đối tượng được vay vốn phải trả nợ gốc và lãi tiền vay lần đầu tiên ngay sau khi học sinh, sinh viên có việc làm, có thu nhập nhưng không quá 12 tháng kể từ ngày học sinh, sinh viên kết thúc khoá học.

3. Mức trả nợ mỗi lần do Ngân hàng Chính sách xã hội hướng dẫn và được thống nhất trong hợp đồng tín dụng.

Điều 10. Ưu đãi lãi suất trong trường hợp trả nợ trước hạn:

Trường hợp đối tượng vay vốn trả nợ trước hạn đã cam kết trong hợp đồng tín dụng lãi suất phải trả sẽ được giảm lãi vay. Ngân hàng Chính sách xã hội quy định cụ thể mức ưu đãi lãi suất trong trường hợp trả nợ trước hạn.

Điều 11. Điều chỉnh kỳ hạn trả nợ, gia hạn trả nợ và chuyển nợ quá hạn:

1. Đến kỳ trả nợ cuối cùng, người vay có khó khăn chưa trả được nợ, phải có văn bản đề nghị gia hạn nợ thì được Ngân hàng Chính sách xã hội xem xét cho gia hạn nợ cho đối tượng vay vốn; thời gian gia hạn nợ tối đa bằng 1/2 thời hạn trả nợ.

2. Trường hợp đối tượng được vay vốn không trả nợ đúng hạn theo kỳ hạn trả nợ cuối cùng và không được phép gia hạn nợ, Ngân hàng Chính sách xã hội chuyển thành nợ quá hạn. Ngân hàng Chính sách xã hội phối hợp với chính quyền địa phương, các tổ chức chính trị - xã hội có biện pháp thu hồi nợ.

3. Ngân hàng Chính sách xã hội quy định cụ thể việc điều chỉnh kỳ hạn trả nợ, gia hạn trả nợ và chuyển nợ quá hạn.

Điều 12. Xử lý rủi ro do nguyên nhân khách quan:

Việc xử lý nợ bị rủi ro do nguyên nhân khách quan được thực hiện theo quy định về quy chế xử lý nợ bị rủi ro tại Ngân hàng Chính sách xã hội.

Điều 13. Trách nhiệm của các cơ quan:

1. Bộ Tài chính chủ trì, phối hợp với Bộ Kế hoạch và Đầu tư bố trí nguồn vốn nhà nước để cho học sinh, sinh viên vay và kinh phí cấp bù chênh lệch lãi suất, phí quản lý để Ngân hàng Chính sách xã hội thực hiện tốt việc cho học sinh, sinh viên vay vốn.

2. Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, các Bộ, ngành:

a) Chỉ đạo các trường đại học, cao đẳng, trung cấp chuyên nghiệp và các cơ sở đào tạo nghề thuộc quyền quản lý phối hợp với Ủy ban nhân dân địa phương và Ngân hàng Chính sách xã hội tổ chức thực hiện chính sách tín dụng học sinh, sinh viên.

b) Chỉ đạo các trường đại học, cao đẳng, trung cấp chuyên nghiệp và các cơ sở đào tạo nghề thực hiện xác nhận việc học sinh, sinh viên đang theo học tại trường có đủ điều kiện vay vốn quy định tại các khoản 2, 3 Điều 4 Quyết định này.

3. Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương: chỉ đạo các cơ quan chức năng và Ủy ban nhân dân các cấp thực hiện chính

sách tín dụng đối với học sinh, sinh viên theo đúng quy định của pháp luật và Quyết định này.

4. Ngân hàng Chính sách xã hội chịu trách nhiệm hướng dẫn hồ sơ xin vay vốn, trình tự và thủ tục cho vay, kỳ hạn trả nợ, mức trả nợ, gia hạn trả nợ, chuyển nợ quá hạn đối với học sinh, sinh viên theo quy định. Tổ chức huy động vốn để bổ sung nguồn vốn cho vay đối với học sinh, sinh viên. Phối hợp chặt chẽ, thường xuyên với các trường đại học, cao đẳng, trung cấp chuyên nghiệp và các cơ sở đào tạo nghề trong quá trình cho vay để vốn vay được sử dụng đúng mục đích, tạo điều kiện thuận lợi cho học sinh, sinh viên trong việc nhận tiền vay và đóng học phí.

5. Tổ chức, cá nhân sử dụng lao động là học sinh, sinh viên đã được vay vốn nhà nước theo quy định tại Quyết định này có trách nhiệm đôn đốc học sinh, sinh viên chuyển tiền về gia đình để trả nợ hoặc trực tiếp trả nợ Ngân hàng Chính sách xã hội.

Điều 14. Xử lý vi phạm:

Các tổ chức, cá nhân thực hiện không đúng quy định về tín dụng đối với học sinh, sinh viên quy định tại Quyết định này, tùy theo mức độ vi phạm sẽ xử lý theo quy định của pháp luật.

Điều 15. Điều khoản thi hành:

1. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 10 năm 2007 và thay thế Quyết định số 107/2006/QĐ-TTg ngày 18 tháng 5 năm 2006 của Thủ tướng Chính phủ về tín dụng đối với học sinh, sinh viên. Các đối tượng đã được vay vốn theo Quyết định số 107/2006/QĐ-TTg ngày 18 tháng 5 năm 2006 được tiếp tục vay vốn theo quy định tại Quyết định này.

2. Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan trực thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, Chủ tịch Hội đồng quản trị và Tổng giám đốc Ngân hàng Chính sách xã hội chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**KT. THỦ TƯỚNG
PHÓ THỦ TƯỚNG**
(đã ký)
Nguyễn Sinh Hùng

QUY ĐỊNH TẠM THỜI VỀ QUẢN LÝ VÀ SỬ DỤNG HỌC BỔNG TẠI ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI

*(Ban hành theo Quyết định số 597/CT-HSSV, ngày 28/01/2008 của
Giám đốc Đại học Quốc gia Hà Nội)*

I. KHÁI NIỆM HỌC BỔNG

Học bổng là khoản kinh phí từ các nguồn khác nhau mà học sinh trung học phổ thông chuyên, sinh viên, học viên cao học, nghiên cứu sinh của Đại học Quốc gia Hà Nội (ĐHQGHN) được nhận thông qua ĐHQGHN hoặc cơ sở đào tạo trực thuộc của ĐHQGHN nhằm trang trải một phần chi phí sinh hoạt hoặc hỗ trợ hoạt động đào tạo trong thời gian học tập, nghiên cứu.

II. MỤC ĐÍCH CỦA VIỆC CẤP HỌC BỔNG

- Khuyến khích các đối tượng thuộc diện được xét cấp học bổng phần đầu học tập, nghiên cứu khoa học, rèn luyện đạt kết quả tốt.
- Đầu tư ưu tiên, tạo điều kiện cho sinh viên học tập đạt kết quả xuất sắc theo yêu cầu của chương trình/dự án.
- Khuyến khích, thu hút người giỏi tham gia các chương trình đào tạo khác, góp phần nâng cao chất lượng đào tạo, nâng cao uy tín của chương trình.

III. YÊU CẦU CHUNG CỦA VIỆC QUẢN LÝ, CẤP PHÁT HỌC BỔNG

- Đảm bảo khách quan, công khai, công bằng, đúng đối tượng;
- Đảm bảo thực hiện đúng quy trình trong việc xét và cấp học bổng;
- Đảm bảo cấp đủ và sử dụng học bổng theo đúng yêu cầu, mục đích của nơi cấp học bổng;
- Đảm bảo tính liên thông trong quản lý học bổng ở toàn ĐHQGHN, thực hiện chế độ thông báo, phối hợp giữa ĐHQGHN và các đơn vị đào tạo trong việc cấp học bổng từ các nguồn kinh phí khác nhau.

IV. CÁC LOẠI HỌC BỔNG

A. Học bổng từ nguồn ngân sách của Nhà nước

1. Học bổng khuyến khích học tập

Là loại học bổng hỗ trợ sinh hoạt phí cho học sinh sinh viên (HSSV) được thực hiện trên cơ sở Quyết định số 44/2007/BGD&ĐT ngày 15/8/2007 của Bộ Giáo dục & Đào tạo về học bổng khuyến khích học tập đối với HSSV các trường chuyên, trường năng khiếu, các cơ sở giáo dục đại học và trung cấp chuyên nghiệp thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và Hướng dẫn tại công văn số 4146/KHTC ngày 5/11/2007 của ĐHQGHN.

1.1. Định mức và tiêu chuẩn xét cấp học bổng

1.1.1. Đối với học sinh trung học phổ thông chuyên

1.1.1.1. Mức học bổng loại xuất sắc: 140.000 đồng/người/tháng

Dành cho học sinh đạt học lực loại giỏi, hạnh kiểm tốt trong học kỳ xét học bổng và đạt một trong những tiêu chuẩn sau:

- Điểm môn chuyên đạt từ 9,0 trở lên
- Đoạt được một trong các giải từ khuyến khích trở lên trong các kỳ thi học sinh giỏi cấp quốc gia, khu vực, quốc tế trong học kỳ đó.

1.1.1.2. Mức học bổng loại giỏi: 120.000 đồng/người/tháng

Dành cho học sinh đạt học lực loại giỏi, hạnh kiểm tốt trong học kỳ xét học bổng và điểm môn chuyên đạt từ 8,5 trở lên.

1.1.2. Đối với sinh viên đại học hệ chính quy

1.1.2.1. Mức học bổng loại xuất sắc: 260.000 đồng/người/tháng

Dành cho sinh viên đạt các tiêu chuẩn sau:

a. Về kết quả học tập:

- Đối với các khoá đào tạo theo niên chế: Tại học kỳ xét học bổng, kết quả học tập đạt loại xuất sắc (điểm trung bình chung học tập đạt từ 9,0 trở lên), không có điểm thi hoặc kiểm tra dưới 5,0 (tính điểm thi/kiểm tra lần thứ nhất).
- Đối với các khoá đào tạo theo tín chỉ: Tại học kỳ xét học bổng, đảm bảo hoàn thành ít nhất 15 tín chỉ và đạt kết quả học tập loại xuất sắc (điểm trung bình chung tích lũy đạt từ 3,60 trở lên), không có điểm thi hoặc kiểm tra dưới 5,5 (tính điểm thi/kiểm tra lần thứ nhất).

b. Về kết quả rèn luyện: Được xếp loại xuất sắc.

1.1.2.2. Mức học bổng loại giỏi: 220.000 đồng/người/tháng

Dành cho sinh viên đạt các tiêu chuẩn sau:

a. Về kết quả học tập:

- Đối với các khoá đào tạo theo niên chế: Tại học kỳ xét học bổng, kết quả học tập đạt loại giỏi (điểm trung bình chung học tập đạt từ 8,0 đến cận 9), không có điểm thi hoặc kiểm tra dưới 5,0 (tính điểm thi/kiểm tra lần thứ nhất).
- Đối với các khoá đào tạo theo tín chỉ: Tại học kỳ xét học bổng, đảm bảo hoàn thành ít nhất 15 tín chỉ và đạt kết quả học tập từ loại giỏi trở lên (điểm trung bình chung tích lũy đạt từ 3,20 đến 3,59), không có điểm thi hoặc kiểm tra dưới 5,5 (tính điểm thi/kiểm tra lần thứ nhất).

b. Về kết quả rèn luyện: Được xếp từ loại giỏi trở lên.

1.1.2.3. Mức học bổng loại khá: 180.000 đồng/người/tháng

Dành cho sinh viên đạt các tiêu chuẩn sau:

a. Về kết quả học tập:

- Đối với các khoá đào tạo theo niên chế: Tại học kỳ xét học bổng, kết quả học tập đạt loại khá (điểm trung bình chung học tập đạt từ 7,0 đến cận 8), không có điểm thi hoặc kiểm tra dưới 5,0 (tính điểm thi/kiểm tra lần thứ nhất).
- Đối với các khoá đào tạo theo tín chỉ: Tại học kỳ xét học bổng, đảm bảo hoàn thành ít nhất 15 tín chỉ và đạt kết quả học tập từ loại khá trở lên (điểm trung bình chung tích lũy đạt từ 2,50 đến 3,19), không có điểm thi hoặc kiểm tra dưới 5,5 (tính điểm thi/kiểm tra lần thứ nhất).

b. Về kết quả rèn luyện: Được xếp từ loại khá trở lên.

* Trong trường hợp sinh viên có kết quả rèn luyện thấp hơn so với tiêu chuẩn thì việc xếp loại xét học bổng sẽ hạ một bậc so với kết quả học tập (ví dụ: sinh viên đạt kết quả học tập loại xuất sắc nhưng xếp loại rèn luyện loại giỏi thì chỉ được xét học bổng loại giỏi). Tuy vậy, điểm rèn luyện tối thiểu mà sinh viên cần đạt được khi đưa vào diện xét cấp học bổng là loại khá.

1.2. Quy trình và nguyên tắc xét cấp

1.2.1. Đối với học sinh trung học phổ thông chuyên

- Cơ sở đào tạo lập dự toán ngân sách hàng năm chi đủ cho 30% học sinh được nhận học bổng khuyến khích học tập.
- Kết thúc mỗi học kỳ, thủ trưởng các đơn vị đào tạo căn cứ vào kết quả học tập và rèn luyện của học sinh, xét và quyết định cấp học bổng từ loại xuất sắc trở xuống đến hết chỉ tiêu theo nguồn kinh phí cho phép, lưu ý tới sự cân đối về số lượng giữa các khối lớp 10, 11, 12.
- Xét cấp từng kỳ, mỗi kỳ 4,5 tháng.

1.2.2. Đối với sinh viên đại học hệ chính quy

- Quỹ học bổng khuyến khích học tập được bố trí tối thiểu bằng 15% tổng thu học phí từ sinh viên đại học hệ chính quy. Đối với ngành sư phạm, quỹ học bổng được trích tối thiểu bằng 15% từ nguồn học phí do nhà nước cấp bù.
- Từ quỹ học bổng đã được xác lập, sau khi dành chi đủ trợ cấp xã hội cho sinh viên toàn đơn vị, số còn lại sẽ dùng để xét cấp những sinh viên có đủ tiêu chuẩn.
- Kết thúc mỗi học kỳ, thủ trưởng các đơn vị đào tạo căn cứ vào kết quả học tập và rèn luyện của sinh viên, xét và quyết định cấp học bổng theo từng khoá, từng ngành, từ loại xuất sắc trở xuống cho tới hết chỉ tiêu theo nguồn kinh phí cho phép.
- Những sinh viên đang được hưởng trợ cấp xã hội, trợ cấp ưu đãi theo Quy định hiện hành của nhà nước, nếu đạt đủ tiêu chuẩn về học tập và rèn luyện thì cũng được xét cấp học bổng khuyến khích học tập như những sinh viên khác.
- Xét cấp từng kỳ, mỗi kỳ 5 tháng.

2. Học bổng khuyến khích dành cho sinh viên hệ đào tạo tài năng, chất lượng cao

2.1. Đối tượng được xét cấp và mức học bổng

Đối tượng là sinh viên đang học hệ đào tạo tài năng, chất lượng cao đạt kết quả tốt trong học tập và rèn luyện.

Mức cấp gồm ba loại:

- Mức học bổng loại xuất sắc
- Mức học bổng loại giỏi
- Mức học bổng loại khá

Tiêu chuẩn về kết quả học tập và rèn luyện đối với mỗi mức được quy định như đối với Học bổng khuyến khích học tập.

2.2. Nguyên tắc xét cấp học bổng

- Trên cơ sở nguồn kinh phí hàng năm được cấp cho việc tiếp tục thực hiện chương trình đào tạo cử nhân khoa học tài năng, thủ trưởng đơn vị đào tạo tự cân đối, quyết định mức kinh phí cụ thể đối với từng loại theo nguyên tắc bằng từ 1,3 đến 1,5 mức học bổng khuyến khích học tập tương ứng dành cho sinh viên hệ đại trà.
- Kết thúc mỗi học kỳ, thủ trưởng các đơn vị đào tạo căn cứ vào kết quả học tập và rèn luyện của sinh viên, xét và quyết định cấp học bổng theo từng khoá, từng ngành, từ loại xuất sắc trở xuống cho tới hết chỉ tiêu theo nguồn kinh phí cho phép.
- Các đơn vị đào tạo trực tiếp cấp học bổng cho sinh viên theo đúng đối tượng, cấp theo từng học kỳ, mỗi kỳ 5 tháng.

3. Học bổng chính sách

Là loại học bổng dành cho các đối tượng tuyển sinh và đang học tại các cơ sở giáo dục quốc dân được thực hiện trên cơ sở Quyết định số 152/2007/QĐ-TTg ngày 14/9/2007 của Thủ tướng Chính phủ.

3.1. Đối tượng được cấp học bổng và mức học bổng

Là sinh viên hệ cử tuyển (học ở những lớp riêng được cơ quan có thẩm quyền duyệt danh sách) dành cho vùng cao và vùng sâu (danh mục các xã, phường, thị trấn thuộc vùng cao, vùng sâu do Ủy ban dân tộc và miền núi công nhận và ban hành theo Quyết định số 42/UB-QĐ ngày 23/05/1997) và do Nhà nước cấp kinh phí đào tạo.

Mức học bổng: 360.000 đồng/người/tháng.

3.2. Nguyên tắc xét cấp học bổng

- Quỹ học bổng chính sách được bố trí trong dự toán chi ngân sách Nhà nước của đơn vị đào tạo theo số lượng sinh viên thuộc đối tượng được cấp.
- Các đơn vị đào tạo trực tiếp cấp học bổng cho sinh viên theo đúng đối tượng, cấp theo từng học kỳ, mỗi kỳ 5 tháng.

B. Học bổng từ các chương trình, dự án đào tạo thí điểm hoặc đặc biệt của nhà nước.

Đây là các học bổng từ các chương trình, dự án thí điểm hoặc đặc biệt của Nhà nước như chương trình tiên tiến, chương trình đào tạo đạt chuẩn quốc tế... dành cho các đối tượng tham gia.

Việc quản lý, phân bổ học bổng được thực hiện theo các quy định riêng về tiêu chuẩn, chỉ tiêu và các quy định có liên quan đối với từng chương trình, dự án.

C. Học bổng từ các tổ chức phi chính phủ, các nhà hảo tâm trong và ngoài nước.

Là học bổng do các trường đại học nước ngoài, các tổ chức phi chính phủ, cựu sinh viên, các nhà hảo tâm trong và ngoài nước cấp. Có những học bổng được cấp thường niên, có học bổng được cấp đột xuất theo yêu cầu và điều kiện của phía cấp học bổng.

Học bổng loại này có thể cấp thông qua ĐHQGHN, thông qua các đơn vị đào tạo trực thuộc hoặc thông qua các tổ chức chính trị, xã hội, đoàn thể.

1. Mức học bổng: phụ thuộc vào từng tổ chức hoặc nguồn cấp trong từng năm, được tính bằng tiền Việt Nam hoặc ngoại tệ. Trong trường hợp giá trị học bổng được tính bằng ngoại tệ, sinh viên được nhận học bổng bằng tiền Việt Nam sau khi qui đổi theo tỉ giá hối đoái của ngân hàng tại thời điểm trao học bổng.

Số lượng HSSV được nhận hàng năm do tổ chức hoặc nguồn cấp quy định.

2. Đối tượng được xét cấp học bổng

2.1. Đối với học sinh trung học phổ thông chuyên

Tại học kỳ xét cấp học bổng, học sinh được xếp loại hạnh kiểm tốt và có kết quả học tập đạt từ loại giỏi trở lên, hoặc thuộc diện hoàn cảnh khó khăn nhưng cố gắng vươn lên, kết quả học tập đạt từ loại khá trở lên.

2.2. Đối với sinh viên hệ chính quy

2.2.1. Về kết quả học tập

- Đối với các khoá đào tạo theo niên chế: Tại học kỳ xét học bổng, kết quả học tập đạt từ loại giỏi trở lên (điểm trung bình chung học tập đạt từ 8,0 trở lên), không có điểm thi hoặc kiểm tra dưới 5,0 (tính điểm thi/kiểm tra lần thứ nhất).
- Đối với các khoá đào tạo theo tín chỉ: Tại học kỳ xét học bổng, đảm bảo hoàn thành ít nhất 15 tín chỉ và đạt kết quả học tập từ

loại khá trở lên (điểm trung bình chung tích lũy đạt từ 2,50 trở lên), không có điểm thi hoặc kiểm tra dưới 5,5 (tính điểm thi/kiểm tra lần thứ nhất).

- Đối với sinh viên thuộc diện có hoàn cảnh khó khăn nhưng cố gắng vươn lên: Tại học kỳ xét có kết quả học tập đạt từ loại khá trở lên (xét điểm thi/kiểm tra lần thứ nhất) và không có môn thi lại.

2.2.2. *Về kết quả rèn luyện*: Được xếp từ loại giỏi trở lên.

2.3. Đối với học viên cao học, nghiên cứu sinh

- Đảm bảo tiến độ chung của khóa học.
- Có điểm trung bình chung các môn học (đối với học viên cao học) hoặc điểm trung bình chung các chuyên đề (đối với NCS) đạt từ 8.0 trở lên tính tới thời điểm xét cấp học bổng.
- Tham gia các đề tài nghiên cứu khoa học (từ cấp trường/khoa trực thuộc trở lên), có bài báo khoa học được công bố trên các tạp chí chuyên ngành trong và ngoài nước.

Trên cơ sở các tiêu chuẩn chung, ĐHQGHN (đối với những học bổng do ĐHQGHN quản lý) hoặc đơn vị (đối với những học bổng do đơn vị quản lý) chi tiết hoá tiêu chuẩn khi xét đối với từng học bổng cụ thể, phụ thuộc vào giá trị và chỉ tiêu của từng học bổng.

Ngoài ra, tùy thuộc yêu cầu của một số tổ chức/cá nhân cấp học bổng, có thể bổ sung thêm một số tiêu chuẩn có tính đặc thù riêng (về đối tượng, chuyên ngành ưu tiên...) bên cạnh các tiêu chuẩn chung khi xét chọn.

3. Nguyên tắc xét cấp học bổng

- Lựa chọn đúng đối tượng theo yêu cầu và điều kiện của phía cấp học bổng.
- Trên cơ sở chỉ tiêu cho phép của từng học bổng, sắp xếp các đối tượng có đủ tiêu chuẩn theo trật tự ưu tiên từ cao xuống thấp và xét cho tới khi hết chỉ tiêu.
- Đảm bảo tính công bằng trong việc xét. Tại thời điểm xét học bổng, người có kết quả học tập và rèn luyện cao hơn thì được nhận học bổng có giá trị cao hơn.
- Lưu ý tỉ lệ sinh viên giữa các đơn vị, các chuyên ngành khi phân bổ và xét học bổng.

- Mỗi sinh viên chỉ nhận 01 lần học bổng này trong một năm theo các nguồn cấp chính thức. Ngoài ra, sinh viên có thể tự do tham gia đăng ký nhận các học bổng không do ĐHQGHN hoặc đơn vị đào tạo quản lý.

4. Quy trình xét và cấp học bổng

▪ **Bước 1:** Căn cứ vào kết quả học tập và rèn luyện của HSSV học kỳ liền kề trước, các đơn vị đào tạo xếp loại HSSV thuộc diện được nhận học bổng, xây dựng danh sách nguồn của đơn vị theo thứ tự ưu tiên và báo cáo lên ĐHQGHN (qua Ban CT-HSSV).

Thời hạn nộp: Học kỳ I: Trước ngày 30 tháng 9 hàng năm

Học kỳ II: Trước ngày 28 tháng 2 hàng năm

▪ **Bước 2:** ĐHQGHN thông báo tới các đơn vị đào tạo kế hoạch cấp các học bổng do ĐHQGHN quản lý. Các đơn vị đào tạo, các tổ chức Đoàn, Hội báo cáo ĐHQGHN kế hoạch cấp các học bổng do đơn vị hoặc tổ chức Đoàn, Hội quản lý. Thời hạn thực hiện: hoàn thành trước ngày 15/10 hàng năm.

Thông tin thông báo gồm: tên học bổng (hoặc tên tổ chức/cá nhân cấp), mức tiền cấp tổng thể và mức cấp cho một người, chỉ tiêu, thời gian dự kiến tổ chức lễ phát. Đối với những học bổng đột xuất, ĐHQGHN và các đơn vị thông báo bổ sung sau khi nhận được thông tin từ phía nguồn cấp.

▪ **Bước 3:** Trên cơ sở danh sách nguồn tiếp nhận học bổng và kế hoạch cấp học bổng, các đơn vị đào tạo xây dựng kế hoạch phân bổ học bổng của đơn vị mình và thông báo công khai toàn đơn vị.

▪ **Bước 4:** ĐHQGHN (hoặc các đơn vị đào tạo) ra quyết định và thông báo chính thức danh sách sinh viên được nhận học bổng trước thời gian phát từng học bổng theo kế hoạch. ĐHQGHN kết hợp với phía cấp học bổng tổ chức lễ phát đối với những học bổng do ĐHQGHN quản lý. Đơn vị đào tạo tổ chức lễ phát đối với những học bổng do đơn vị quản lý.

Sau mỗi học kỳ, các đơn vị báo cáo ĐHQGHN toàn bộ số liệu có liên quan tới việc cấp các học bổng do đơn vị quản lý. ĐHQGHN cập nhật các số liệu liên quan đến việc phát các loại học bổng lên mạng Internet và Intranet của ĐHQGHN.

D. Học bổng từ chương trình liên kết đào tạo (trong nước hoặc quốc tế)

Học bổng liên kết đào tạo là học bổng được lấy từ nguồn thu của chương trình liên kết đào tạo hoặc nguồn tài trợ của phía đối tác.

1. Mức học bổng: Phụ thuộc vào từng chương trình, tổ chức hoặc nguồn cấp.

2. Đối tượng được xét cấp: Sinh viên, học viên hoặc nghiên cứu sinh đang tham dự chương trình có kết quả học tập tốt, có tư cách đạo đức và quá trình rèn luyện tốt, tích cực tham gia các hoạt động tập thể.

3. Tiêu chuẩn: Tiêu chuẩn cụ thể được xây dựng phụ thuộc vào từng chương trình, được thông báo vào đầu năm học hoặc khi chương trình được bắt đầu thực hiện.

4. Quy trình xét cấp học bổng

▪ **Bước 1:** Đơn vị (hoặc chương trình đào tạo) lập kế hoạch dành một phần kinh phí hoạt động hoặc khai thác từ phía đối tác liên kết làm quỹ học bổng khuyến khích học tập.

▪ **Bước 2:** Thông báo công khai số lượng, tiêu chuẩn, mức cấp, điều kiện cấp học bổng đến toàn thể các đối tượng đang tham dự chương trình và tổ chức bình xét tại lớp. Đối với đối tượng chuẩn bị tham gia chương trình thi đơn vị (chương trình đào tạo) cần thông báo rộng rãi các thông tin có liên quan thông qua các phương tiện thông tin đại chúng hoặc Website của đơn vị.

▪ **Bước 3:** Lập Hội đồng xét cấp học bổng. Trên cơ sở kết quả học tập, rèn luyện của sinh viên theo các tiêu chí đã đề ra, Hội đồng họp xét duyệt danh sách sinh viên được cấp học bổng và thông báo công khai kết quả.

▪ **Bước 4:** Chủ tịch hội đồng ra quyết định và tổ chức trao học bổng.

E. Học bổng Chính phủ hoặc theo các Hiệp định ký kết giữa ĐHQGHN hoặc các đơn vị đào tạo cấp cho các đối tượng đi học tại nước ngoài

1. Đối tượng: Học sinh, sinh viên, học viên cao học, nghiên cứu sinh đang học tập tại các đơn vị đào tạo của ĐHQGHN.

2. Tiêu chuẩn: Phụ thuộc vào từng chương trình và sẽ được công bố cụ thể đối với từng loại

3. Quy trình xét và cấp học bổng

▪ **Bước 1:** ĐHQGHN thông báo đến các đơn vị đào tạo những nội dung liên quan đối với các loại học bổng Chính phủ hoặc học bổng do ĐHQGHN quản lý (chỉ tiêu, đối tượng, tiêu chuẩn xét chọn . . .).

▪ **Bước 2:** Các đơn vị đào tạo thông báo công khai các thông tin liên quan đến việc xét chọn học bổng tới toàn thể sinh viên khi có các loại học bổng Chính phủ, học bổng do ĐHQGHN quản lý và học bổng do các đơn vị đào tạo quản lý.

▪ **Bước 3:** Căn cứ trên yêu cầu của từng loại học bổng các đơn vị đào tạo tổ chức xét cấp học bổng cho các đối tượng đáp ứng đủ tiêu chuẩn theo nguyên tắc từ cao xuống thấp cho đến hết chỉ tiêu.

▪ **Bước 4:** Các đơn vị đào tạo gửi danh sách các đối tượng đủ điều kiện nhận học bổng về ĐHQGHN đối với những học bổng Chính phủ và học bổng do ĐHQGHN quản lý để ĐHQGHN xem xét và ra quyết định cử đi học. Các đơn vị đào tạo ra quyết định đối với học bổng do các đơn vị đào tạo quản lý.

▪ **Bước 5:** Các đơn vị đào tạo thông báo tới các cá nhân đủ điều kiện nhận học bổng và tiến hành các thủ tục cần thiết cho các đối tượng đi học theo đúng những quy định hiện hành về việc cử người đi học ở nước ngoài.

V. TRÁCH NHIỆM CỦA CÁC ĐƠN VỊ, TỔ CHỨC, CÁ NHÂN TRONG VIỆC QUẢN LÝ HỌC BỔNG

1. Trách nhiệm của ĐHQGHN

- Ban Kế hoạch - Tài chính: căn cứ các quy định hiện hành của Nhà nước thẩm định và hướng dẫn lập dự toán kinh phí dành cho cấp học bổng trong ngân sách Nhà nước của các đơn vị.
- Ban Quan hệ Quốc tế: làm đầu mối khai thác, phát triển, tiếp nhận các nguồn học bổng từ các tổ chức, cá nhân nước ngoài.
- Ban Chính trị và Công tác HSSV: làm đầu mối khai thác, phát triển các nguồn học bổng từ các tổ chức và cá nhân trong nước; phối hợp với Ban Đào tạo, Ban Quan hệ Quốc tế, Khoa Sau Đại học xét duyệt và quản lý thống nhất các học bổng từ các tổ chức phi chính phủ, các nhà hảo tâm trong và ngoài nước do ĐHQGHN quản lý; căn cứ vào các nguồn học bổng thường niên ngoài ngân sách Nhà nước và dự kiến nguồn học bổng không thường niên hoặc đột xuất, trên cơ sở danh sách nguồn HSSV

thuộc diện được xét cấp học bổng do các đơn vị báo cáo, lập kế hoạch phân bổ học bổng cho các đơn vị đào tạo; tổ chức xét duyệt, ra quyết định về việc cấp học bổng, thông báo cho các đơn vị đào tạo, cá nhân có liên quan và tổ chức lễ trao học bổng.

- Văn phòng ĐHQGHN: làm đầu mối tiếp nhận và quản lý tiền học bổng đối với các loại học bổng do ĐHQGHN quản lý thông qua tài khoản của Văn phòng ĐHQGHN.

2. Trách nhiệm của các đơn vị đào tạo

- Đơn vị đào tạo có trách nhiệm quản lý và cấp phát các loại học bổng trong ngân sách Nhà nước theo đúng quy định hiện hành của nhà nước và quy định chung của ĐHQGHN về việc sử dụng học bổng trong ngân sách Nhà nước. Căn cứ vào chỉ tiêu tuyển sinh được giao, hàng năm đơn vị đào tạo lập dự toán chi học bổng, trình ĐHQGHN xem xét, phê duyệt làm căn cứ cấp phát, đồng thời gửi Kho bạc Nhà nước làm căn cứ chi trả và kiểm soát chi tiêu tài chính theo ý kiến chỉ đạo của ĐHQGHN.
- Đối với những đơn vị có chương trình liên kết đào tạo (trong nước hoặc quốc tế): Căn cứ chỉ tiêu tuyển sinh liên kết đào tạo và mức thu học phí, xây dựng kế hoạch cân đối thu chi một cách hợp lý, dành tối thiểu 5% nguồn thu học phí làm học bổng nhằm thu hút và khuyến khích sinh viên, đảm bảo tối thiểu khoảng 10% số lượng đối tượng tham gia chương trình được cấp học bổng.
- Tích cực tìm kiếm, khai thác và phát triển các nguồn học bổng khuyến khích các HSSV có thành tích học tập và rèn luyện xuất sắc hoặc có hoàn cảnh khó khăn nhưng nỗ lực vươn lên, từ các doanh nghiệp, tổ chức phi Chính phủ, tổ chức từ thiện, cựu sinh viên và các nhà hảo tâm trong và ngoài nước.
- Căn cứ chỉ tiêu học bổng được ĐHQGHN phân bổ và số lượng các học bổng do đơn vị trực tiếp quản lý, chủ động xây dựng kế hoạch sử dụng, xét cấp học bổng trên cơ sở các điều kiện, tiêu chuẩn chung hoặc theo yêu cầu của phía cấp học bổng.

- Có trách nhiệm cung cấp thông tin về quá trình học tập, rèn luyện của đối tượng được nhận học bổng theo yêu cầu của phía cấp học bổng.
- Ra quyết định về việc cấp học bổng, thông báo và tổ chức trao học bổng do đơn vị quản lý.
- Quản lý hồ sơ cấp học bổng hàng năm và báo cáo ĐHQGHN.

3. Trách nhiệm của HSSV

- Sử dụng học bổng được cấp theo đúng mục đích, yêu cầu của ĐHQGHN, đơn vị đào tạo và phía cấp học bổng, chủ yếu sử dụng phục vụ quá trình học tập, nghiên cứu khoa học và sinh hoạt của bản thân.
- Tích cực phấn đấu học tập và rèn luyện tốt, đáp ứng các tiêu chuẩn mà học bổng yêu cầu.

Những đối tượng không thực hiện tốt trách nhiệm trên sẽ bị thu hồi lại học bổng đã được cấp hoặc không được đưa vào diện xét cấp học bổng trong các lần tiếp theo.

VI. ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Quy định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Trong quá trình thực hiện, hàng năm ĐHQGHN xem xét, bổ sung và điều chỉnh cho phù hợp với những quy định mới của nhà nước hoặc tình hình thực tế ở ĐHQGHN.

KT. GIÁM ĐỐC ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI
PHÓ GIÁM ĐỐC

(đã ký)

PGS.TS Phạm Trọng Quát

KẾ HOẠCH CUỘC ĐỜI

“Kế hoạch cuộc đời”. Nói nghe thật to lớn nhưng thật ra ai cũng có ước mơ cho tương lai hay một mục đích để vươn tới. Kế hoạch chính là công cụ để đạt tới ước mơ đó. Thường người ta bắt đầu ước mơ từ lúc nào? Ngay từ nhỏ ta ước mơ theo đuổi một công việc nào đó như muốn trở thành bác sĩ, kỹ sư, và ngày nay ta còn muốn trở thành nhà khoa học hay nhà phi hành vũ trụ... Có người muốn trở thành một chính trị gia, một nhà hoạt động xã hội phục vụ người nghèo... Người ta nghĩ đến những nghề nghiệp cụ thể hay có những ước mơ bay bổng. Dù còn “mơ mơ màng màng”, ước mơ là sức hút làm cho cá nhân vươn tới, là lực đẩy để ta tiến xa.

Không ít bạn trẻ có những ước mơ cao đẹp như cải tạo xã hội, phục vụ nhân loại, sống lý tưởng... Ước mơ hay lý tưởng ấy nếu được gia đình và xã hội góp phần hun đúc sẽ như chiếc la bàn để định hướng cá nhân trong cơn sóng gió của cuộc đời. Chiếc thuyền có thể trôi giạt trên sóng biển nhưng chiếc la bàn sẽ luôn giúp ta hướng về lý tưởng ban đầu. Để hướng tới ước mơ, cá nhân phải định cho mình một mục đích cụ thể. Ví dụ: muốn giúp người, ta phải trở thành một bác sĩ, một nhà tham vấn tâm lý, một chính trị gia...

Nhưng mục đích này phải được chia ra thành những mục tiêu nhỏ hơn nữa và được thực hiện theo từng giai đoạn trong thời gian. Kế hoạch chính là tấm bản đồ vẽ ra những đoạn đường đi cụ thể để đạt tới đích. Có người đi tới đích bằng xa lộ thẳng tắp. Ví dụ như được cha mẹ có đủ điều kiện cho ta ăn học đến nơi đến chốn. Nhưng đa số chúng ta phải chọn những con đường ngoằn ngoèo, ví dụ như phải vừa học vừa làm, phải nghỉ vài năm giữa hai thời kỳ học để tích lũy tiền đóng học phí. Những đoạn đường nhỏ này cũng phải được vẽ trên bản đồ để ta có thể dự trù, tính toán hầu không bị động trong kế hoạch. Và các nhà khoa học nói có kế hoạch là đã đi được 2/3 đoạn đường. Nếu không có sẵn bản đồ ta sẽ mất nhiều công sức và thời gian để mò mẫm.

Nhưng không có cuộc đời nào mà không gặp những khúc quanh bất ngờ. Có bạn trong cuộc họp hỏi có chăng một số phận cho mỗi người và khó mà làm theo kế hoạch đề ra. Sau nhiều tranh cãi, các bạn cho rằng gì thì gì chính yếu tố chủ quan là quyết định. Những con người gặp trên đường đời, những biến cố bất ngờ xảy ra là những cơ hội dù xấu hay tốt. Chính ta biến đổi nó thành một cơ hội, một vận may mới.

Trên đường đi tới, ta có thể gặp cơ hội tốt như xin được một học bổng du học, gặp những người thầy giỏi giúp chúng ta tiến bộ. Nhưng ta cũng không tránh được các biến cố rủi ro. Như anh Trần Bá Thiện trở nên mù lòa do một tai nạn đã trở thành “hiệp sĩ tin học” vì đã khắc phục trở ngại tưởng như không thắng nổi để học vi tính rồi tìm cách làm các phần mềm đặc biệt cho người mù. Các biến cố trong cuộc đời có thể làm cho ta đi theo một khúc quanh, thay đổi đoạn đường, nhưng nếu xuất phát từ ước mơ, ta sẽ về tới đích.

Làm kế hoạch cụ thể như thế nào? Trước tiên là chia con đường tới đích thành những giai đoạn ngắn khả thi. Ví dụ tôi muốn trở thành một nhà ngoại giao để giúp bạn bè năm châu hiểu về đất nước và con người VN. Ít lắm tôi phải có thạc sĩ trong một ngành bang giao quốc tế, biết tối thiểu hai ngoại ngữ, có kiến thức về các nước trên thế giới và giỏi giao tiếp. Nhưng tôi mới học lớp 11. Giai đoạn ngắn trước mắt là tôi phải tốt nghiệp lớp 12. Giai đoạn kế tiếp là đậu vào đại học và bốn năm học cử nhân. Rồi hai năm thạc sĩ. Và chưa chắc gì mọi sự sẽ diễn ra suôn sẻ. Gia đình tôi chỉ trung bình về kinh tế, tôi sẽ đi làm việc vào các kỳ hè để lo một phần chi phí. Tôi sẽ cố gắng tìm những công việc tạo cho tôi điều kiện thực hành tiếng Anh, giao tiếp với người nước ngoài... Tôi phải dự trù hai khả năng, một là đậu vào một ngành bang giao quốc tế, hai là rớt. Nếu rớt tôi sẽ đi làm và tập trung học ngoại ngữ hay học một ngành khác, và tại sao? Ở từng giai đoạn tôi sẽ phải điều chỉnh kế hoạch cho phù hợp với điều kiện và khả năng thực tế.

Kế hoạch của tôi phải khả thi. Tôi sẽ không vẽ quá cao để rồi nếu không đạt được sẽ thất vọng và chán nản bỏ cuộc. Tôi phải tự biết mình, năng khiếu và mặt mạnh mặt yếu của mình. Tôi nên bàn bạc với cha mẹ,

thầy cô, bạn bè. Như trong các lĩnh vực hoạt động khác tôi phải trả lời cho mình các câu hỏi (**4 W và 1 H**) sau đây:

WHAT: Cái gì? Tôi định làm gì, trở thành ai, theo đuổi mục đích nào?

WHY: Vì sao? Vì sao tôi theo đuổi ngành này? Vì cha mẹ thúc ép, vì bạn bè rủ rê? Vì nó đang là thời thượng? Hay vì tôi yêu thích, vì nó thật sự có ý nghĩa cho cuộc đời tôi?

WHO: Ai? Ai có liên quan? Trước tiên là tôi? Liệu tôi có đủ năng lực và kiên nhẫn để đeo đuổi mục đích cho đến cùng? Tôi có dễ chán nản và hay bỏ cuộc không? Sức khỏe của tôi có tốt đủ để theo đuổi ngành học không?...Những người có liên quan nghĩ sao? Ai là người hỗ trợ đắc lực trong những người thân (cha mẹ, thầy cô, bạn bè...)? Đây là trở lực? Nếu bố không đồng ý, làm sao thuyết phục? Nhờ mẹ hay anh chị lớn, hoặc cô chú nói giúp?

WHEN: Lúc nào? Vào thời điểm nào tôi sẽ khởi đầu và kết thúc giai đoạn nào của kế hoạch?

HOW: Bằng cách nào? Tôi sẽ cố gắng tích lũy học phí như thế nào? Tìm học bổng ra sao? Chọn trường nào để học ngoại ngữ tốt nhất? Trình bày ước muốn của mình với cha mẹ ra sao để thành công?

Tôi không chỉ làm một kế hoạch lớn, tổng quát mà chia nó ra thành nhiều kế hoạch nhỏ theo từng năm, từng sáu tháng, từng tháng và thậm chí từng tuần với công việc và giờ giấc cụ thể. Muốn thực hiện tốt kế hoạch lớn phải hoàn thành kế hoạch nhỏ. Muốn làm chủ cuộc đời mình (như các bạn nói) phải làm chủ bản thân trong việc nhỏ. Sống kỷ luật, làm ra làm, chơi ra chơi, giải phóng chúng ta. Chúng ta không bị stress, bị lương tâm cắn rứt vì đã phí phạm thời gian...

Người viết rất biết ơn giai đoạn học và thực tập ở nước ngoài vì đã học được những thói quen tốt và khám phá rằng người ta dạy trẻ xác lập mục đích cuộc đời, tập làm chủ bản thân từ lúc còn nhỏ, không chờ tới tuổi sinh viên. Thiết nghĩ trẻ em Việt Nam cũng cần học điều này trong phần giáo dục về kỹ năng sống mới theo kịp giới trẻ ở các nước khác.

ThS NGUYỄN THỊ OANH
(theo báo Tuổi trẻ)

HỌC THEO TÍN CHỈ: Ý NGHĨA CỦA CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO, THỜI KHÓA BIỂU ĐỐI VỚI SINH VIÊN

Khi bạn học ở phổ thông hay đào tạo đại học theo niên chế, **thời khóa biểu** của bạn đã được **định sẵn**. Học môn gì, vào học kỳ nào do nhà trường xếp đặt từ trước. Nếu bạn học giỏi hay bạn học yếu thì **khối lượng** học của bạn đều giống với người khác. Bạn không có lựa chọn khác.

Trong đào tạo theo tín chỉ, bạn **có quyền lựa chọn** thời khóa biểu. Nhưng lựa chọn thế nào là đúng? Dựa vào đâu để lựa chọn? Đó là câu hỏi quan trọng bạn cần trả lời để thực hiện quyền mà bạn được trao.

Nắm được chương trình đào tạo (CTĐT) của bạn, nắm được kế hoạch giảng dạy nhà trường tổ chức trong mỗi học kỳ là việc bạn cần làm để thực hiện quyền của bạn.

CTĐT có ở website của phòng Đào tạo và **việc cần làm** là ngay tuần đầu tiên của khóa học, hãy tải về máy tính của bạn và in ra để dễ dàng sử dụng.

CTĐT ghi rõ những môn học bạn sẽ học, thời lượng, vị trí và các ràng buộc của môn học trong CTĐT. Để hiểu CTĐT, bạn cần chú ý trong buổi học định hướng, khi khoa và CVHT của bạn trao đổi về điều này và bằng những cách của riêng bạn nữa.

Khi đã nắm được CTĐT, bạn hãy thiết kế **tiến trình học tập** cho chính bạn mà ở đó, bạn tự sắp xếp học môn học nào, trong học kỳ nào. Tiến trình học tập còn giúp bạn quản lý quá trình tích lũy tín chỉ để bạn chuẩn bị cho ngày tốt nghiệp của mình.

Khi hoàn thành việc này, bạn đã có trong tay cẩm nang học tập cơ bản nhất. Trước mỗi học kỳ, khi nhà trường thông báo kế hoạch giảng dạy trong học kỳ đó, bạn sẽ mau chóng lựa chọn được những môn học của mình và hoàn thành thời khóa biểu của bạn.

Tuy nhiên, không phải khi nào lựa chọn của bạn và kế hoạch giảng dạy mà nhà trường công bố đều tương thích 100% song việc điều chỉnh không phải là quá khó khi bạn đã hiểu CTĐT của mình. Nếu có khó khăn, bạn hãy trao đổi với cố vấn học tập của bạn.

Chúc bạn thành công!



HƯỚNG DẪN SINH VIÊN ĐĂNG KÝ MÔN HỌC TRỰC TUYẾN

I. Truy cập “Hệ thống quản lý đăng ký môn học” theo cách sau:

1. Vào địa chỉ: **http://10.9.10.100/dkmh**
2. Màn hình đăng nhập xuất hiện

3. Sinh viên đăng nhập vào hệ thống để đăng ký môn học bằng cách nhập tên người dùng và mật khẩu vào khung “đăng nhập hệ thống”, sau đó nhấn nút “Enter” (hoặc click vào nút “Đăng nhập”)

Lưu ý:

- Tên người dùng của sinh viên chính là MÃ SỐ SINH VIÊN (MSSV)
- Mật khẩu mặc định là <mã sinh viên + ngày sinh của sinh viên> (theo định dạng: xxxxxxxxdddmmmyyyy)

Ví dụ:

- Khi sinh viên có MSSV là **07030581** và ngày sinh là **04/02/1988** thì

Tên người dùng: **07030581**,
Mật khẩu: **0703058104021988**

II. Nếu sinh viên nhập chính xác tên người dùng và mật khẩu thì màn hình hệ thống sẽ xuất hiện như sau:

III. Nếu đăng nhập lần đầu tiên thì sinh viên phải đổi mật khẩu bằng cách click vào mục “Đổi mật khẩu”:

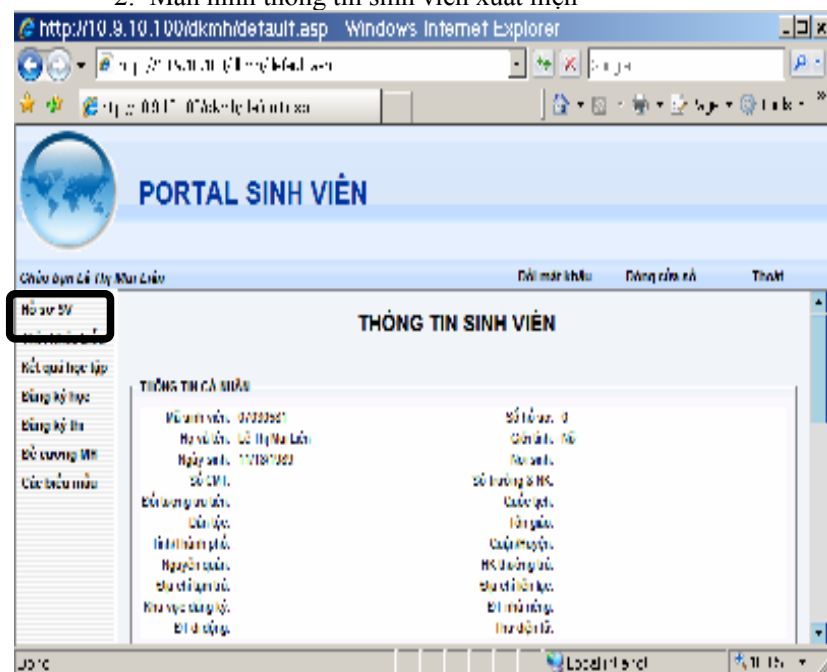
1. Nhập mật khẩu mới vào ô “Mật khẩu” (tối thiểu có 6 ký tự)

2. Nhập mật khẩu mới một lần nữa vào ô “**Xác nhận lại**”
3. Nhấn chuột vào “**Lưu**” nếu muốn đổi mật khẩu, ngược lại nhấn chuột vào nút “**Bỏ qua**”
4. Nếu mật khẩu hợp lệ hệ thống sẽ thông báo “**Đã đổi mật khẩu xong**”

Lưu ý: Sinh viên sau khi đã đổi mật khẩu phải tự bảo mật và chịu trách nhiệm về mật khẩu của mình.

IV. Kiểm tra thông tin cá nhân:

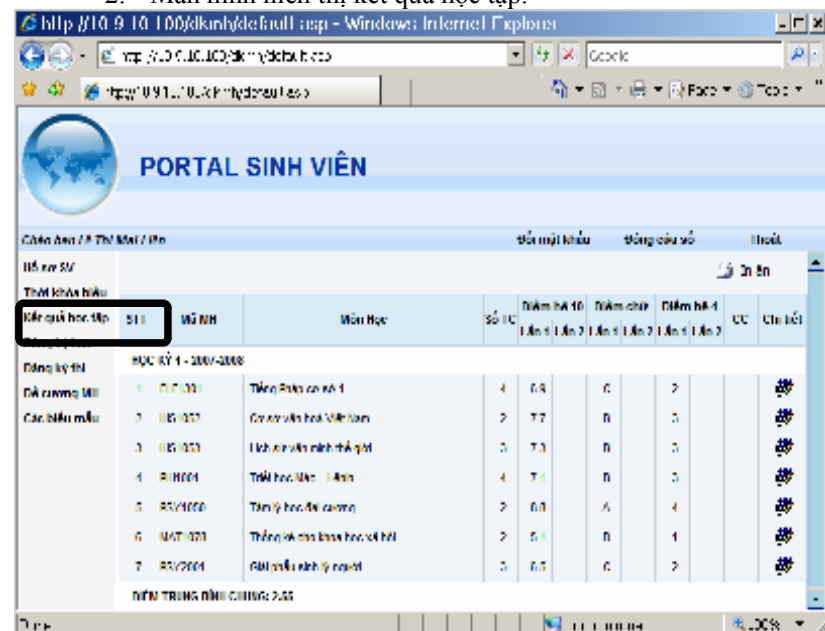
1. Nhấn chuột vào mục “**Hồ sơ SV**”
2. Màn hình thông tin sinh viên xuất hiện



3. Kiểm tra thông tin cá nhân
4. Nếu có sai sót sinh viên phải gửi ngay đơn yêu cầu bổ sung, sửa chữa về phòng Chính trị và Công tác sinh của Trường.

V. Kiểm tra kết quả học tập:

1. Nhấn chuột vào mục “**Kết quả học tập**”
2. Màn hình hiển thị kết quả học tập.



3. Kiểm tra kết quả học tập
4. Nếu có sai sót sinh viên báo BCS lớp lập danh sách chung của lớp và gửi về phòng Đào tạo để xem xét.

VI. Đăng ký môn học:

1. **Bước 1:** Nhấn chuột vào mục “**Đăng ký học**”, màn hình đăng ký môn học hiển thị
2. **Bước 2:** Nhấn chuột vào nút  trên mục “**Chọn danh sách**”, màn hình liệt kê các danh sách:

a) Giải thích về các danh sách môn học trong thời khóa biểu:

- Danh sách môn học đã đăng ký: là danh sách những môn học sinh viên đã đăng ký thành công và sẽ học tập của học kỳ hiện tại (*danh sách*

này sẽ trống nếu sinh viên chưa ĐKMH), trong danh sách này sinh viên có thể huỷ môn học đã đăng ký hoặc in kết quả đã đăng ký.

- **Danh sách môn học đã chọn:** là danh sách những môn học sinh viên chọn ra từ “**Thời khoá biểu ngành**” và/hoặc “**Thời khoá biểu trường**” trong mục “**Thời khoá biểu**”, căn cứ vào danh sách này sinh viên sẽ chọn những môn học sẽ học trong học kỳ.

- **Danh sách môn học theo ngành:** Là danh sách những môn học được mở cho từng ngành học. Sinh viên nên đăng ký môn học trong danh sách này.

- **Danh sách môn học của toàn trường:** là danh sách những môn học được mở của tất cả các ngành đào tạo ở Trường.

b) Chọn danh sách:

Sinh viên nhấn chuột vào 1 trong 3 danh sách môn học (*Môn học đã chọn, Môn học theo ngành, Môn học của toàn trường*) để lựa chọn môn học dự kiến đăng ký học.

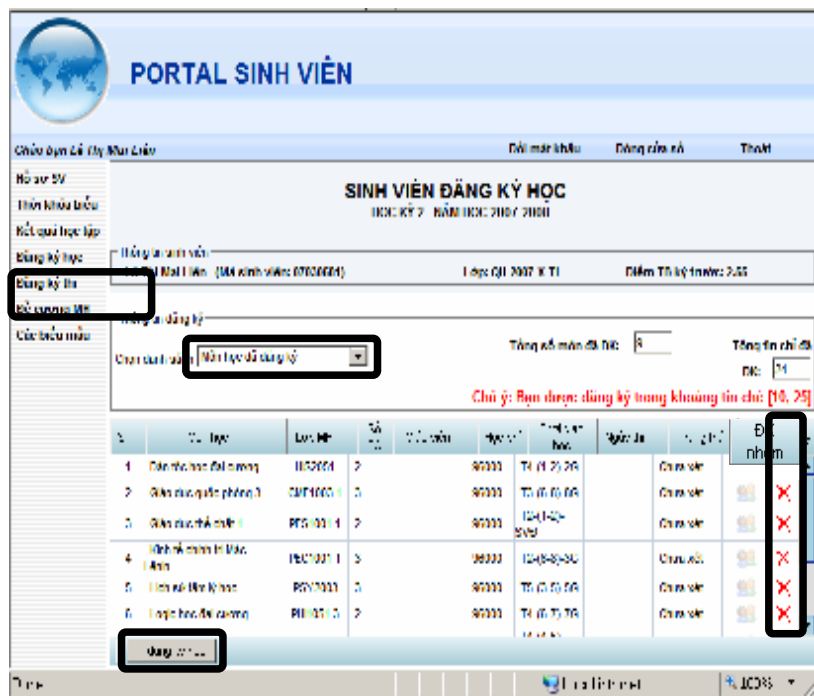
The screenshot shows the 'PORTAL SINH VIÊN' interface. The main heading is 'SINH VIÊN ĐĂNG KÝ HỌC' for 'HỌC KỲ 2 - NĂM HỌC 2007-2008'. It displays student details: 'Họ và tên: Lê Thị Mai Liên', 'Mã sinh viên: 07020004', 'Lớp: QL-2007-01-L', and 'Điểm TB kỳ trước: 2.55'. A dropdown menu for 'Chọn danh sách' is open, showing four options: 'Môn học đã chọn', 'Môn học đã đăng ký', 'Môn học theo ngành', and 'Môn học của toàn trường'. Below the menu, there's a table of courses with columns for STT, Chọn, Mã học, Tên học, Tín chỉ, and others. A red note at the bottom states: 'Chú ý: Bạn được đăng ký trong khoảng tín chỉ: [10, 25]'.

3. Bước 3: Sau khi lựa chọn danh sách môn học, sinh viên căn cứ vào kết quả học tập của học kỳ trước đó, tiến trình đào tạo, số tín chỉ tối thiểu và tối đa được đăng ký, tài chính và thời gian của cá nhân, sự định hướng của cố vấn học tập để đăng ký môn học cho phù hợp.

This screenshot is similar to the previous one but shows a different view of the course selection process. It highlights the 'Đăng ký học' button and the 'Chọn danh sách' dropdown menu. A red note at the bottom states: 'Chú ý: Bạn được đăng ký trong khoảng tín chỉ: [10, 25]'. The table of courses is also visible, showing details like 'Mã học', 'Tên học', 'Tín chỉ', and 'Điểm TB kỳ trước'.

- Nhấn chuột vào mục “**Chọn**” để đánh dấu môn học cần đăng ký
 - Chọn xong các môn học, nhấn chốt vào nút “**Đăng ký**”, màn hình xuất hiện thông báo bạn có chắc chắn đăng ký các môn học này không? Hãy nhấn “**OK**” nếu đồng ý ngược lại nhấn “**Cancel**”.

4. Bước 4: Huỷ môn đã đăng ký (*nếu cần thiết*) và In phiếu đăng ký môn học.



1. Huỷ một số môn học đã đăng ký, hãy nhấn vào dấu **X**. Xuất hiện màn hình thông báo bạn có chắc chắn muốn huỷ môn học đã đăng ký không? Nếu đồng ý nhấn chuột vào nút **“OK”**, ngược lại nhấn vào nút **“Cancel”**.

2. Nhấn chuột vào nút **“In đăng ký môn học”** khi việc đăng ký đã hoàn thành, trong trường hợp màn hình không in được kết quả đăng ký, sinh viên download phần mềm hỗ trợ in phiếu đăng ký tại địa chỉ:

<http://10.9.10.100/viewer9/activexviewer/en/npviewer.exe>

VII. Download đề cương môn học và các biểu mẫu

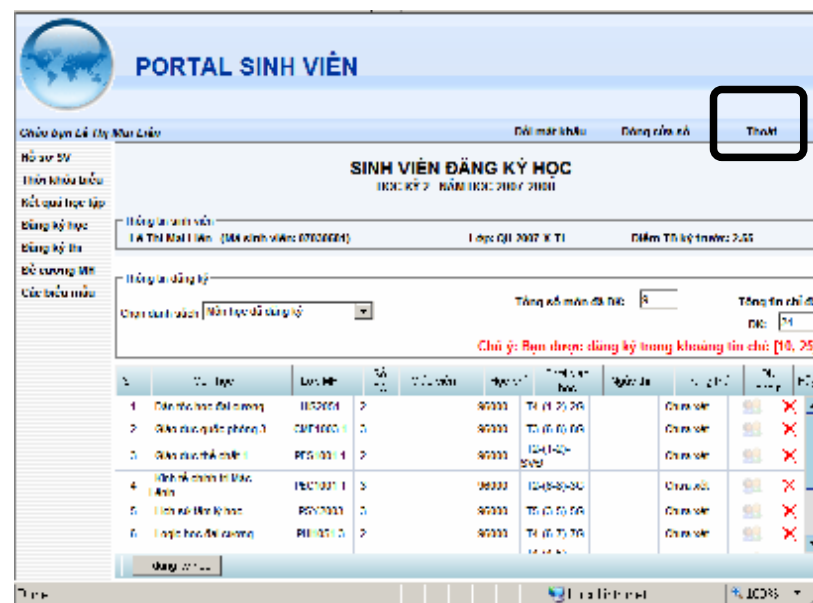
1. Nhấn chuột vào nút **“Đề cương môn học”**, màn hình sẽ hiện thị danh sách đề cương môn học, nhấn đúp chuột trực tiếp vào đề cương môn học cần download để tải về.

2. Nhấn chuột vào nút **“Các biểu mẫu”**, màn hình sẽ hiện thị danh sách các biểu mẫu, nhấn đúp chuột trực tiếp vào biểu mẫu cần download để tải về.

VIII: Kết thúc chương trình: Nhấn chuột vào nút **“Thoát”**

Việc thoát khỏi chương trình cần được thực hiện đúng quy trình. Tuyệt đối không tắt màn hình hay tắt máy như tắt một thiết bị tiêu thụ điện thông thường.

Phải nhấn vào nút **“Thoát”** cho đến khi hệ thống thông báo là bạn đã thoát ra thành công



Chúc bạn sinh viên sử dụng thành thạo chương trình này!

20 CÂU HỎI SINH VIÊN THƯỜNG GẶP TRONG ĐÀO TẠO THEO TÍN CHỈ

Các bạn sinh viên thân mến!

Từ đầu cuốn sổ tay đến giờ, các bạn đã gặp rất nhiều điều mới mẻ, làm cho bạn lý thú cũng có và băn khoăn, lo lắng cũng có. Điều đó là sự thực. Bởi như ở lời nói đầu của cuốn sổ tay này, chúng tôi có nói tới việc bạn nên coi sổ tay là người bạn tri kỷ của mình chính là theo nghĩa như vậy.

Học theo tín chỉ có cả hàng trăm điều cần nhớ đến từng chi tiết và không được làm sai.

*Học theo tín chỉ có rất nhiều điều cần **sự chủ động** của bạn để hoạch định trước những việc cần làm. Nắm vững các quy định là điều quan trọng để bạn thực hiện điều đó.*

Phản hồi – đáp này dựa trên sự tổng kết những vấn đề thiết yếu nhất mà sinh viên thường gặp, thường băn khoăn.

Nếu bạn có câu hỏi nào nữa, hãy chủ động gửi cho phòng Đào tạo để tiếp tục được giải đáp. Hãy sử dụng diễn đàn sinh viên svnhanvan.org, email daotao@ussh.edu.vn để nói với chúng tôi điều bạn đang mong đợi.

Câu 1: Hiện tại, vừa có quy chế đào tạo của Bộ GD&ĐT, của ĐHQG HN và quy định của Nhà trường. Vì sao vậy? Sử dụng các quy chế, quy định này cần lưu ý điểm gì?

- Đúng là đồng thời có những quy chế, quy định nêu trên. Những sinh viên nào chưa biết hãy vào địa chỉ: <http://dt.ussh.edu.vn/quyche-congvan> để có được văn bản toàn văn.

- “*Quy chế đào tạo đại học và cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ*” của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành theo quyết định số 43/2007/QĐ-BGD&ĐT, ngày 15/8/2007 (gọi tắt là Quy chế 43), quy định những vấn đề chung nhất về đào tạo đại học theo phương thức này, là căn cứ để các cơ sở đào tạo trong cả nước xây dựng quy chế, quy định cho phù hợp với đặc điểm cụ thể của từng đơn vị.

- “*Quy chế đào tạo đại học ở Đại học Quốc gia Hà Nội*” ban hành theo quyết định số 3413/ĐT, ngày 10/9/2007 (gọi tắt là Quy chế 3413), được áp dụng đối với các khoá đào tạo theo chương trình đã chuyển đổi sang tín chỉ. Ngoài quy chế này, còn có “*Quy chế đào tạo đại học ở Đại học Quốc gia Hà Nội*” ban hành theo quyết định số 10/ĐT, ngày 04/02/2004, được áp dụng đối với các khoá đào tạo theo niên chế. Sinh viên từ khoá 2006 cần chú ý khi sử dụng các quy chế này của ĐHQG HN. Quy chế của ĐHQG HN có những điểm quy định khác so với Quy chế của Bộ GD&ĐT để đáp ứng sứ mệnh đào tạo chất lượng cao của ĐHQG HN và phù hợp với lộ trình chuyển đổi đào tạo theo tín chỉ ở tất cả các đơn vị thuộc ĐHQG HN.

(Để hiểu rõ hơn Quy chế của ĐHQG HN ban hành, cần xem thêm “*Hướng dẫn thực hiện Quy chế đào tạo đại học ở ĐHQG HN*” ban hành theo công văn số 523/ĐT, ngày 22/01/2008. Văn bản này có ở địa chỉ website nói trên).

- “*Quy định về đào tạo đại học theo tín chỉ ở Trường Đại học KHXH&NV*” ban hành theo quyết định số 2345, ngày 24/9/2007 (gọi tắt là Quy định 2345), là sự cụ thể hoá các quy chế của Bộ GD&ĐT, của ĐHQG HN. Quy định này có một số điểm khác biệt so với quy chế của ĐHQG HN (như về đăng ký môn học, về học phí...) bởi Trường ĐH KHXH&NV đào tạo hoàn toàn theo tín chỉ từ khoá 2007 trở đi.

- Với khoá 2006, quy chế được sử dụng trực tiếp là Quy chế 3413 của ĐHQG HN; với khoá 2007, sử dụng trực tiếp Quy định 2345 của Nhà trường.

Câu hỏi 2: Tại sao sinh viên phải đăng ký môn học?

Khi học tập bạn phải có thời khóa biểu. Ở trường phổ thông hay trong đào tạo đại học theo học chế niên chế, thời khóa biểu do nhà trường xếp sẵn. Sinh viên buộc phải học theo thời khóa biểu đó mà không có lựa chọn nào khác. Tuy nhiên, sức học của mỗi người khác nhau; điều kiện tài chính, sức khỏe của mỗi người khác nhau; mục tiêu hoàn thành chương trình đào tạo ở đại học cũng có thể khác nhau cho nên tạo cơ hội để sinh viên lựa chọn khối lượng học tập, môn học, thời gian học và cao hơn là **chọn Thầy dạy**, trong đào tạo theo tín chỉ có việc đăng ký môn học. Đây là một đặc trưng, một điều kiện cơ bản để người học chủ động trong học tập.

Với ý nghĩa đó, đăng ký môn học là quy định bắt buộc đối với sinh viên học theo học chế tín chỉ. Vì thế, nếu sinh viên không đăng ký môn học sẽ bị coi là tự ý bỏ học.

Việc đăng ký môn học không khó, chỉ cần nắm vững quy định của nhà trường về đăng ký môn học, chương trình đào tạo, kế hoạch giảng dạy của nhà trường trong mỗi học kỳ và sử dụng tốt chức năng đăng ký môn học qua phần mềm quản lý đào tạo là bạn có thể thực hiện thành công.

Hãy nhớ kỹ 4 điều kiện quan trọng trên để đăng ký môn học cho tốt.

Câu hỏi 3: Hạng học lực là gì? Tại sao chỉ có 2 hạng học lực mà không quy định hạng xuất sắc, giỏi, khá, trung bình?

Hạng học lực là việc phân loại kết quả học tập của sinh viên sau mỗi học kỳ.

Sau mỗi học kỳ, sinh viên có điểm trung bình chung học tập của học kỳ (xem Điều 29) với các loại xuất sắc, khá, giỏi, trung bình và không đạt xếp loại.

Với sinh viên đạt loại xuất sắc, giỏi, khá và trung bình thì việc học tập trong học kỳ kế tiếp không có nhiều khó khăn. Tuy nhiên, với sinh viên không đạt xếp loại (nhưng chưa tới mức bị buộc thôi học – xem Điều 19 chắc chắn việc học tập có khó khăn do năng lực học tập yếu.

Nếu sinh viên tiếp tục học với khối lượng lớn như những sinh viên đạt xếp loại kết quả học tập khác thì nguy cơ sinh viên có thể tiếp tục không đạt kết quả học tập theo yêu cầu của Điều 19 là hoàn toàn có thể xảy ra.

Chính vì vậy, cần có cơ chế để quản lý khối lượng học tập của số sinh viên không đạt xếp loại kết quả học tập. Quy định về hạng học lực như ở Điều 12 chính là nhằm mục đích đó.

Câu hỏi 4: Kết quả môn Giáo dục thể chất và Giáo dục Quốc phòng có được tính vào điểm trung bình chung học tập để xét học vụ, xét học bổng, xét tốt nghiệp không?

KHÔNG TÍNH. Tuy nhiên, nếu kết quả học 2 môn học này chưa đạt thì sinh viên chưa được xét tốt nghiệp. Đối với môn Giáo dục quốc phòng, điểm đạt là điểm 5 (điểm môn học)

Câu hỏi 5: Sinh viên bị điểm F có được thi lại không? Thi lại bao nhiêu lần? Điểm thi lại là điểm môn học hay điểm thi kết thúc môn học?

Sinh viên bị điểm F được thi lại 1 lần. Nếu thi lại vẫn không đạt, sinh viên phải đăng ký học lại môn học này (nếu là môn bắt buộc), còn nếu là môn tự chọn thì chọn môn học khác để học lại hoặc học lại chính môn học đó.

Câu hỏi 6: Nếu điểm thi kết thúc môn học thấp, nhưng điểm môn học vẫn đạt, có được thi lại để điểm cao hơn có được không?

KHÔNG. Việc thi lại hay không chỉ xem xét với điểm môn học, sau khi đã đổi sang điểm chữ. Nếu là điểm F, chắc chắn phải thi lại. Nếu là điểm D, sinh viên phải đăng ký học lại rồi mới được thi để cải thiện điểm.

Câu hỏi 7: Tại sao sinh viên có điểm D được phép học lại để cải thiện điểm?

Nếu 100% môn học đạt điểm D thì kết quả học tập dưới loại Trung bình (không được công nhận tốt nghiệp) hoặc nhiều môn học bị điểm D thì điểm trung bình chung tích lũy sẽ thấp, hạng tốt nghiệp không cao. Nếu muốn tốt nghiệp và tốt nghiệp ở thứ hạng cao sinh viên cần cải thiện điểm. Sự linh hoạt của đào tạo theo tín chỉ cho phép đăng ký học lại để cải thiện điểm.

Câu hỏi 8: Em bị thi lại thì phải làm những thủ tục gì? Phải đóng bao nhiêu tiền?

Lịch thi được gửi về các khoa, đăng trên website của phòng Đào tạo, sinh viên theo lịch đến thi không phải làm thủ tục gì, không phải đóng lệ phí thi. Lịch thi này cũng dành cho những sinh viên chưa dự thi kết thúc môn học lần thi thứ nhất. Khi điều kiện kỹ thuật cho phép, sinh viên muốn dự thi phải đăng ký dự thi qua phần mềm giống như đăng ký môn học.

Câu hỏi 9: Trong đợt thi kết thúc môn học hay còn gọi là thi cuối kỳ, nếu bị ốm phải nghỉ thi, như vậy chỉ được thi 1 lần duy nhất vào kỳ thi lần 2?

Nếu nghỉ thi lần 1 có lý do thì kết quả kỳ thi lần 2 được tính là lần 1 và tính là điểm thi kết thúc môn học (điều này khác với sinh viên thi không đạt ở lần 1). Sau đó, nếu điểm môn học không đạt, sinh viên được quyền dự thi 1 lần nữa nhưng vào kỳ thi của môn học đó ở học kỳ kế tiếp

(nếu có) vì quy chế quy định 1 môn học của 1 học kỳ chỉ được tổ chức tối đa 2 kỳ thi.

Câu hỏi 10: Kỳ thi lần 1 bị ốm nhưng đến kỳ thi lần 2 cũng không dự thi được vì lý do khách quan thì điểm môn học này được xử lý như thế nào?

- Trường hợp này, sinh viên sẽ nhận điểm I (điểm chưa đủ dữ liệu để đánh giá). Trong 2 học kỳ tiếp theo, sinh viên phải đăng ký thi lại. Sau khi thi, điểm I sẽ đổi thành điểm sinh viên đạt được. Nếu qua 2 học kỳ, sinh viên không đăng ký thi lại, điểm I sẽ bị đổi thành điểm 0 (không) và sinh viên phải học lại môn học đó.

- Khi có môn học đạt điểm I, việc tính điểm TBCHK của sinh viên sẽ không bao gồm điểm môn học đó. Sau khi đã trừ thời lượng của môn học đó, tổng thời lượng đã tích lũy của sinh viên vẫn đạt từ 17 tín chỉ (đối với hệ chuẩn) và 20 tín chỉ (đối với hệ chất lượng cao) thì sinh viên vẫn được đưa vào diện xét cấp học bổng nếu thỏa mãn các điều kiện khác được quy định tại điều 41 của Quy định 2345.

Câu hỏi 11: Những trường hợp nào thì sinh viên sẽ phải học lại một môn học?

Khi sinh viên không được dự thi kết thúc môn học hoặc sau khi thi lần 2, điểm môn học vẫn không đạt điểm tích lũy.

Câu hỏi 12: Đăng ký học lại, làm những thủ tục gì?

Việc đăng ký học lại được tiến hành cùng với việc đăng ký môn học cho học kỳ kế tiếp.

Câu hỏi 13: Khi nào kết thúc việc đăng ký học lại?

Theo kế hoạch đăng ký môn học cho học kỳ kế tiếp.

Câu hỏi 14: Việc rút bớt môn học sau khi đăng ký cần phải lưu ý những điểm nào?

Từ đầu tuần thứ 7 đến hết tuần thứ 8 của học kỳ, sinh viên được quyền rút bớt thời lượng đã đăng ký học. Sinh viên cần xem kỹ quy định về việc này tại điều 14 của Quy định 2345.

Câu hỏi 15: Việc cho phép rút bớt môn học để làm gì? Sinh viên có bị “phiền phức” gì khi thực hiện quyền này hay không?

- Khi bạn gánh nặng quá sức, bạn dễ gặp rủi ro như không về đích đúng như dự kiến hay sẽ bị ảnh hưởng đến sức khỏe. Trước khi gánh, ta có thể không lường trước được điều này. Sau khi bắt đầu chương trình

học tập của học kỳ, bạn mới biết những môn học trong học kỳ này là môn học khó và có phần quá sức nếu học đủ tất cả các môn học đã đăng ký hoặc bạn gặp rủi ro vì ốm đau hoặc bạn có cơ hội làm thêm để rèn luyện nghề nghiệp mà bạn không muốn bỏ lỡ. Khi đó, hãy nghĩ tới việc rút bớt môn học

- Rút bớt môn học là quyền của sinh viên và chẳng có “phiền phức” nào khi sinh viên thực hiện quyền này. Sẽ không có đánh giá nào về đạo đức (riêng điểm này bạn cần xem kỹ điều 14 của Quy định 2345) khi sinh viên rút bớt môn học.

- Rút bớt môn học là lợi thế của phương thức đào tạo theo tín chỉ mà sinh viên có thể khai thác. Điều quan trọng là cần tính toán kỹ lưỡng việc này bởi rút bớt môn học có nghĩa là thời gian kế tiếp phải học nhiều hơn hoặc thời gian của khóa học phải kéo dài hơn.

Câu hỏi 16: Có được đăng ký học môn học ở trường khác trong ĐHQGHN không?

ĐƯỢC. Đối với các môn học chung trong các CTĐT (cùng môn học, cùng thời lượng), sinh viên giữa các trường trong ĐHQG HN có thể đăng ký học tại trường bạn theo sự giới thiệu của phòng Đào tạo. Tuy nhiên, việc đăng ký học phải đảm bảo không trùng thời khoá biểu đã có ở trường. Sau khi kết thúc học, sinh viên phải nộp chứng nhận kết quả học tập về phòng Đào tạo.

Câu hỏi 17: Nếu môn học của học kỳ I kết quả không đạt nhưng là môn tiên quyết cho môn học đã đăng ký trong học kỳ II thì xử lý thời khoá biểu như thế nào?

- Đây là điều không ai mong đợi. Môn học tiên quyết không đạt kéo theo nhiều vấn đề. Khi môn học tiên quyết không đạt thì không được học môn học kế tiếp của môn học đó. Vì trường ta tổ chức đăng ký học theo lộ trình sớm (bắt đầu đăng ký cho học kỳ kế tiếp trước khi kết thúc học kỳ hiện tại) nên khi có điểm môn học của các môn tiên quyết, phòng Đào tạo phải tiến hành xét kết quả đăng ký môn học của sinh viên. Những môn học kế tiếp của môn tiên quyết mà điểm chưa đạt (sau khi đã thi lần 2) thì phải loại ra khỏi thời khoá biểu đã được phòng Đào tạo cấp.

- Ngoài việc ảnh hưởng về thời khoá biểu đã đăng ký ở học kỳ kế tiếp như đã nêu trên thì có nguy cơ ảnh hưởng đến cả tiến trình học tập.

Đối với các CTĐT của trường ta, điều này rất dễ xảy ra với sinh viên năm thứ nhất, năm thứ hai

Câu hỏi 18: Những trường hợp nào sinh viên sẽ bị buộc thôi học?

Xem kỹ điều 19 và điều có liên quan là điều 7. Điều quan trọng là *ngay sau mỗi học kỳ, nhà trường sẽ xem xét kết quả học tập của từng sinh viên để xác định những trường hợp bị buộc thôi học.*

Vì thế, những học kỳ đầu tiên phải hết sức cố gắng, không bị “ru ngủ” bởi thành tích thi đại học hay những cái mới trong cuộc sống sinh viên bởi nếu bạn học không tốt, không có cơ hội để sửa sai.

Câu hỏi 19: Sinh viên đã có kết quả học tập tại một trường đại học khác thì có được bảo lưu hay không?

Được bảo lưu. Hãy xem kỹ Điều 27. Nếu bạn có kết quả học tập tại một trường đại học khác, hãy hỏi ý kiến cố vấn học tập để đề nghị được bảo lưu các kết quả này.

Khi thực hiện được điều này, bạn không chỉ tiết kiệm được chi phí học tập (sinh viên nộp học phí theo số tín chỉ đăng ký học) mà quan trọng hơn, bạn có cơ hội để tập trung cho các môn học còn lại trong chương trình đào tạo hoặc học thêm ngành học thứ hai hay đi làm thêm.

Câu hỏi 20: Đầu khóa học, nhà trường tổ chức kiểm tra trình độ ngoại ngữ của sinh viên để làm gì?

Việc kiểm tra trình độ ngoại ngữ của sinh viên nhằm:

- Xếp sinh viên vào các lớp học có trình độ phù hợp. Tránh tình trạng sinh viên học khá, giỏi phải học cùng sinh viên học yếu hơn sẽ dẫn đến lãng phí thời gian của sinh viên đó. Ngược lại, sinh viên học yếu khi học cùng sinh viên khá, giỏi sẽ không theo kịp với tiến độ học tập của lớp và điều đó là bất lợi với sinh viên đó.

- Nếu sinh viên kiểm tra đạt kết quả tốt, căn cứ kết quả đó, nhà trường sẽ xem xét công nhận điểm môn học Ngoại ngữ cơ sở I, II hoặc III với mức điểm tương ứng. Khi đó, bạn không phải học môn học này mà lại được kết quả tốt. Lợi ích bạn có cũng giống như trường hợp bạn được bảo lưu kết quả từ một trường đại học khác vậy.

Vì thế, sinh viên nên cố gắng tối đa cho kỳ kiểm tra trình độ ngoại ngữ này.

GIỚI THIỆU VỀ WEBSITE CỦA PHÒNG ĐÀO TẠO

Là một bộ phận của website Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn (<http://www.ussh.edu.vn>), website của phòng Đào tạo (<http://dt.ussh.edu.vn>) có chức năng:

1. Cập nhật thông tin về hoạt động đào tạo đại học của nhà trường;
2. Phổ biến các quy chế, quy định, hướng dẫn, biểu mẫu về đào tạo đại học;
3. Giới thiệu các chương trình đào tạo, tiến trình đào tạo;
4. Giới thiệu các tài liệu về đào tạo theo tín chỉ cho giảng viên và sinh viên;
5. Là kênh tương tác giữa phòng Đào tạo với sinh viên qua kết nối với diễn đàn sinh viên **svnhanvan.org**;
6. Kết nối với Cổng thông tin (portal) dành cho giảng viên và sinh viên, phục vụ hoạt động giảng dạy và học tập

Với chức năng như trên, hiện tại, website của phòng Đào tạo có các thư mục sau:

1. Giới thiệu: Thông tin về đội ngũ và phân công công việc của cán bộ phòng. Khách bên ngoài, cán bộ và sinh viên trước khi đến làm việc với phòng Đào tạo có thể xem trước để biết rõ làm việc trực tiếp với ai.

2. Tuyển sinh: Thông tin về tình hình tuyển sinh đại học (chính quy, tại chức) và tuyển sinh đào tạo ngắn hạn (chương trình cấp chứng chỉ, bổ túc kiến thức, học dự thính).

3. Tin tức: Các thông báo về công việc đào tạo của Trường. Từ học kỳ I, năm học 2008 – 2009, mở rộng chức năng này để giảng viên, cố vấn học tập, cán sự lớp có thể đăng các thông báo của mình liên quan đến công việc.

4. Văn bản pháp quy và công văn: Thư mục này gồm có

- Văn bản của nhà nước
- Văn bản của Bộ Giáo dục và Đào tạo
- Văn bản của Đại học Quốc gia Hà Nội
- Văn bản của Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn

15. Phản hồi về đào tạo: Bạn gửi ý kiến cho phòng Đào tạo khi đang truy cập website này mà không cần phải mở hộp thư điện tử của bạn.

Website của phòng Đào tạo chính thức hoạt động từ ngày 24/9/2007. Nhiều nội dung còn đang trong tiến trình xây dựng. Rất mong các giảng viên, cán bộ, sinh viên nhà trường góp ý kiến xây dựng để website phục vụ tốt hơn cho công tác đào tạo của nhà trường.

[illegible]

MỘT SỐ KỸ NĂNG SINH VIÊN MỚI NHẬP HỌC NÊN CÓ KẾ HOẠCH HỌC HỎI VÀ THỰC HÀNH

Vì sao cần bàn về chủ đề này? Với sinh viên mới, khi có rất nhiều điều cần biết, cần làm thì thời điểm nào quan tới vấn đề này là phù hợp? Sinh viên mới có thể tìm hiểu những kỹ năng này ở đâu? Bằng cách nào?

Chúng tôi không có câu trả lời chi tiết cho bạn về những câu hỏi này bởi nếu bạn cần, bạn sẽ biết cách trả lời.

Bạn có nhiều lựa chọn để thực hiện điều bạn cần:

1. Tìm kiếm trên internet
2. Tìm các sách dạy về kỹ năng
3. Học hỏi từ bạn bè, anh chị khóa trên
4. Tham gia các khóa học ngắn được Đoàn, Hội tổ chức
5. Tham gia các khóa học ở bên ngoài trường (có trả phí, đôi khi miễn phí)
6. Tham gia hoặc thành lập các nhóm sở thích, câu lạc bộ v.v và v.v

Dưới đây, chúng tôi chỉ liệt kê một số kỹ năng sinh viên cần quan tâm. Thứ tự của danh mục này không phản ánh mức độ ưu tiên bởi lựa chọn ưu tiên tìm hiểu kỹ năng nào xuất phát từ nhu cầu của bạn.

1. Kỹ năng thuyết trình
2. Kỹ năng thuyết phục
3. Kỹ năng làm việc nhóm
4. Kỹ năng lập kế hoạch cá nhân
5. Kỹ năng quản lý thời gian
6. Kỹ năng tìm kiếm thông tin
7. Kỹ năng soạn thảo văn bản
8. Kỹ năng phân tích SWOT
9. Kỹ năng ra quyết định
10. Kỹ năng giải quyết vấn đề

CÁC BIỂU MẪU DÀNH CHO SINH VIÊN (tải về từ website của phòng Đào tạo)

1. Phiếu đăng ký môn học
2. Phiếu rút bớt môn học
3. Phiếu đăng ký bổ sung môn học
4. Phiếu đăng ký học cải thiện điểm
5. Phiếu đăng ký thi kết thúc môn học
6. Đơn xin hoãn thi kết thúc môn học
7. Đơn đề nghị phúc khảo kết quả thi kết thúc môn học
8. Phiếu xác nhận điểm
9. Bảng điểm học kỳ, khóa học
10. Đăng ký học ngành thứ hai
11. Đơn xin chuyển trường
12. Đơn xin tạm dừng học tập
13. Đơn xin trở lại học tập
14. Đơn xin thôi học
15. Đăng ký xét bảo lưu điểm
16. Đăng ký xét điểm tương đương
17. Đăng ký xét tốt nghiệp
18. Đơn xin hoãn nộp học phí
19. Đơn đề nghị cấp lại tài khoản truy cập portal sinh viên
20. Đơn đề nghị cấp lại tài khoản email sinh viên
21. Báo cáo tình hình lớp môn học
22. Đăng ký sử dụng giảng đường
23. Giấy chứng nhận sinh viên
24. Giấy xác nhận là sinh viên để làm thủ tục vay vốn
25. Giấy chứng nhận lưu hồ sơ gốc
26. Đơn mượn giấy tờ trong hồ sơ sinh viên

[illegible]

[illegible]This image shows a full page of white paper with horizontal dotted lines. The lines are evenly spaced and run across the width of the page, providing a guide for handwriting practice. There are no margins, text, or other markings on the page.

This image shows a full page of white paper with horizontal dotted lines. The lines are evenly spaced and run across the width of the page, providing a guide for handwriting practice. There are no margins, text, or other markings on the page.This image shows a full page of white paper with horizontal dotted lines. The lines are evenly spaced and run across the width of the page, providing a guide for handwriting practice. There are no margins, text, or other markings on the page.

[illegible][illegible]